

CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT

=====

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

(PHẦN BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT - THI CÔNG)

CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐÒI MỎ XÃ PHÚC SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ : ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN

ĐẠI DIỆN CĐT : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ – HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN

ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TVTK : CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT

Hà Nội, Tháng 12 năm 2025

HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT
(PHẦN BÀN VỀ THIẾT KẾ KỸ THUẬT - THI CÔNG)

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN

CHỦ ĐẦU TƯ : ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN

BÀI DIỄN CBT : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẠNG XÃ PHÚC SƠN

ĐỊA ĐIỂM XD : XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐƠN VỊ TVTK : CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT

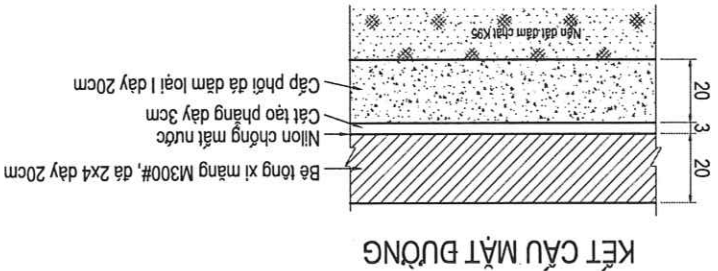
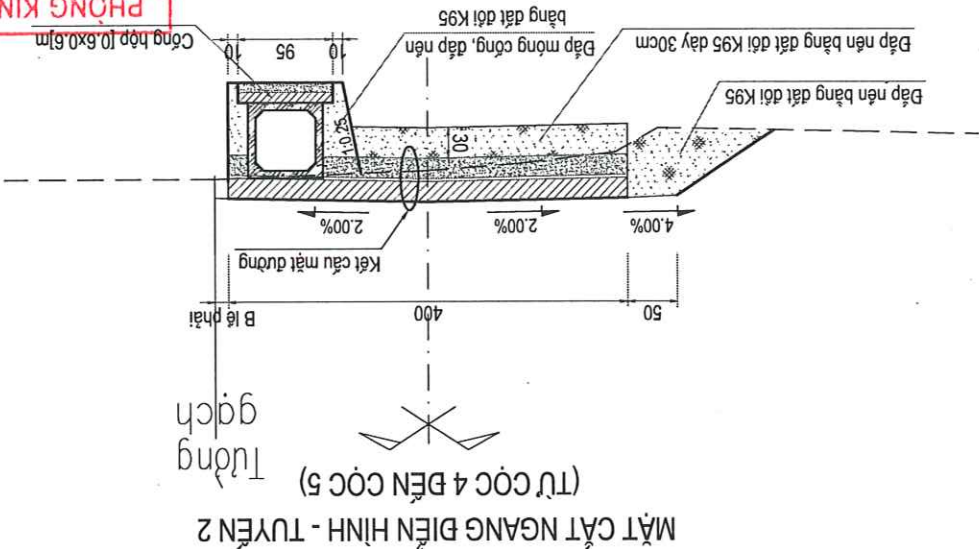
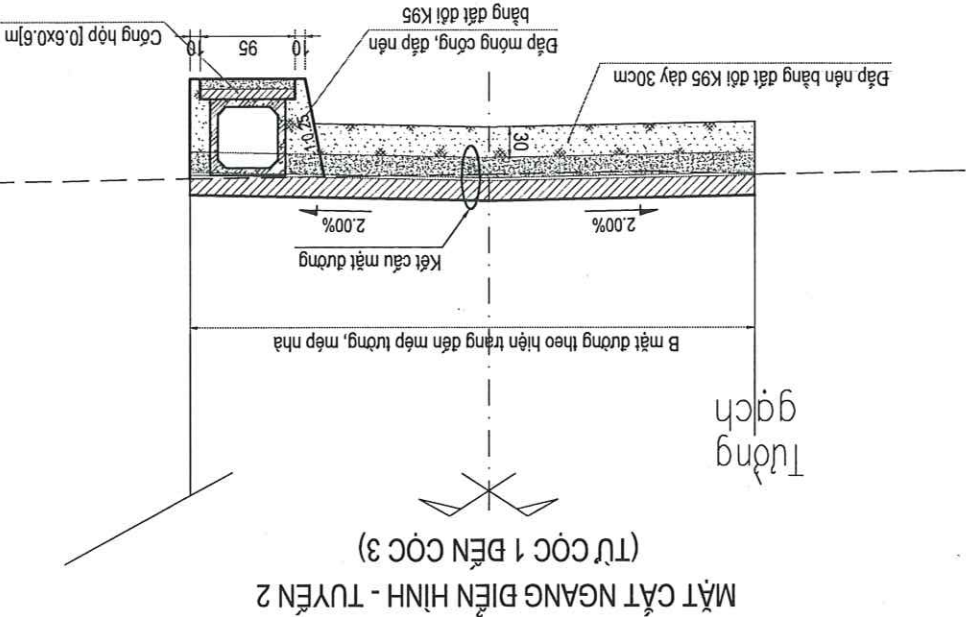
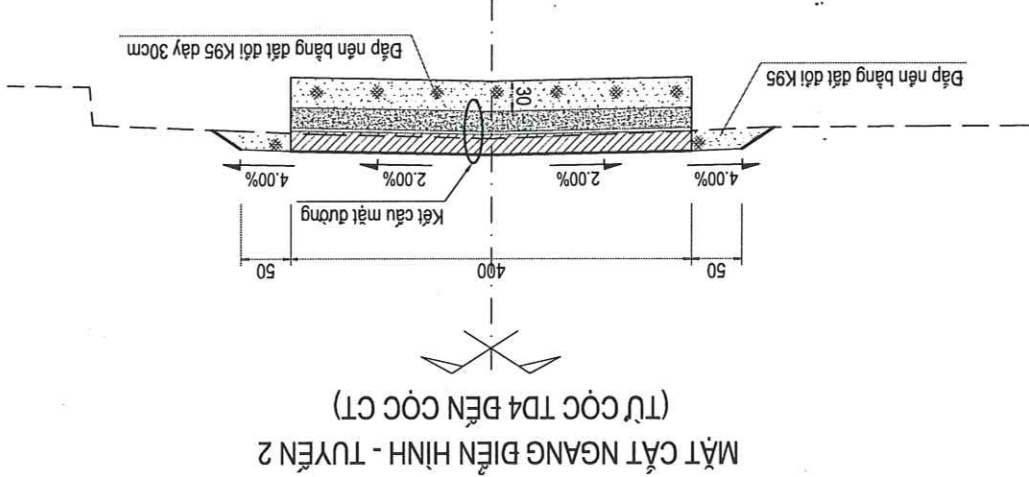
BÀI DIỄN CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẠNG
XÃ PHÚC SƠN
Nguyễn Văn Khoa
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Khoa

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH ĐTK
THÀNH ĐẠT
M.S.D.N: 0108372885 - C.T.T.H.H
Nguyễn Văn Khoa
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐỒ MINH BẬT

CÁC BẢN VẼ ĐIỆN HÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN GIÁM ĐỐC ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MŨI XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
MẶT CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH		TUYẾN 2		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/75	
				LẦN XUẤT BẢN: 01			

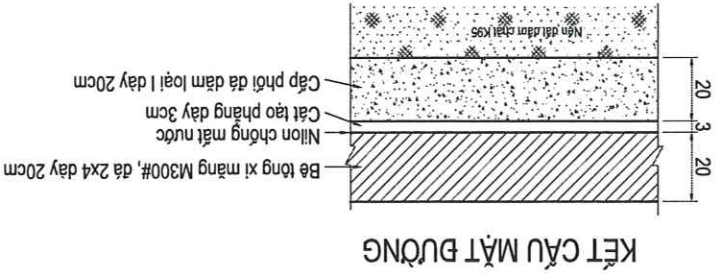
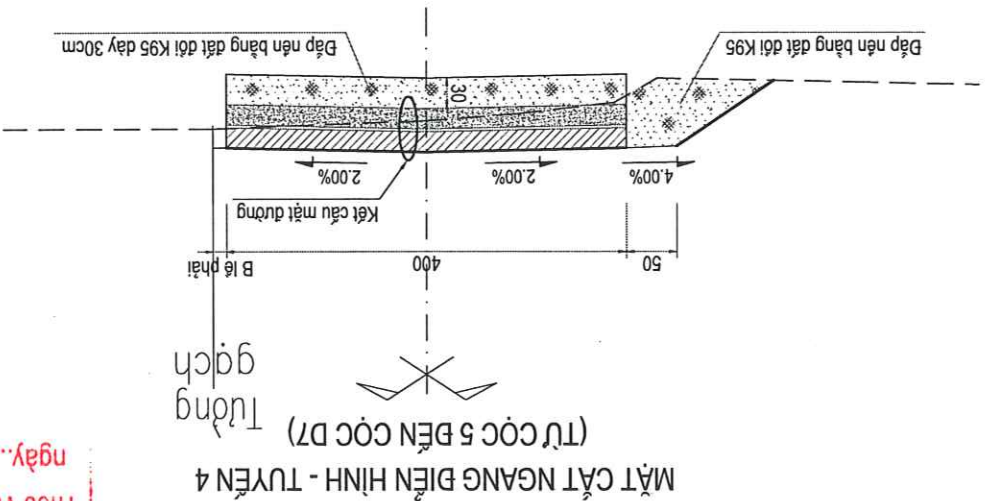
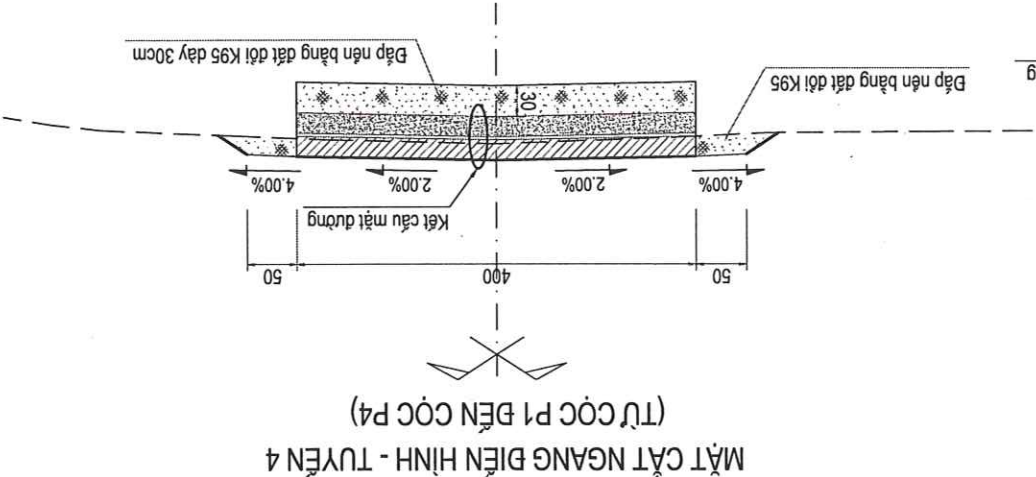
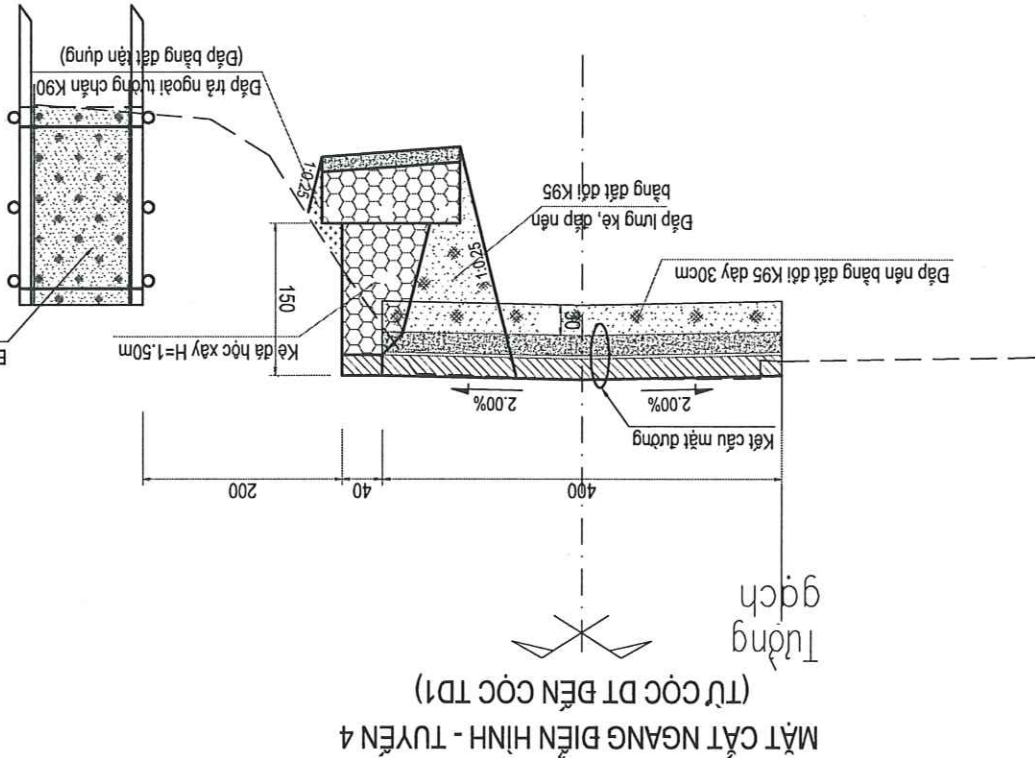
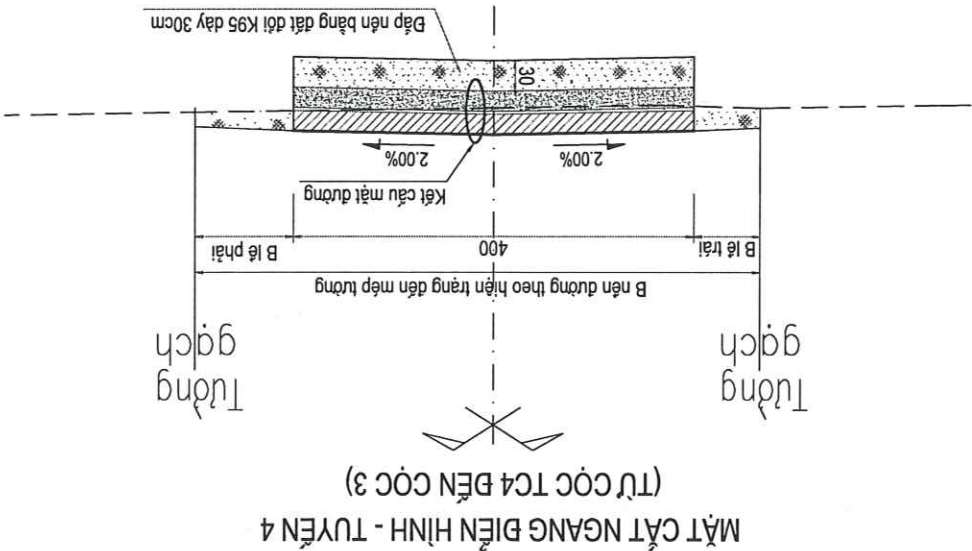


GHI CHÚ:
- Các kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

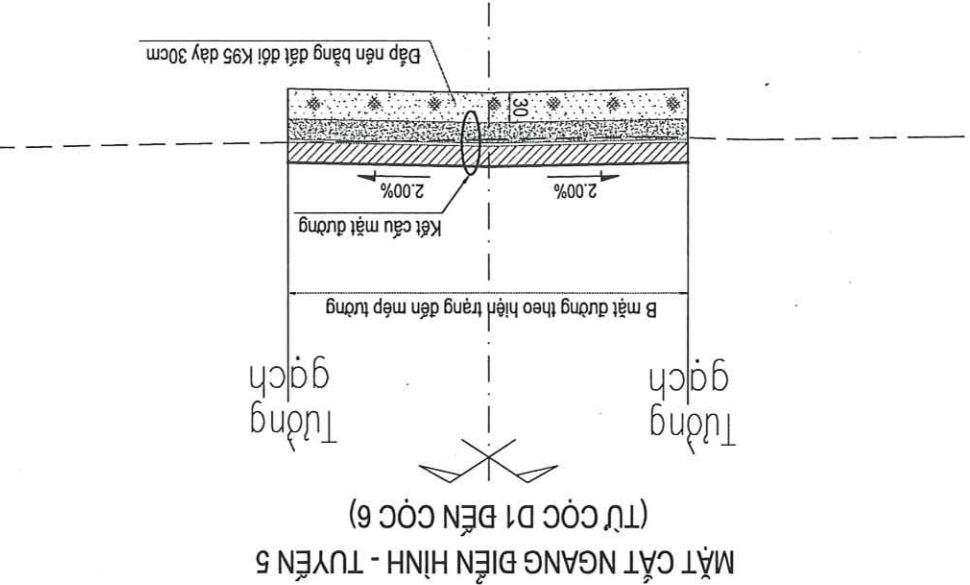
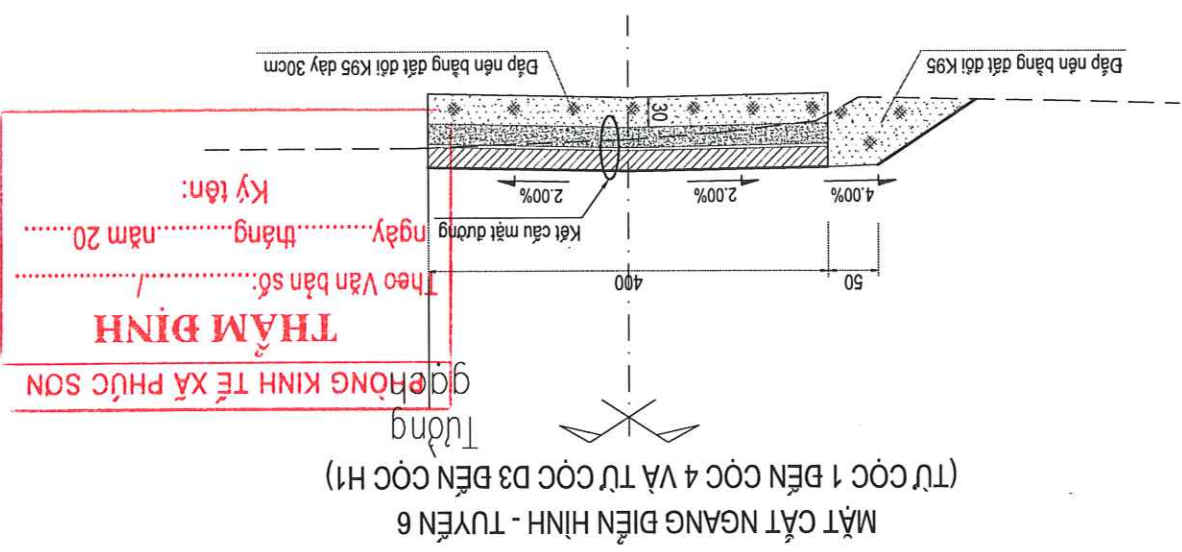
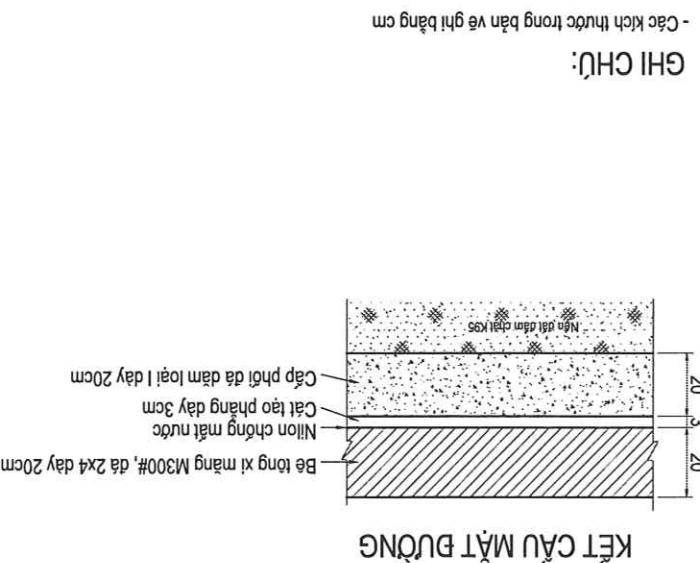
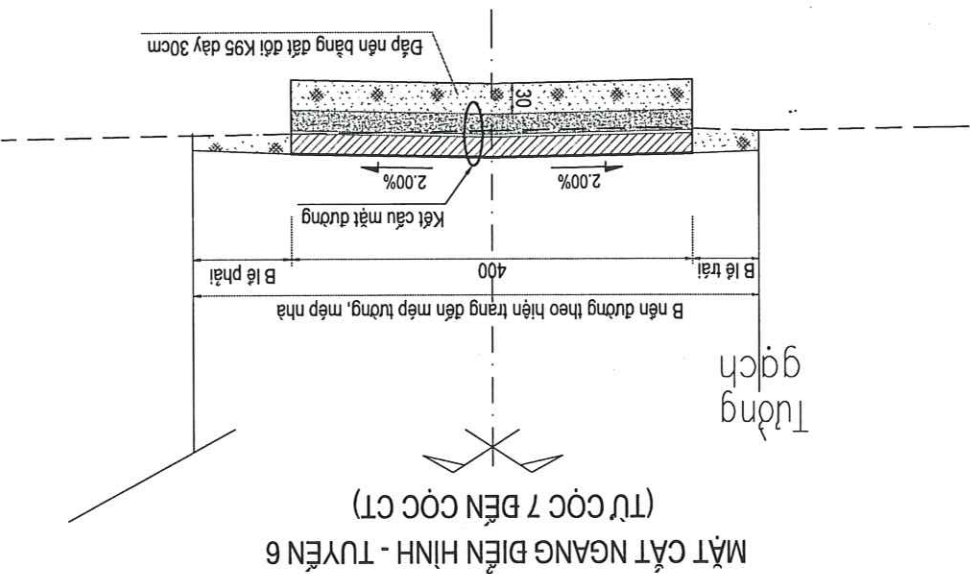
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
				CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
MẶT CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH		TUYẾN 4		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/75	

GHI CHÚ:
- Các kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm



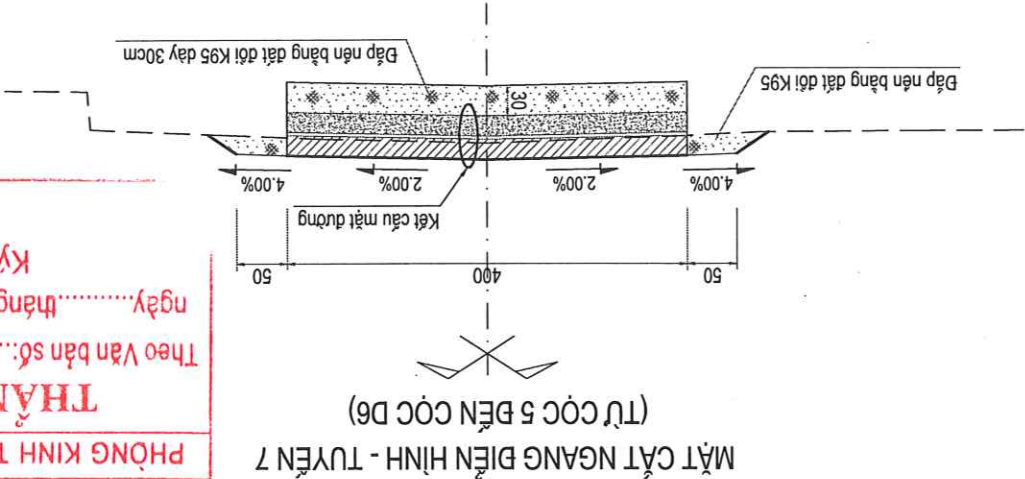
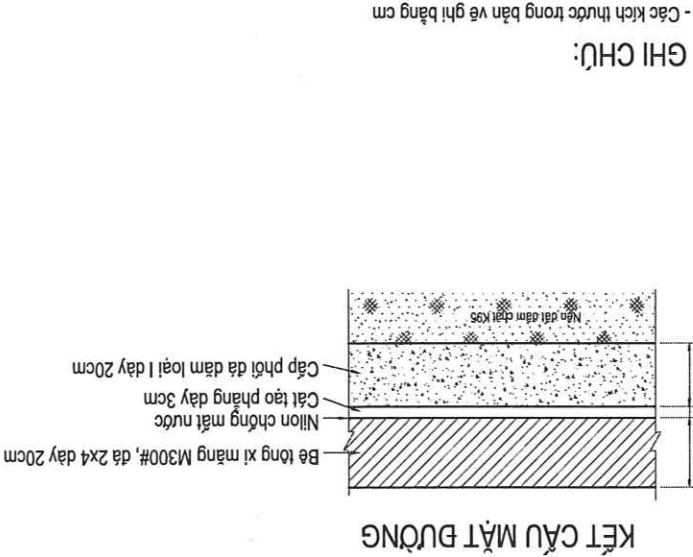
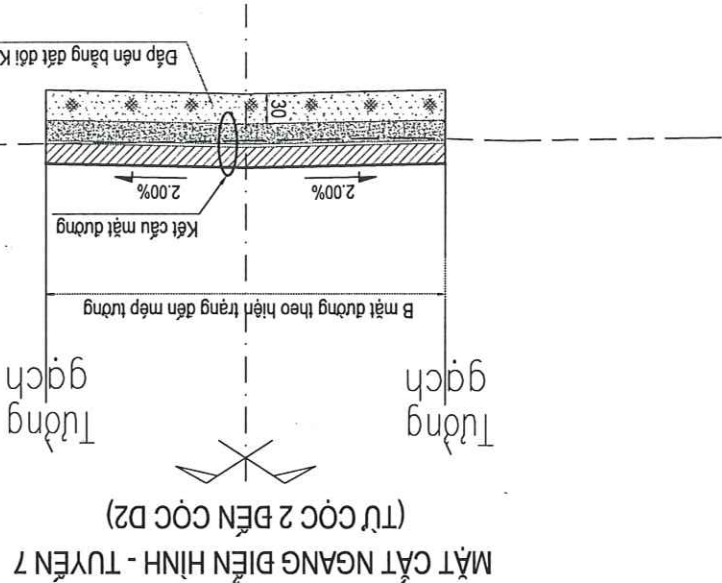
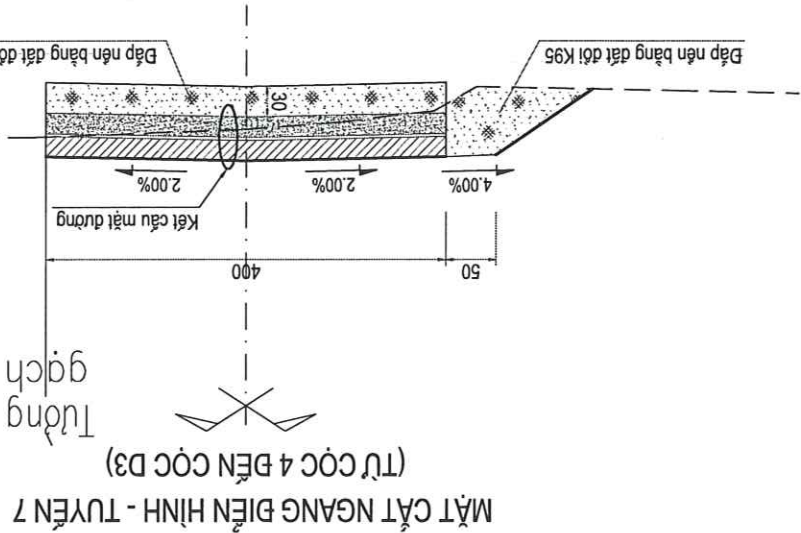
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH		TUYẾN 5, TUYẾN 6		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/75	
				LẦN XUẤT BẢN: 01			



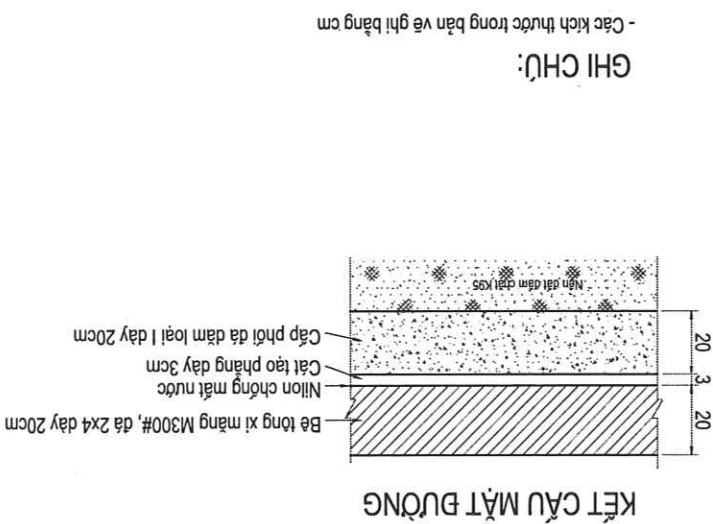
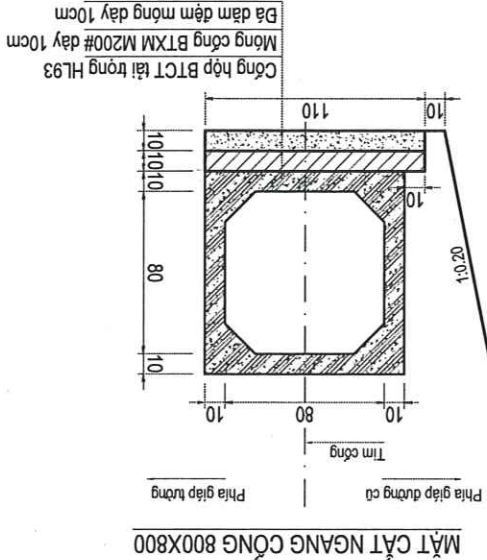
THẨM ĐỊNH
CHỖ ĐÓNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
Theo Văn bản số:
ngày..... tháng..... năm 20.....
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC	NGUYỄN VĂN VŨ
CHỦ LỆ VIẾT ĐƯC		CHỦ LỆ VIẾT ĐƯC		CHỦ LỆ VIẾT ĐƯC		NGỒ LỆ VIẾT ĐƯC	NGỒ LỆ VIẾT ĐƯC
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		BO MINH ĐẠT	BO MINH ĐẠT
MẶT CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH		TUYẾN 7		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01	TỶ LỆ: 1/75



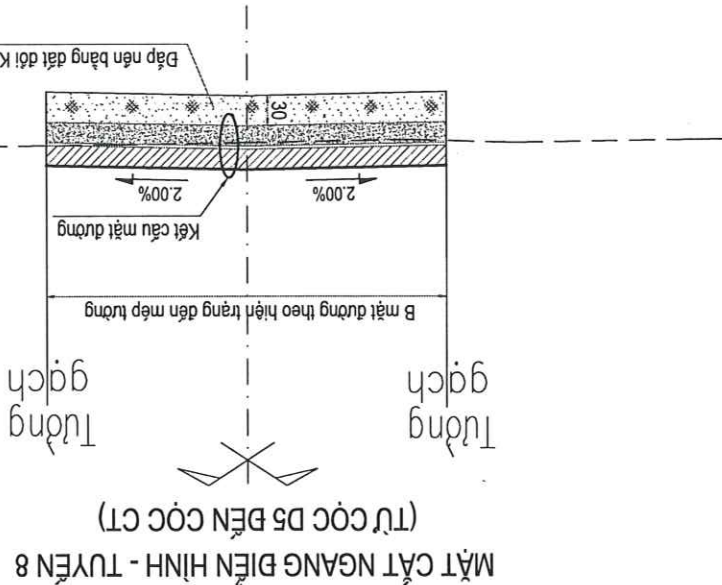
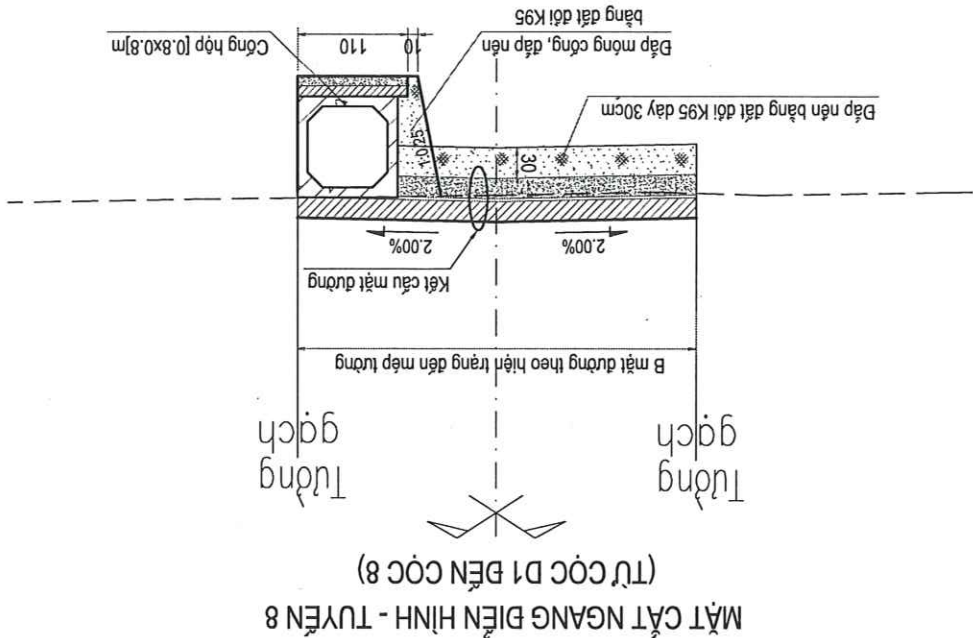
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /
ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLĐA ĐẦU TƯ - HÀ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
								ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
CHỦ NHIỆM TK	NGO LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGO LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT ĐTK THÀNH ĐẠT ĐỒ MINH ĐẠT GIÁM ĐỐC CHỦ NHIỆM ĐTK	
MẶT CẮT NGANG DIỄN HÌNH		TUYẾN 8		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01			



GHI CHÚ:

- Các kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT		TƯ VẤN THIẾT KẾ		HỒ SƠ BẢO CÀO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN THẨM ĐỊNH Theo Văn bản số:/..... ngày.....tháng.....năm 20..... Ký tên: MẶT CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH - TUYẾN 10 (TỪ CỌC D1 ĐẾN CỌC CT) Tường gách Đập nền bằng đất dới K95 Đập nền bằng đất dới K95 dày 30cm Kết cấu mặt đường 4.00% 2.00% 2.00% 50 400					
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG Đá 2x4 dày 20cm Nilon chống mất nước Cát tạo phẳng dày 3cm Cấp phối đá dăm loại I dày 20cm Nền đất dới dới K95 GHI CHÚ: - Các kích thước trong bản vẽ ghi bằng cm					
MẶT CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH TUYẾN 10 BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01 TỶ LỆ: 1/75					

KL CHI TIẾT KẾ BẠ HỌC XÂY (TÍNH CHO 1 ĐƠN VỊ)

STT	Hạng mục khối lượng	Đơn vị	Chiều cao H=1,10m	Chiều cao H=1,30m	Chiều cao H=1,50m	Chiều cao H=1,70m (áp (vai (đường)	Chiều cao H=2,30m
I	Khối lượng tính cho 1m kê						
1	Bà học xây thân kê VXM M100#	m3	0,580	0,740	0,915	1,100	1,701
2	Bà học xây móng kê VXM M100#	m3	0,700	0,730	0,760	0,740	0,860
3	Bê tông mũ kê M250#, đá 2x4	m3	0,08	0,08	0,08	0,08	0,08
4	Ván khuôn mũ kê	m2	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40
5	Bà dăm dệm móng Dmax<6cm, dày 15cm	m3	0,192	0,200	0,207	0,185	0,215
6	Cọc tre BK D=6-8cm, L=1-2,5m, 20-25 cọc/m2	m	25,60	26,60	86,25	24,60	28,60
II	Khối lượng tính cho 1 ống thoát nước lưng kê (3m kê/1 ống)						
7	Ông nhựa PVC D76mm	m	0,74	0,79	0,84	-	0,89
8	Bất sét dệm tầng lọc ngược	m3	0,027	0,027	0,027	-	0,027
9	Bà dăm tầng lọc ngược, đá 1x2	m3	0,018	0,018	0,018	-	0,018
10	Vải địa không dệt bịt đầu ống KT 20x20cm	m2	0,04	0,04	0,04	-	0,04
III	Khối lượng tính cho 1 khe phòng lùn (5m kê/ 1 khe)						
11	Chết khe phòng lùn bao tải tấm nhựa đường	m2	1,28	1,47	1,68	1,84	1,96
							3,21

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

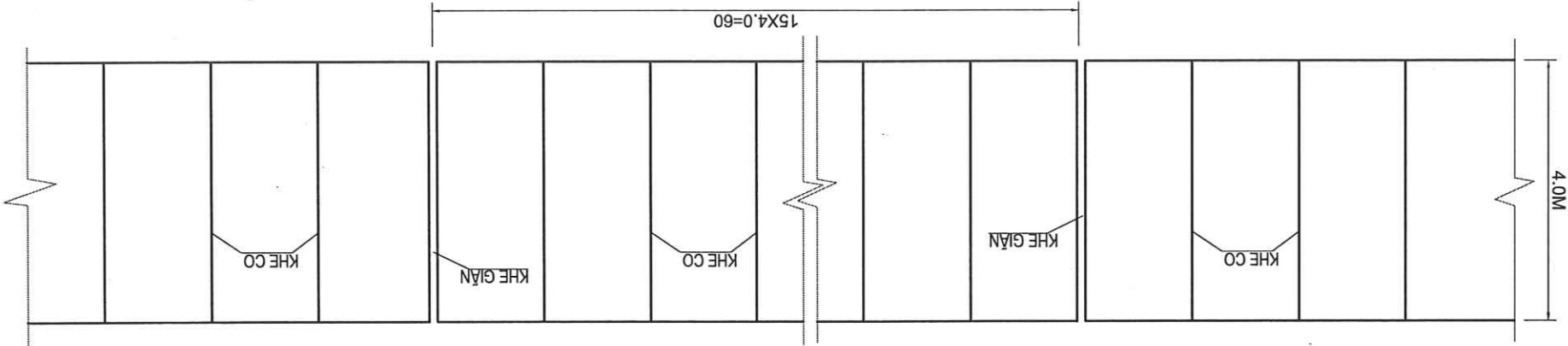
Theo Văn bản số:/

ngày.....tháng.....năm 20.....

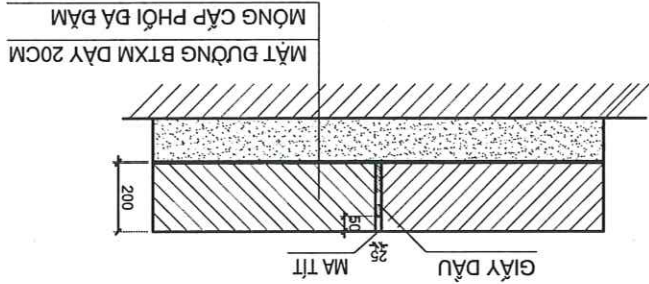
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MÔ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CHỈ TIẾT TƯỜNG CHẴN BÀ XÂY		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/50			
(02/02)		LẦN XUẤT BẢN: 01					

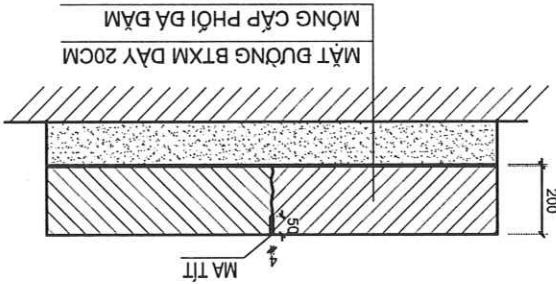
CẦU TẠO KHE CO GIẢN MẶT ĐƯỜNG BTXM - TUYẾN 2 ĐẾN TUYẾN 10



CẦU TẠO KHE GIẢN



CẦU TẠO KHE CO



GHI CHÚ:

- DỌC THEO TUYẾN CƯ 4M BỜ TRẢI 1 KHE CO, CÁCH 15 KHE CO (15X4M=60M) BỜ TRẢI 1 KHE GIẢN

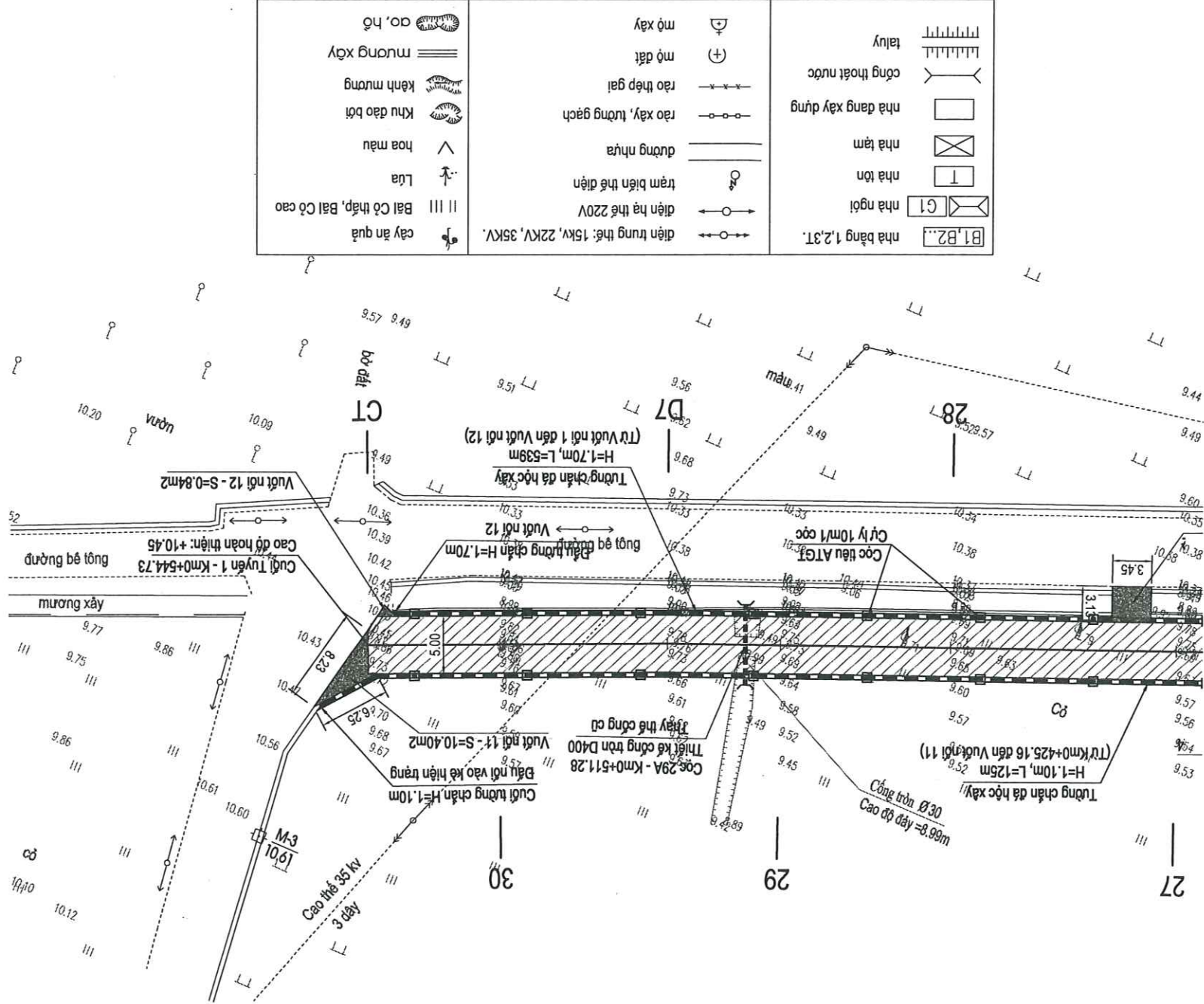
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MƠ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		KIỂM TRA	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
GIẢM ĐỐC		GIẢM ĐỐC		GIẢM ĐỐC	
BỘ MINH ĐẠT		BỘ MINH ĐẠT		BỘ MINH ĐẠT	
MẶT ĐƯỜNG BTXM - TUYẾN 2-10		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/50	
CẦU TẠO KHE CO GIẢN		LẦN XUẤT BẢN: 01			

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÁC BÀN VỀ THIẾT KẾ BÌNH ĐỘ-TRẠC DỘC-TRẠC NGANG

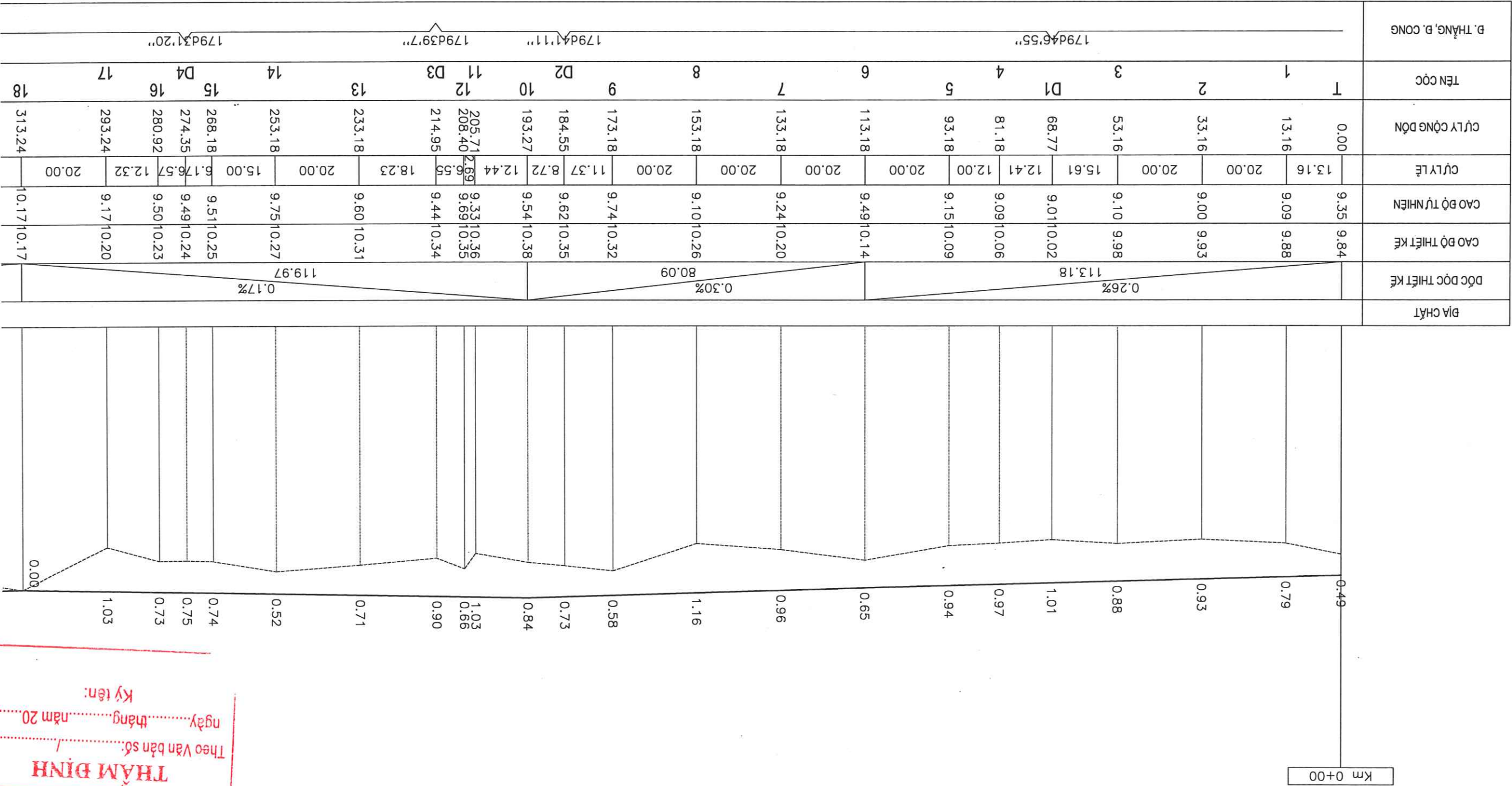
BÌNH ĐỒ-TRẮC DỒC-TRẮC NGANG TUYỂN 1

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THÀNH ĐÌNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA		NGUYỄN VĂN VŨ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		TỶ LỆ: 1/500	
BAN BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH:		CHỦ NHIỆM TK		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		BẢN VẼ SỐ:	
BAN BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		LẦN XUẤT BẢN: 01	
BAN BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỔI MÔ XÃ PHÚC SƠN		CHỦ TRÌ TK		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		BÌNH DỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 1	
BAN BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN										(04/04)	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		KIỂM TRA	
NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ	
THIẾT KẾ		THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHIỆM ĐỌC		CHỦ NHIỆM ĐỌC		NGUYỄN VĂN VŨ	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
GIẤM ĐỌC		GIẤM ĐỌC		GIẤM ĐỌC	
THÀNH ĐẠT ĐTK		THÀNH ĐẠT ĐTK		THÀNH ĐẠT ĐTK	
ĐỒ MINH BẬT		ĐỒ MINH BẬT		ĐỒ MINH BẬT	
TỶ LỆ: 1/1000, 1/100		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01	
TRẮC DỘC THIẾT KẾ - TUYẾN 1		(01/02)			



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

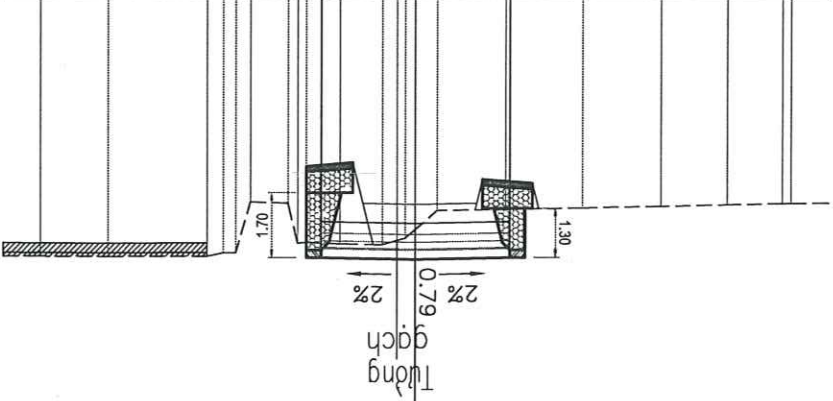
Theo Văn bản số: /

ngày: tháng: năm 20

Ký tên:

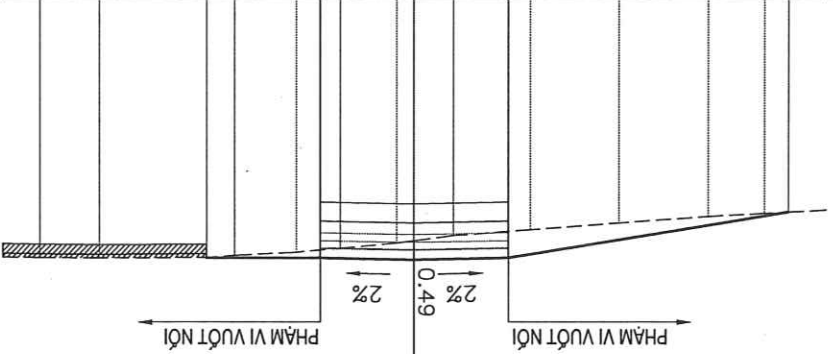
CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TRÌNH:		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VU	CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	TRÁC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 1 (01/10)	BẢN VẼ SỐ:	TỶ LỆ: 1/200
		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT							
BAN BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		CHỦ TRÌ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	LẦN XUẤT BẢN: 01	
CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT				THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC				

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
9.83	2.50	8.41	0.50
9.88	2.50	8.44	1.50
9.83		8.48	1.75
		8.52	2.08
		8.56	2.05
		8.59	1.81
		8.33	0.57
		8.38	0.40
		8.46	1.12
		9.42	0.90
		8.38	1.00
		8.38	0.40
		8.38	0.40
		9.79	2.67
		9.80	1.80



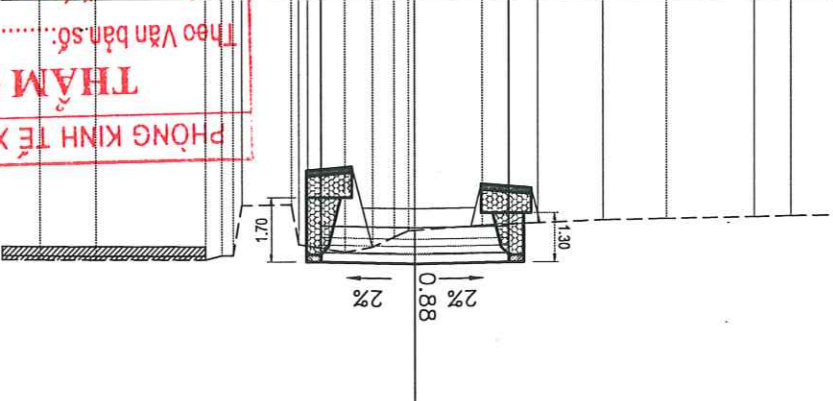
1. S Đào đất không thích hợp 1.64m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 4.23m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.06m2
6. B Mặt đường 1.20m2
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cát tạo phẳng 0.15m2
9. S Cáp phốt pho dăm loại I 0.80m2
10. S Cáp phốt pho dăm loại II 0.82m2
5.00m

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
9.79	2.50	8.61	0.65
9.84	2.50	8.64	1.52
9.79		8.72	2.37
		8.89	2.37
		9.07	2.37
		9.22	2.05
		9.35	1.04
		9.41	0.47
		9.54	1.51
		9.65	1.18
		9.73	1.64
		9.79	0.74
		9.80	2.89
		9.78	1.58



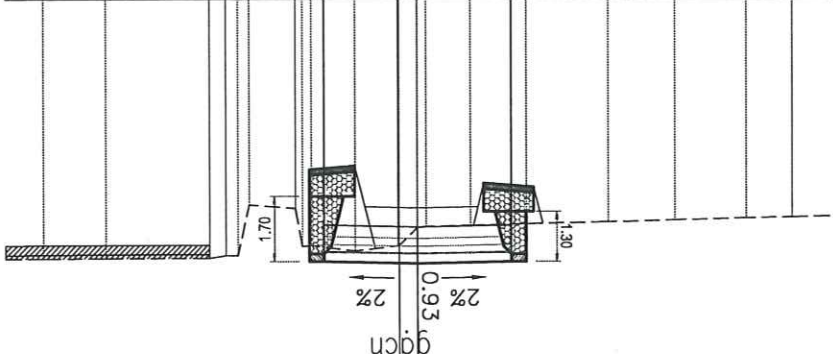
1. S Đào đất không thích hợp 4.88m2
2. S Đắp nền K98 1.50m2
3. S Đắp nền K95 2.5m2
4. S Đào móng tường chắn 0.00m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.00m2
6. B Mặt đường 1.20m2
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cát tạo phẳng 0.15m2
9. S Cáp phốt pho dăm loại I 0.90m2
10. S Cáp phốt pho dăm loại II 1.00m2
5.00m

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
9.93	2.50	8.72	0.98
9.98	2.50	8.74	2.35
9.93		8.79	1.67
		8.82	1.73
		8.90	1.47
		8.96	1.79
		9.10	0.32
		9.54	0.73
		9.67	1.01
		9.51	0.29
		8.44	0.40
		8.38	0.40
		9.86	2.94
		9.85	1.49



1. S Đào đất không thích hợp 4.77m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 4.77m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.16m2
6. B Mặt đường 1.20m2
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cát tạo phẳng 0.15m2
9. S Cáp phốt pho dăm loại I 0.80m2
10. S Cáp phốt pho dăm loại II 0.82m2
5.00m

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
9.88	2.50	8.72	1.24
9.93	2.50	8.75	1.92
9.88		8.80	1.76
		8.85	2.17
		8.90	1.49
		8.94	1.19
		8.97	0.29
		9.09	1.14
		9.46	1.18
		8.48	0.29
		8.40	0.40
		8.73	0.40
		9.79	2.79
		9.80	1.67

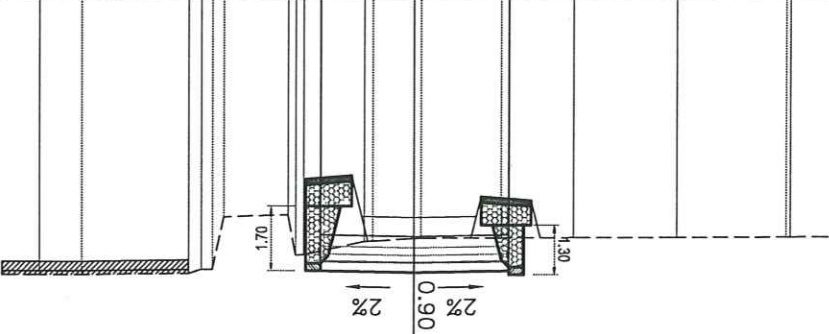


1. S Đào đất không thích hợp 1.94m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.31m2
4. S Đào móng tường chắn 4.82m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.18m2
6. B Mặt đường 1.20m2
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cát tạo phẳng 0.15m2
9. S Cáp phốt pho dăm loại I 0.80m2
10. S Cáp phốt pho dăm loại II 0.82m2
5.00m

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẢO VĂN BÀN SỐ: /
ngày... tháng... năm 20...
Ký tên:

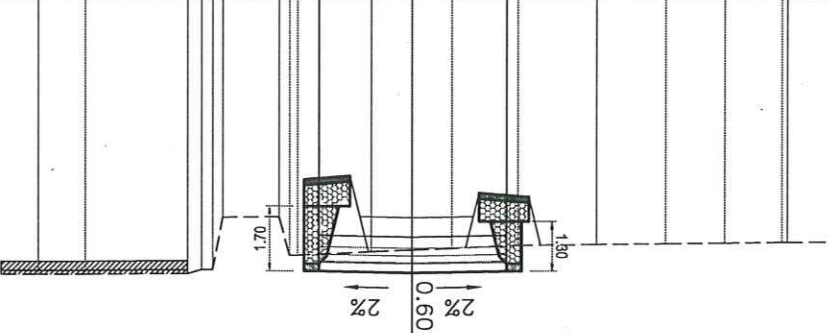
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC
		TỰ VẤN THIẾT KẾ		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MÔ XÃ PHÚC SƠN									
TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 1		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200											
(07/10)		LẦN XUẤT BẢN: 01													

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
10.22	2.50	9.31	2.92
10.27	2.50	9.31	2.75
10.22	2.50	9.34	1.93
10.22	2.50	9.35	2.12
10.22	2.50	9.36	1.11
10.22	2.50	9.37	0.23
10.22	2.50	9.45	0.62
10.22	2.50	9.79	1.70
10.22	2.50	8.80	2.85
10.22	2.50	10.32	1.13



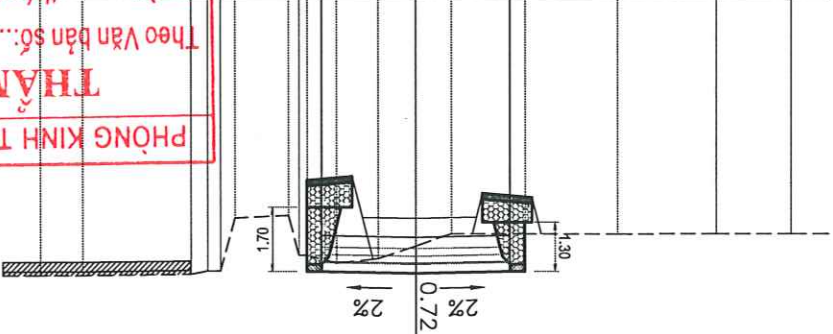
1. S Đào đất không thích hợp 1.68m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 4.34m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.19m2
6. B Một đường 1.20m
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cốt tạo phẳng 0.15m2
9. S Cốt phối đá dăm loại I 0.80m2
10. S Cốt phối đá dăm loại II 0.82m2

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
10.19	2.50	9.42	1.54
10.24	2.50	9.44	1.58
10.19	2.50	9.46	1.85
10.19	2.50	9.48	2.09
10.19	2.50	9.51	1.75
10.19	2.50	9.59	1.05
10.19	2.50	9.64	1.10
10.19	2.50	9.68	1.97
10.19	2.50	8.77	1.50
10.19	2.50	8.77	2.74
10.19	2.50	10.28	1.26



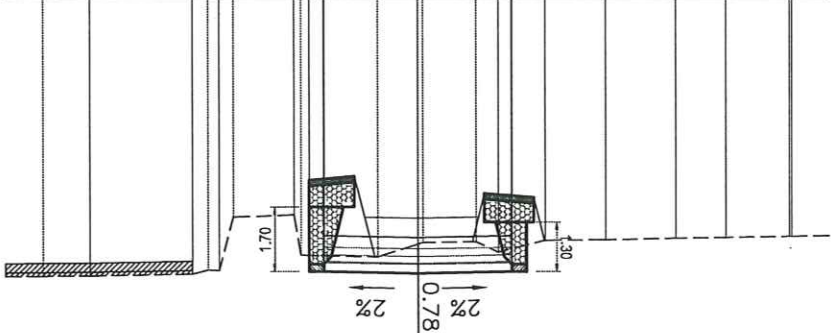
1. S Đào đất không thích hợp 2.38m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 5.18m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.32m2
6. B Một đường 1.20m
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cốt tạo phẳng 0.15m2
9. S Cốt phối đá dăm loại I 0.80m2
10. S Cốt phối đá dăm loại II 0.82m2

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
10.25	2.50	9.25	1.99
10.30	2.50	9.26	2.63
10.25	2.50	9.26	2.46
10.25	2.50	9.26	1.97
10.25	2.50	9.26	0.94
10.25	2.50	9.58	0.99
10.25	2.50	9.91	1.10
10.25	2.50	10.03	0.80
10.25	2.50	9.82	0.33
10.25	2.50	8.97	0.43
10.25	2.50	8.84	2.88
10.25	2.50	10.35	1.13



1. S Đào đất không thích hợp 2m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 4.84m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.18m2
6. B Một đường 1.20m
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cốt tạo phẳng 0.15m2
9. S Cốt phối đá dăm loại I 0.80m2
10. S Cốt phối đá dăm loại II 0.82m2

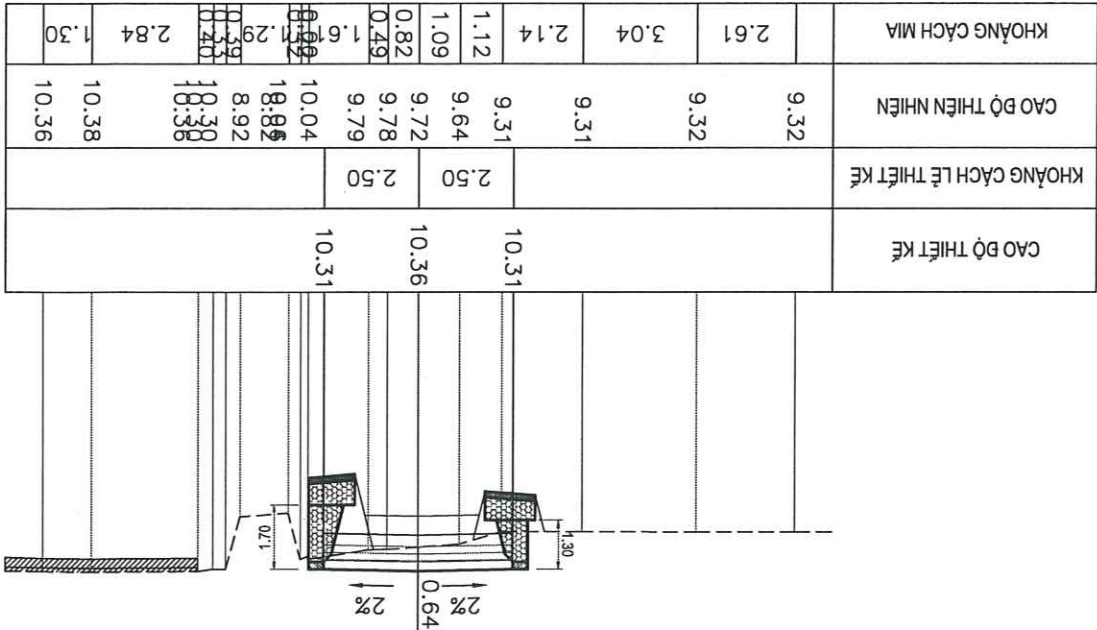
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
10.23	2.50	9.29	1.70
10.28	2.50	9.32	1.35
10.23	2.50	9.34	1.87
10.23	2.50	9.38	1.62
10.23	2.50	9.40	1.26
10.23	2.50	9.71	0.59
10.23	2.50	9.44	1.42
10.23	2.50	9.46	1.06
10.23	2.50	9.84	1.84
10.23	2.50	9.80	1.76
10.23	2.50	8.74	1.62
10.23	2.50	8.80	2.73
10.23	2.50	10.34	1.25



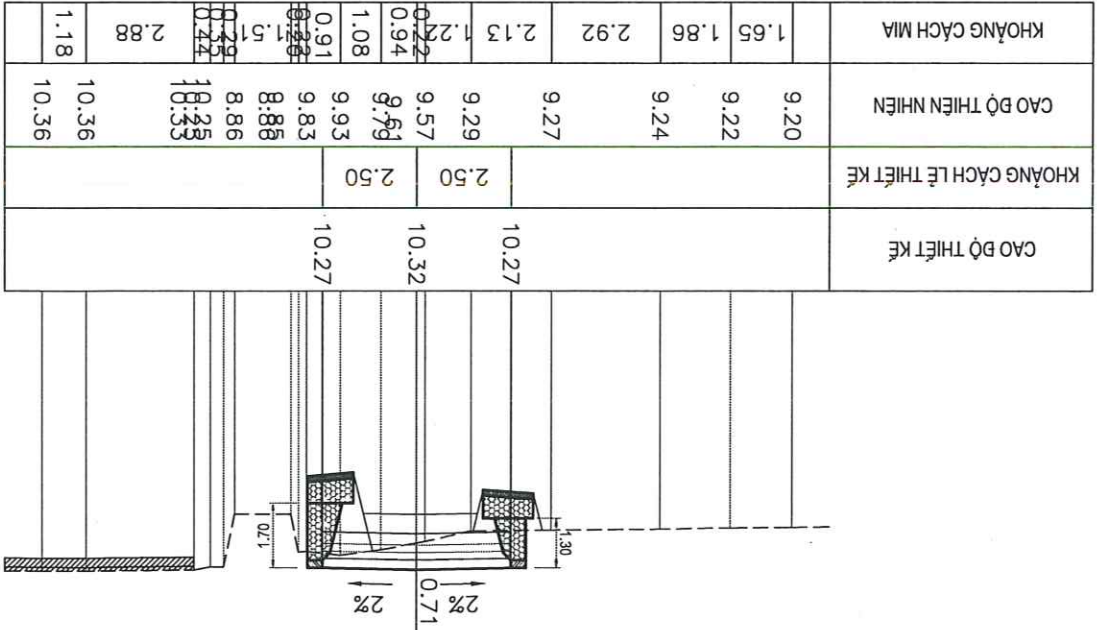
1. S Đào đất không thích hợp 2.09m2
2. S Đắp nền K98 1.14m2
3. S Đắp nền K95 2.34m2
4. S Đào móng tường chắn 5.25m2
5. S Đắp trở móng ngoài TC 0.28m2
6. B Một đường 1.20m
7. S Bê tông xi măng 1.20m2
8. S Cốt tạo phẳng 0.15m2
9. S Cốt phối đá dăm loại I 0.80m2
10. S Cốt phối đá dăm loại II 0.82m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
ngày: tháng năm 20.....
Ký tên:

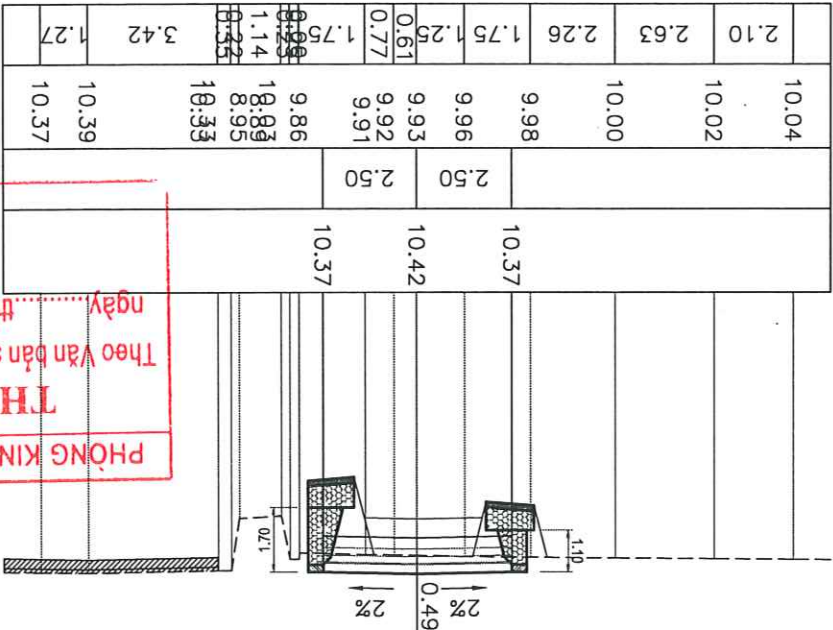
CÔNG TY TNHH DÂY XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HƠI DƯỚI ĐI ĐỘI MƠ XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
				KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 1 (08/10)		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT GIÁM ĐỐC		CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT ĐỒ MINH DẬT	
				CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		
BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200		LẦN XUẤT BẢN: 01			



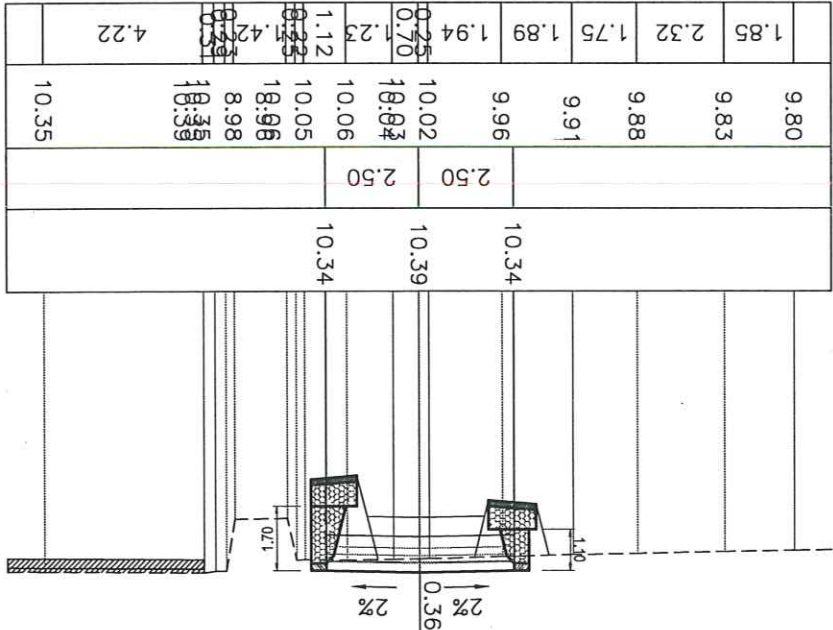
- C0C:24
KM:0+413.21
- S Đào đất không thích hợp
 - S Đắp nền K98
 - S Đắp nền K95
 - S Đào móng tường chắn
 - S Đắp trở móng ngoài TC
 - B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cốt phốt đá dăm loại I
 - S Cốt phốt đá dăm loại II
 - S Đắp trở móng ngoài TC
- 5.00m
1.20m2
0.15m2
0.80m2
0.82m2



- C0C:23
KM:0+393.22
- S Đào đất không thích hợp
 - S Đắp nền K98
 - S Đắp nền K95
 - S Đào móng tường chắn
 - S Đắp trở móng ngoài TC
 - B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cốt phốt đá dăm loại I
 - S Cốt phốt đá dăm loại II
 - S Đắp trở móng ngoài TC
- 5.00m
1.20m2
0.15m2
0.80m2
0.82m2



- C0C:26
KM:0+448.21
- S Đào đất không thích hợp
 - S Đắp nền K98
 - S Đắp nền K95
 - S Đào móng tường chắn
 - S Đắp trở móng ngoài TC
 - B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cốt phốt đá dăm loại I
 - S Cốt phốt đá dăm loại II
 - S Đắp trở móng ngoài TC
- 5.00m
1.20m2
0.15m2
0.80m2
0.82m2



- C0C:25
KM:0+433.21
- S Đào đất không thích hợp
 - S Đắp nền K98
 - S Đắp nền K95
 - S Đào móng tường chắn
 - S Đắp trở móng ngoài TC
 - B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cốt phốt đá dăm loại I
 - S Cốt phốt đá dăm loại II
 - S Đắp trở móng ngoài TC
- 5.00m
1.20m2
0.15m2
0.80m2
0.82m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
Theo Văn bản số: /
ngày... tháng... năm 20...
Ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT BƯỚNG - TUYẾN 1
CÔNG TRÌNH: BƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐOI MO XÃ PHÚC SƠN

Tên cọc	KC Ie	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI										KHỐI LƯỢNG													
		m	m2	m2	m2	m	m2	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3	m3	m3					
1. S đào đất không thích hợp	KC Ie	DT	13,16	1,64	1,14	2,34	4,23	0,06	5,00	1,20	0,15	0,90	1,00		42,90	17,37	31,85	27,83	0,39	65,80	15,79	1,97	11,19	11,98	
		1			1,14	2,34					0,15	0,80	0,82												
		2	20,00	1,94	1,14	2,31	4,82	0,18	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		67,10	22,80	46,50	95,90	3,40	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		3	15,61	4,77	1,14	2,34	4,77	0,16	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		48,63	17,80	36,53	72,43	2,26	78,05	18,73	2,34	12,49	12,80	
		D1	12,41	1,46	1,14	2,34	4,51	0,13	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		18,62	14,15	29,04	56,03	1,80	62,05	14,89	1,86	9,93	10,18	
		4		1,54	1,14	2,34	4,52	0,16	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		20,10	13,68	28,08	54,00	1,98	60,00	14,40	1,80	9,60	9,84	
		5	12,00	1,81	1,14	2,34	4,48	0,17	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		28,80	22,80	46,00	89,70	3,40	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		6	20,00	2,35	1,14	2,26	4,49	0,17	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		41,60	22,80	46,00	89,70	3,40	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		7	20,00	1,77	1,14	2,26	4,14	0,12	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		41,20	22,80	45,20	86,30	2,90	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		8	20,00	1,11	1,14	2,26	3,78	0,06	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		28,80	22,80	45,20	79,20	1,80	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
2. S Đào nền K95	KC Ie	9	20,00	2,54	1,14	2,26	4,85	0,26	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		36,50	22,80	45,20	86,30	3,20	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		D2	11,37	2,23	1,14	2,26	4,51	0,15	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		27,12	12,96	25,70	53,21	2,33	56,85	13,64	1,71	9,10	9,32	
		10	8,72	1,86	1,14	2,26	4,20	0,09	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		17,83	9,94	19,71	37,98	1,05	43,60	10,46	1,31	6,98	7,15	
		11	2,69	1,42	1,14	2,26	3,84	0,07	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		20,40	14,18	28,11	50,01	1,00	62,20	14,98	1,86	10,20	10,20	
		12	6,55	2,94	1,50	2,53	3,15	-	5,00	1,20	0,15	0,90	1,00		15,13	8,65	15,69	22,60	0,43	32,75	7,86	0,98	5,57	5,96	
		D3	18,23	1,68	1,14	2,26	3,75	0,13	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		35,73	20,78	41,20	75,11	3,46	91,15	21,88	2,73	14,95	14,95	
		13	20,00	2,24	1,14	2,26	4,49	0,25	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		48,80	22,80	45,20	92,50	4,90	100,00	24,00	3,00	16,00	16,40	
		14	15,00	2,64	1,14	2,26	4,76	0,24	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		34,88	17,10	33,90	68,03	3,38	75,00	18,00	2,25	12,30	12,30	
		15	6,17	2,01	1,14	2,26	4,31	0,21	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		12,06	7,03	13,94	26,87	1,20	30,85	7,40	0,93	4,94	5,06	
		D4	6,57	1,99	1,14	2,26	4,40	0,18	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		12,78	7,49	14,85	29,27	1,45	32,85	7,88	0,99	5,26	5,39	
D5	KC Ie	16	12,32	1,43	1,14	2,26	4,09	0,11	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		21,07	14,04	27,84	52,98	2,28	61,60	14,78	1,85	9,86	10,10	
		17	20,00	2,40	1,50	2,53	3,17	-	5,00	1,20	0,15	0,90	1,00		38,30	26,40	47,90	72,60	1,10	100,00	24,00	3,00	17,00	18,20	
		18	20,00	2,40	1,50	2,53	3,17	-	5,00	1,20	0,15	0,90	1,00		68,40	30,00	50,60	63,40	-	100,00	24,00	3,00	18,00	20,00	
		19	20,00	4,44	1,50	2,53	3,17	-	5,00	1,20	0,15	0,90	1,00		68,20	26,40	48,70	83,50	3,20	100,00	24,00	3,00	17,00	18,20	
		20	11,89	2,38	1,14	2,34	5,18	0,32	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		24,14	13,55	27,82	56,60	3,03	59,45	14,27	1,78	9,51	9,75	
		D5	8,09	1,68	1,14	2,34	4,34	0,19	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		15,25	9,22	18,93	38,79	1,90	40,45	9,71	1,21	6,47	6,63	
		21		2,09	1,14	2,34	5,25	0,28	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82												
		22	12,15	2,00	1,14	2,34	4,84	0,18	5,00	1,20	0,15	0,80	0,82		24,85	13,85	28,43	61,30	2,79	60,75	14,58	1,82	9,72	9,96	
		23	7,85												15,82	8,95	18,37	37,44		39,25	9,42	1,18	6,28	6,44	

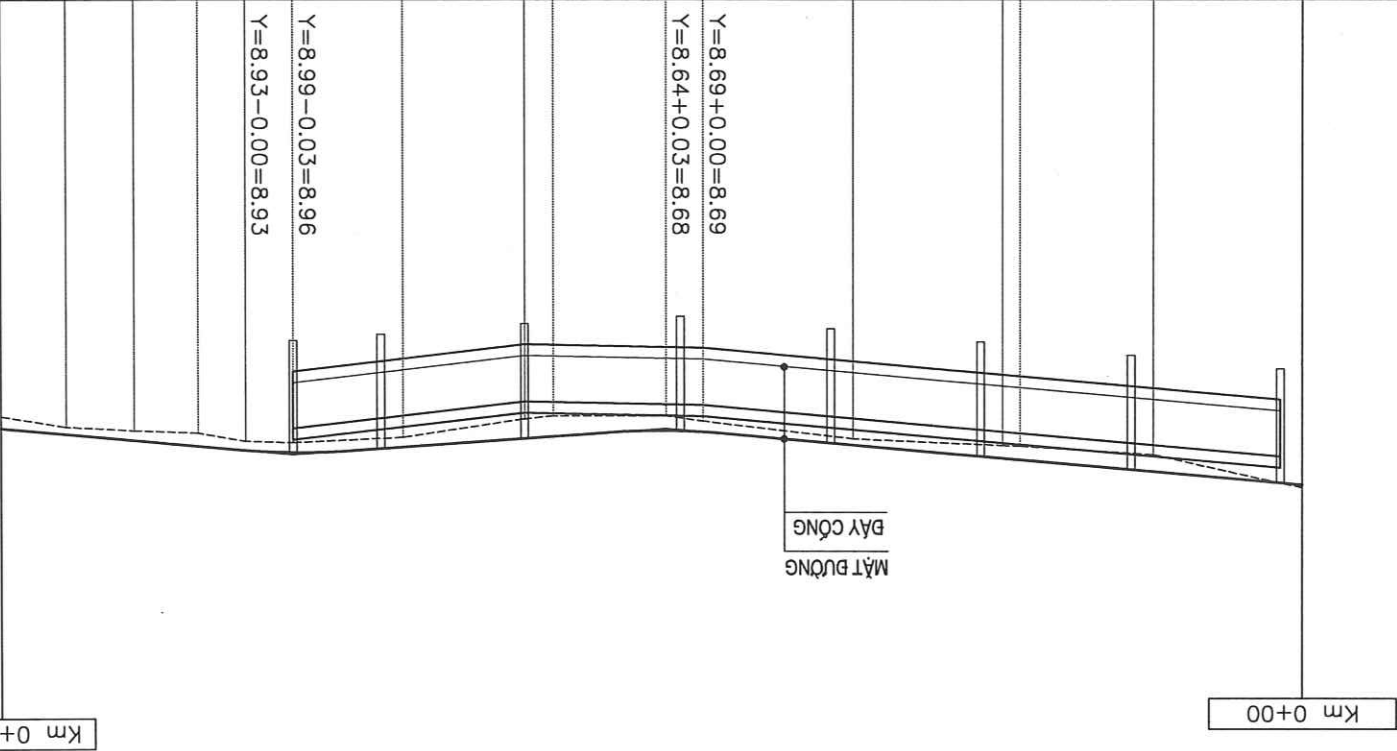


THAM DINH
Thay Văn bản số: /
ngày tháng năm 20
Ký tên: /

BÌNH ĐỘ-TRẠC DỘC-TRẠC NGANG TUYỂN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
TRẮC DỤC CÔNG HỘP - TUYẾN 2		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	
		LẦN XUẤT BẢN: 01			

TÊN GA	DT1	1	2	3	4	5	6	CT1
KHOẢNG CÁCH GA	20.00	17.67	20.00	20.00	15.08	16.18	14.59	8.61
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.43	8.99	8.88	8.78	8.55	8.48	8.83	8.48
CAO ĐỘ ĐÂY CÔNG		8.26	8.09	7.91	7.74	7.70	8.04	
CAO ĐỘ MẶT GA	9.39	9.21	9.06	8.86	8.69	8.75	8.96	8.64
DỐC DỌC ĐÂY CÔNG, RÀNH		0.88%	60.00	23.82	0.20%	1.14%	0.00%	
LOẠI CÔNG, RÀNH								



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

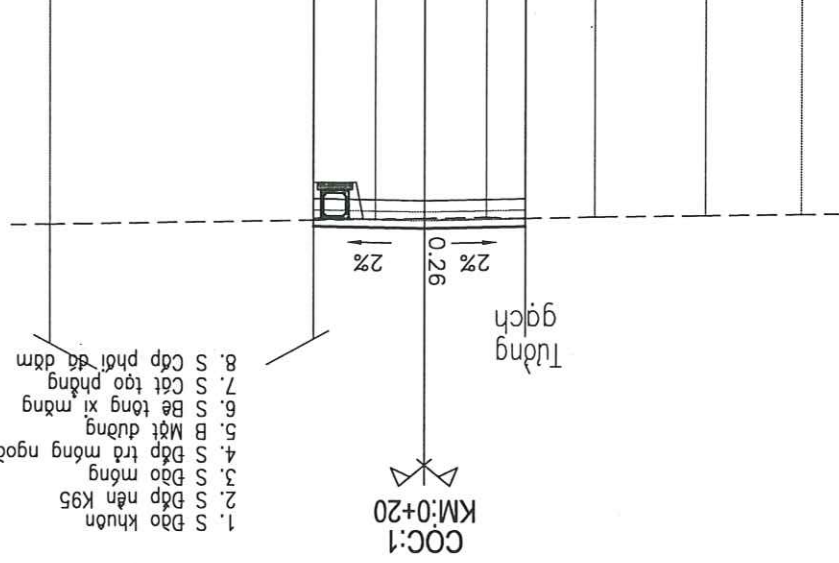
Ký tên:

ngày.....tháng.....năm 20.....

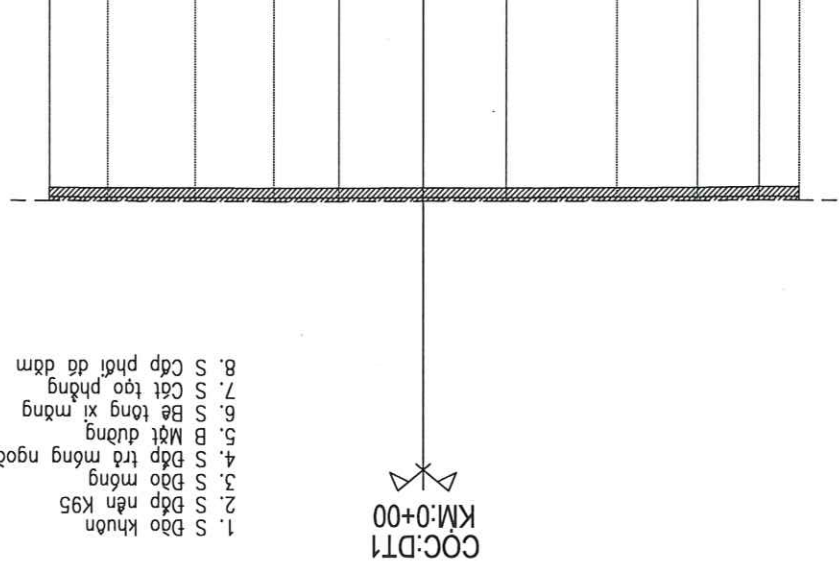
Theo Văn bản số:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN GIÁM ĐỐC TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ		KIỂM TRA	
NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN HỮU PHÚC		NGUYỄN VĂN VŨ	
							
CÔNG TY TNHH DTK THÀNH DẤT		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH DẤT		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH DẤT		BỘ MINH DẤT	
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 2 (01/04)		BAN VẼ SƠ:		TỶ LỆ: 1/200			
LẦN XUẤT BẢN: 01							

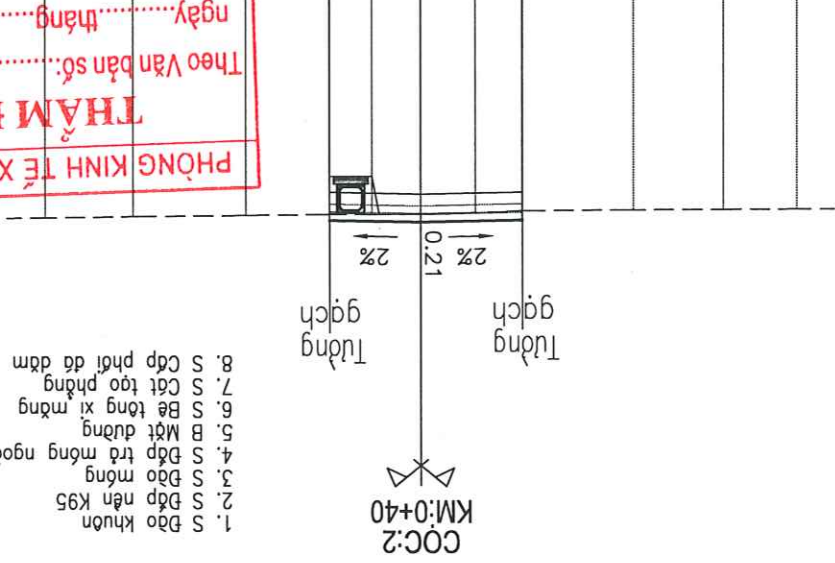
	CAO BỘ THIẾT KẾ		KHÔNG CÁCH LÊ THIẾT KẾ	CAO BỘ THIÊN NHIÊN	KHÔNG CÁCH MIA
				8.89	2.55
				8.92	2.95
				8.96	1.84
	9.20			8.99	1.03
			2.66	8.96	1.64
	9.25			8.99	1.31
			2.98	9.01	1.67
	9.19			9.03	
				9.14	7.02
				9.14	0.00



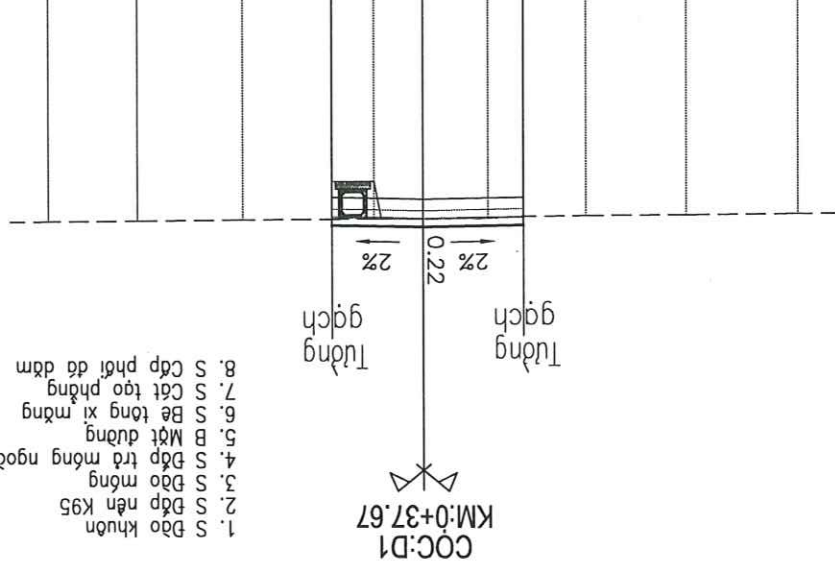
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA											
			1.06	1.65	2.16	2.93	2.20	2.27	1.75	2.09	2.33	1.56		
			9.39	9.39	9.41	9.42	9.43	9.43	9.43	9.44	9.44	9.43	9.42	9.41



8.74	8.75	8.76	8.78	8.85	8.87	8.87	8.87	8.89	8.91	8.93
1.95	2.39	2.95	1.26	1.45	1.30	1.14	2.23	2.98	2.35	



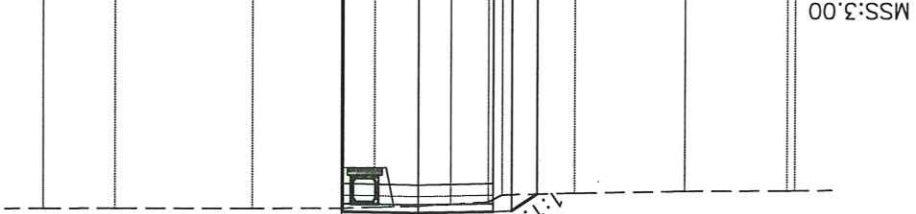
8.75	8.78	8.80	8.82	8.87	8.88	8.88	8.89	8.90	8.92	8.93
2.97	2.67	1.67	0.95	1.73	1.30	1.15	2.37	2.80	2.38	



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN	THẨM ĐỊNH		Theo Văn bản số..... ngày.....tháng.....năm 20..... Ký tên:.....
---------------------------	-----------	--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
								ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MƠ XÃ PHÚC SƠN		CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
				KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				

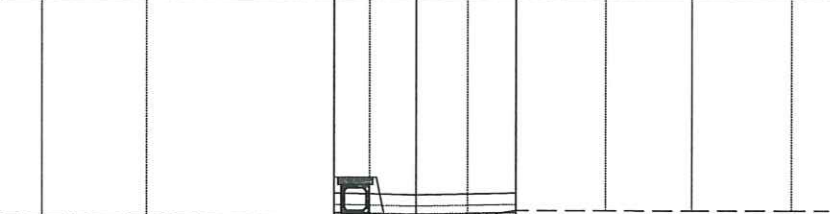
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.24	0.65	8.14	2.20
8.67	0.50	8.14	2.72
8.69	2	8.16	2.93
8.73	2	8.21	1.91
8.60	2	8.49	1.00
8.58	2	8.55	0.85
8.60	2	8.61	1.16
8.61	2	8.61	0.89
8.61	2	8.61	2.37
8.61	2	8.61	3.66
8.62	2	8.62	1.92



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cốp phốt dè dăm

1.4 m2
1.06 m2
1.3 m2
0.06 m2
4.00 m
0.80 m2
0.12 m2
0.65 m2

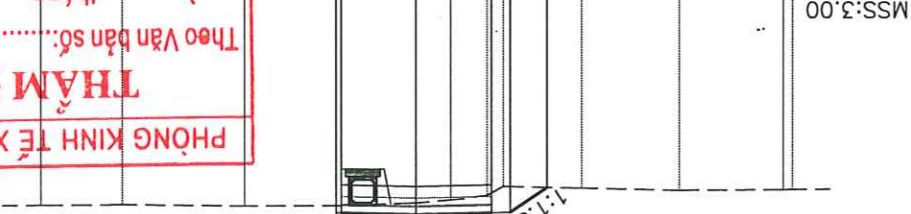
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.85	2.66	8.59	2.65
8.90	2.20	8.59	2.29
8.80	2.20	8.58	2.39
8.78	2.20	8.79	1.29
8.81	2.20	8.80	1.37
8.86	2.20	8.81	0.96
8.79	2.20	8.79	5.00
8.78	2.20	8.78	2.80



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cốp phốt dè dăm

2.13 m2
1.32 m2
1.37 m2
0.06 m2
4.86 m
0.97 m2
0.15 m2
0.82 m2

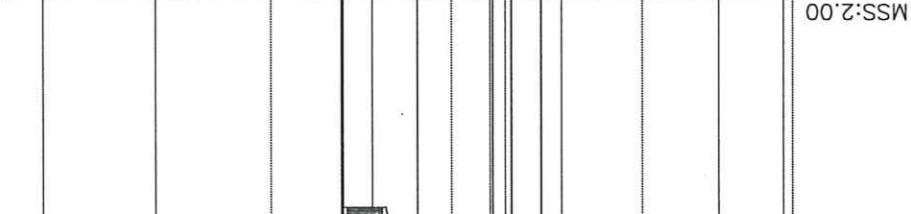
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.08	0.97	8.14	2.25
8.73	0.50	8.14	2.76
8.75	2	8.16	2.61
8.79	2	8.10	2.07
8.48	2	8.30	0.43
8.41	2	8.41	0.96
8.56	2	8.48	0.92
8.56	2	8.56	2.14
8.56	2	8.56	2.44
8.52	2	8.52	3.26
8.53	2	8.53	2.16



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cốp phốt dè dăm

1.02 m2
1.06 m2
1.15 m2
0.06 m2
4.00 m
0.80 m2
0.12 m2
0.65 m2

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.13	0.79	7.98	2.25
8.68	0.50	7.99	1.73
8.68	2	8.03	2.04
8.72	2	8.07	2.15
8.48	2	8.12	1.50
8.48	2	8.15	0.41
8.49	2	8.37	1.02
8.51	2	8.48	0.89
8.51	2	8.48	1.22
8.51	2	8.49	0.81
8.54	2	8.51	1.88
8.58	2	8.54	3.10
8.58	2	8.58	2.99



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cốp phốt dè dăm

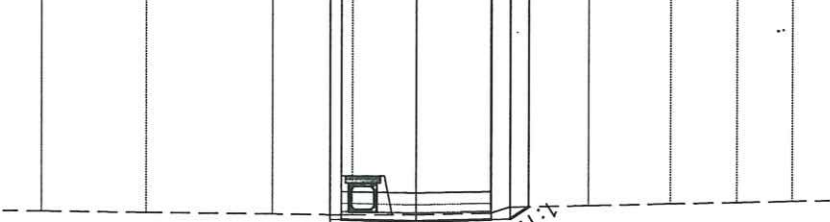
1.34 m2
1.06 m2
1.19 m2
0.06 m2
4.00 m
0.80 m2
0.12 m2
0.65 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



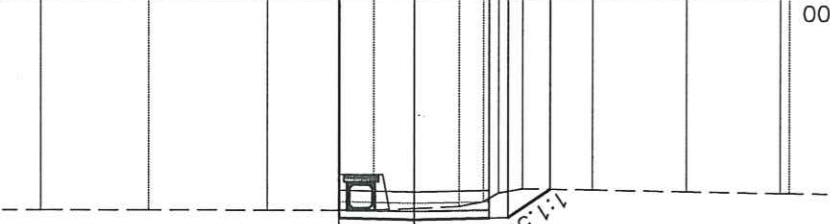
ỦY BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRỊ TK		THIẾT KẾ	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRỊ TK		NGUYỄN VĂN VŨ	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 2		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
(03/04)		LẦN XUẤT BẢN: 01			

CAO BỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO BỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.93	0.48	8.40	1.48
8.88	0.50	8.43	1.76
8.89	0.52	8.47	2.18
8.93	0.54	8.52	2.09
8.88	0.56	8.72	1.97
8.89	0.58	8.76	1.71
8.93	0.60	8.76	1.55
8.88	0.62	8.74	3.36
8.89	0.64	8.70	2.80



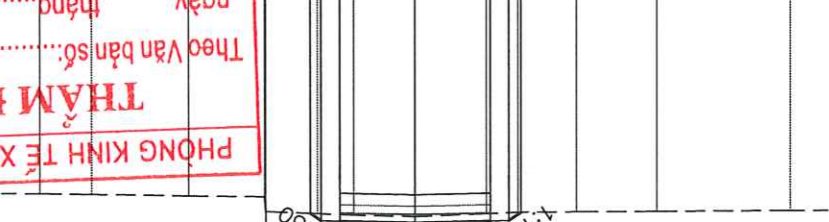
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dờ dầm

CAO BỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO BỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.01	1.12	8.12	2.50
8.78	1.14	8.12	2.50
8.78	1.16	8.08	2.50
8.82	1.18	8.03	1.88
8.78	1.20	8.00	0.63
8.78	1.22	8.11	0.40
8.82	1.24	8.24	0.64
8.78	1.26	8.52	1.09
8.82	1.28	8.56	0.94
8.78	1.30	8.57	1.91
8.82	1.32	8.57	3.17
8.78	1.34	8.56	2.90



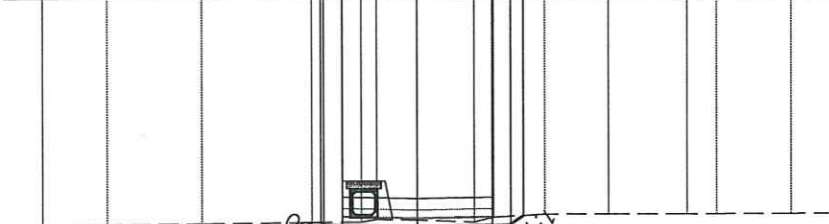
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dờ dầm

CAO BỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO BỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.97	0.50	8.66	3.57
8.93	0.52	8.68	2.14
8.93	0.54	8.69	1.56
8.97	0.56	8.70	0.85
8.93	0.58	8.74	1.88
8.93	0.60	8.81	1.64
8.97	0.62	8.77	0.96
8.93	0.64	8.67	1.37
8.93	0.66	8.29	2.03
8.97	0.68	8.26	2.59
8.93	0.70	8.21	1.38



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dờ dầm

CAO BỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO BỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.97	0.50	8.66	2.00
8.93	0.52	8.67	0.79
8.93	0.54	8.67	2.10
8.97	0.56	8.68	1.70
8.93	0.58	8.76	1.37
8.93	0.60	8.88	1.51
8.97	0.62	8.83	1.08
8.93	0.64	8.82	1.32
8.93	0.66	8.89	2.93
8.97	0.68	8.93	2.52
8.93	0.70	8.95	1.73



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cát tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dờ dầm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

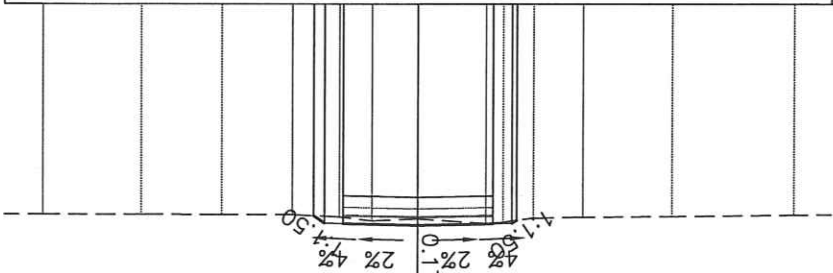
Theo Văn bản số: /

ngày tháng năm 20

Ký tên:

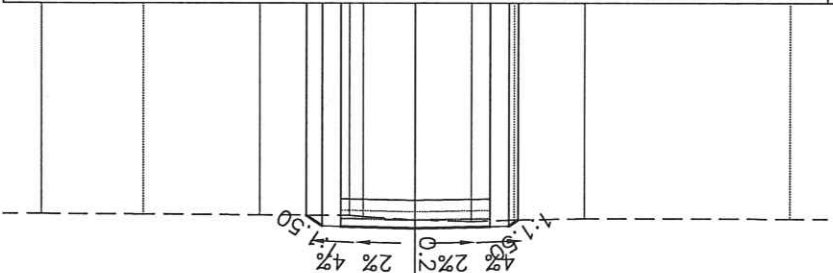
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN GIÁM ĐỐC TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẠT							
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI NỘI		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA		NGUYỄN VĂN VŨ			
								THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC			
								CHỦ TRƯỞNG		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC			
CHỦ NHIỆM TK		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		CHỦ TRƯỞNG		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 2		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
(04/04)		LẦN XUẤT BẢN: 01											

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
3.24	8.56	2	8.55
2.39	8.60	2	8.55
1.31	8.62	2	8.55
0.79	8.64	2	8.55
0.46	8.75	2	8.55
1.80	8.79	2	8.55
1.22	8.67	2	8.55
0.89	8.72	2	8.55
1.26	8.62	2	8.55
1.86	8.56	2	8.55
2.14	8.56	2	8.55
2.64	8.55	2	8.55
0.00	8.55	2	8.55



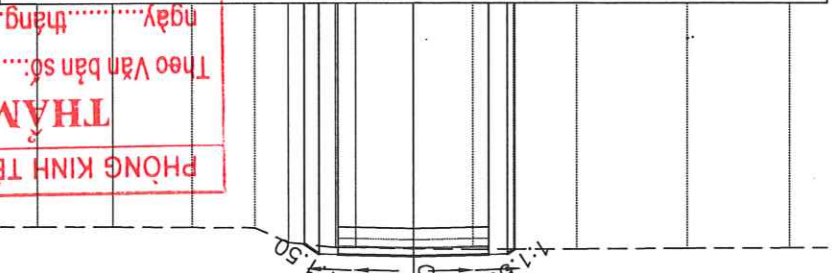
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cốt phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
5.50	8.67	2	8.54
1.88	8.66	2	8.54
1.13	8.70	2	8.54
1.49	8.74	2	8.54
1.39	8.70	2	8.54
0.38	8.61	2	8.54
2.39	8.58	2	8.54
3.09	8.57	2	8.54
2.75	8.55	2	8.54
2.75	8.54	2	8.54



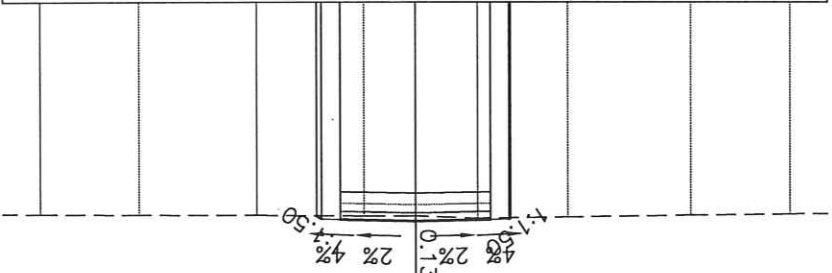
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cốt phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.71	8.46	2	8.46
2.95	8.47	2	8.46
1.69	8.49	2	8.46
1.08	8.50	2	8.46
1.57	8.48	2	8.46
1.53	8.45	2	8.46
0.54	8.45	2	8.46
0.25	8.31	2	8.46
0.90	7.92	2	8.46
1.67	7.91	2	8.46
2.10	7.89	2	8.46
2.02	7.88	2	8.46



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cốt phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.64	8.57	2	8.57
3.28	8.60	2	8.57
2.42	8.65	2	8.57
1.65	8.68	2	8.57
1.38	8.62	2	8.57
2.86	8.62	2	8.57
3.12	8.60	2	8.57
2.64	8.59	2	8.57
2.64	8.57	2	8.57



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cốt phối đá dăm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THAM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày... tháng... năm 20....

Ký tên:



BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT BƯỞI 2
CÔNG TRÌNH: BƯỞNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐỘI MO XÃ PHƯỚC SƠN

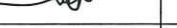
Tên cọc	KC iê	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI												KHỐI LƯỢNG							
		m	m2	m2	m2	m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3	m3	m3	m3
		20,00	2,11	1,55	1,21	0,06	5,64	1,13	0,17	0,98	-	-	-	12,10	0,60	-	-	-	-	-	-
1		17,67	2,11	1,55	1,21	0,06	5,64	1,13	0,17	0,98	-	-	-	21,47	1,06	95,15	19,08	2,83	16,43		
D1		2,33	2,01	1,40	1,22	0,06	5,13	1,03	0,15	0,88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2		20,00	2,01	1,41	1,23	0,06	5,15	1,03	0,15	0,88	-	-	-	27,30	2,85	11,98	2,40	0,35	2,05		
3		20,00	2,13	1,32	1,37	0,06	4,86	0,97	0,15	0,82	-	-	-	41,40	26,00	100,10	20,00	3,00	17,00		
4		20,00	1,40	1,06	1,30	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	35,30	23,80	26,70	17,70	2,70	14,70		
4		4,92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
D2		15,08	1,34	1,06	1,19	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	6,74	5,22	6,13	3,94	0,59	3,20		
H1		3,82	1,02	1,06	1,15	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	17,79	15,98	17,64	60,32	12,06	9,80		
D3		16,18	1,09	1,06	1,24	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	21,11	17,15	20,31	64,72	12,94	10,52		
5		14,59	1,52	1,06	1,27	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	22,76	15,47	18,75	58,36	11,67	9,48		
TD4		6,35	1,60	1,06	1,30	0,06	4,00	0,80	0,12	0,65	-	-	-	12,16	7,87	4,13	25,40	5,08	4,60		
P4		6,36	2,23	1,42	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	-	-	-	13,61	9,09	-	25,44	5,09	5,09		
TC4		8,53	2,05	1,44	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	-	-	-	19,36	11,73	-	34,12	6,82	6,82		
D5		9,17	2,49	1,31	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	-	-	-	23,02	11,78	-	36,68	7,34	7,34		
6		8,61	2,53	1,26	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	-	-	-	20,36	11,37	-	34,44	6,89	6,89		
CT2		-	2,20	1,38	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng														278,74	190,15	160,64	670,27	134,07	20,11	116,41	

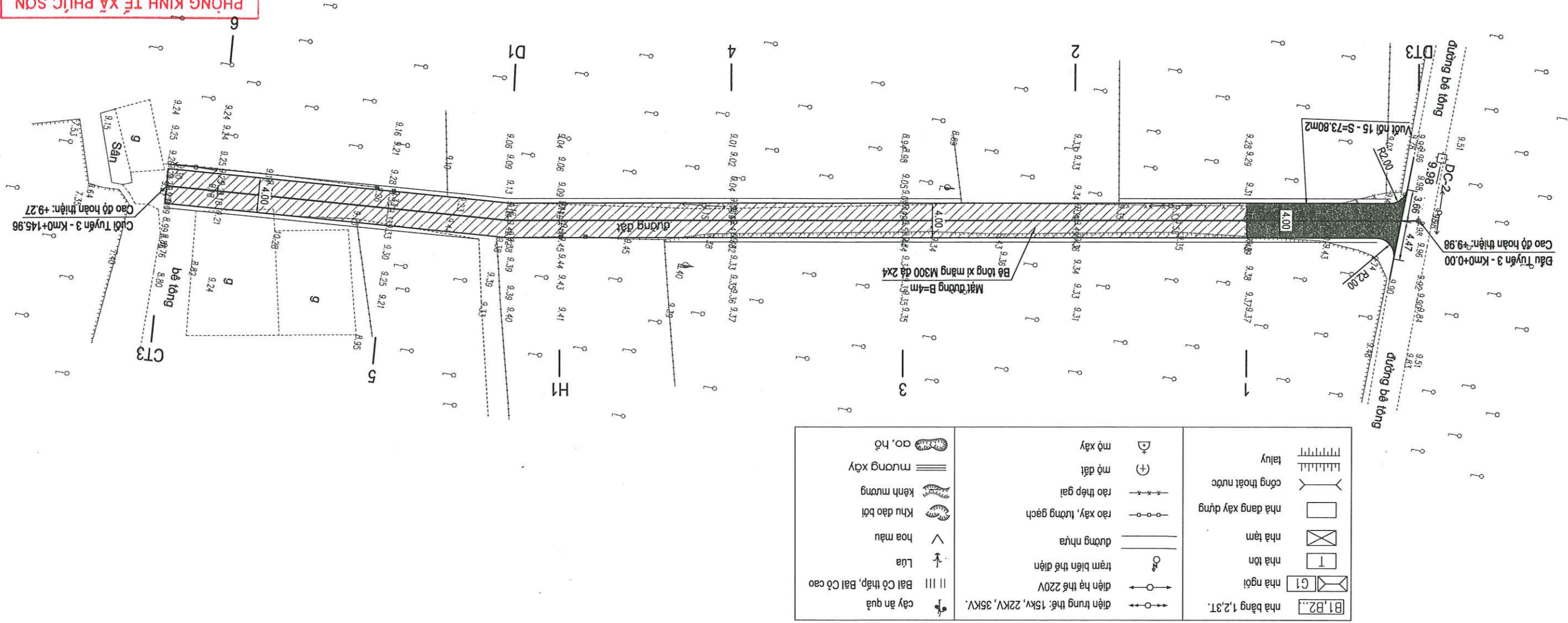
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



BÌNH ĐỘ-TRẠC DỘC-TRẠC NGANG TUYỂN 3

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ - TUYỂN 3

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLĐA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT			
				ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN		CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	
		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC			NGUYỄN VĂN VŨ	
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ - TUYÊN 3		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/500	



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
BAN GIÁM ĐỐC - HÀ TẶNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK	
NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	
KIỂM TRA		THIẾT KẾ	
NGUYỄN VĂN VŨ		NGUYỄN HỮU PHÚC	
TỶ LỆ: 1/1000, 1/100		BẢN VẼ SỐ:	
TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 3		LẦN XUẤT BẢN: 01	

D. THĂNG, D. CONG		TÊN CỌC		CỘT CỘNG DỒN		CỘT LỆ		CAO BỘ TỰ NHIÊN		CAO BỘ THIẾT KẾ		DỐC DỤC THIẾT KẾ		ĐỊA CHẤT	
DT2		1		2		3		4		H1		5		6	
0.00		20.00		40.00		60.00		80.00		100.00		120.00		140.00	
20.00		20.00		20.00		20.00		20.00		5.00		14.00		20.00	
9.98		9.64		9.49		9.51		9.41		9.44		9.33		9.18	
9.98		9.84		9.69		9.67		9.66		9.64		9.48		9.32	
40.00		0.72%		60.00		0.08%		45.96		0.81%					
5448.53"															

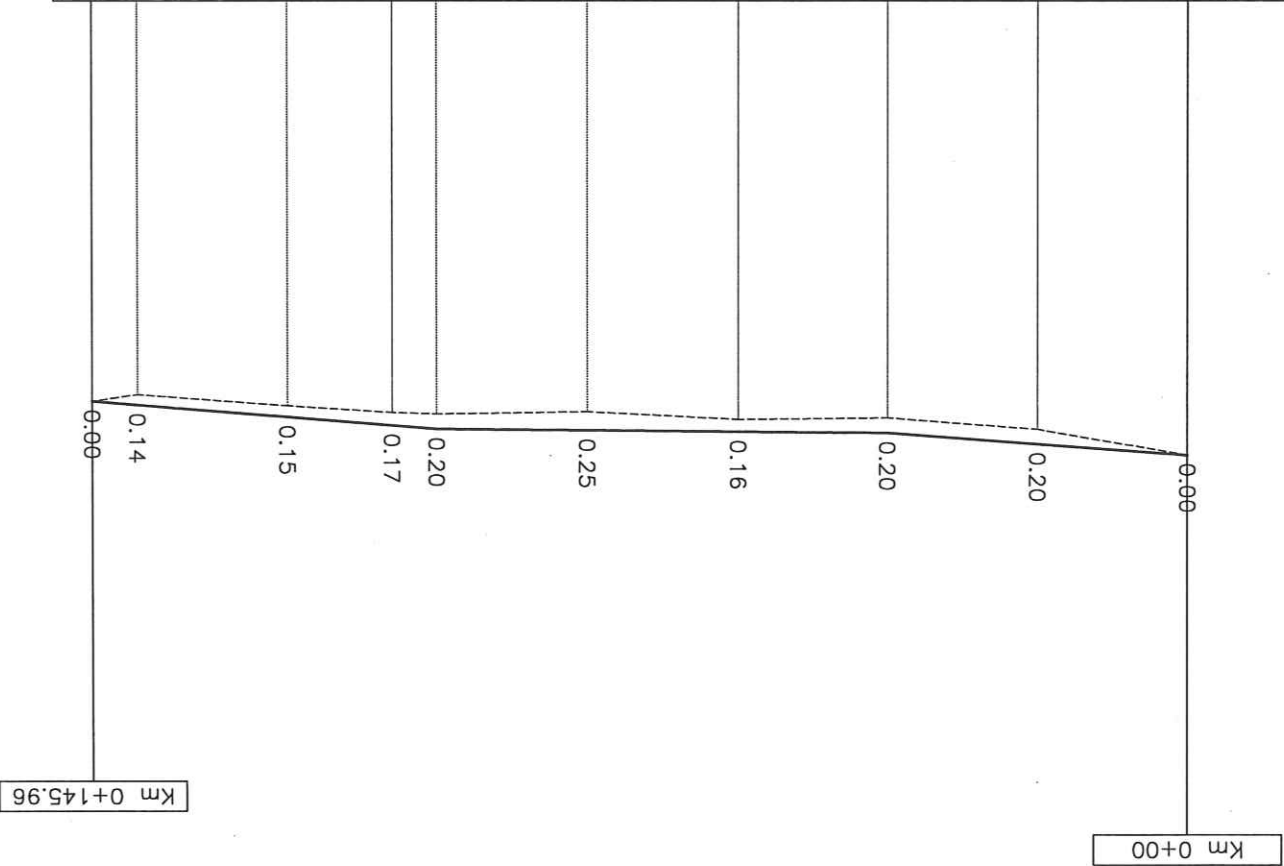
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

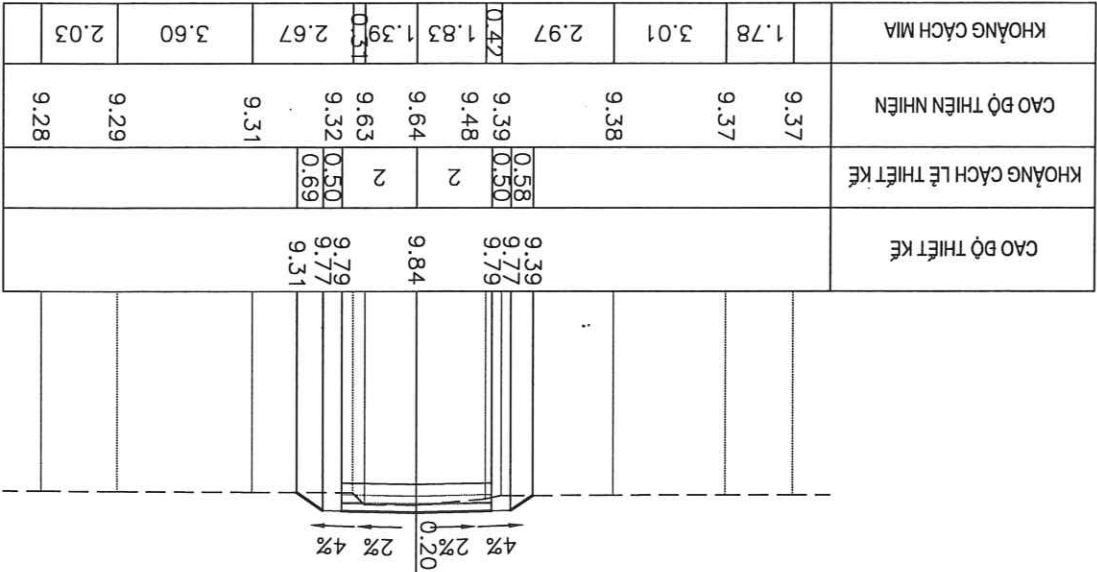
Theo Văn bản số: /

ngày.....tháng.....năm 20.....

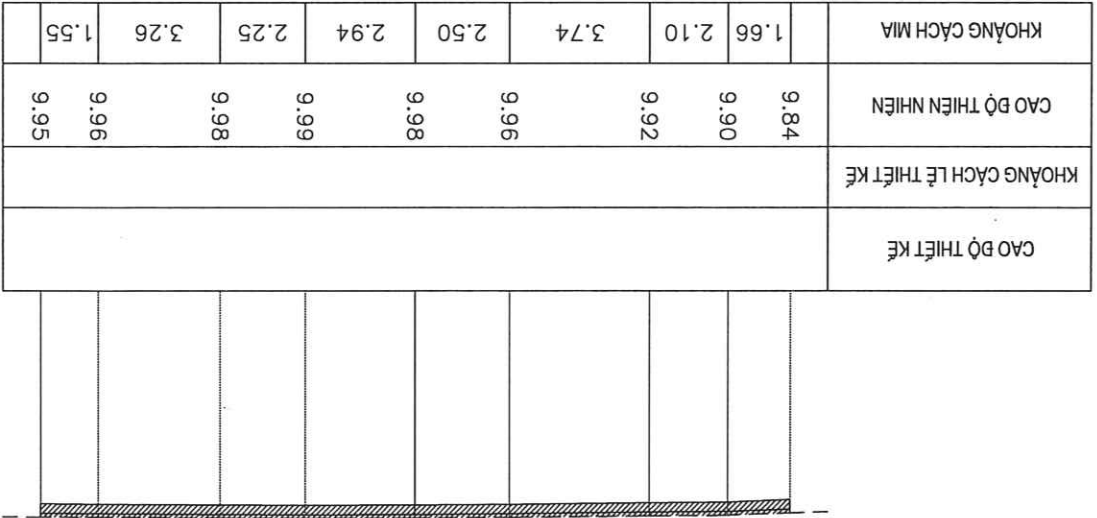
Ký tên:



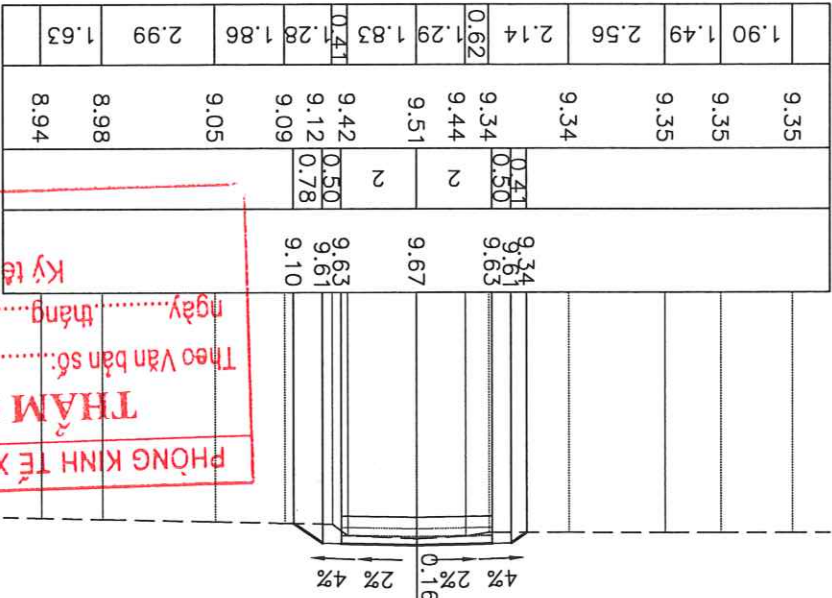
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 3		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
(01/03)		LẦN XUẤT BẢN: 01			



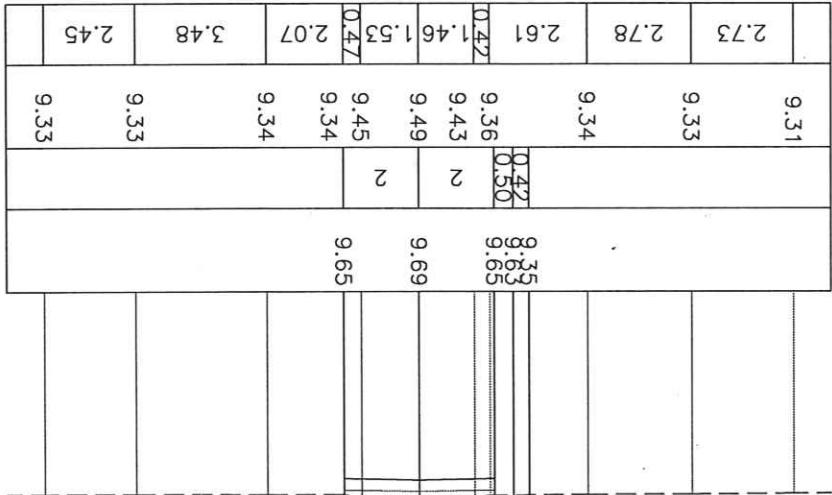
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dả dăm



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dả dăm



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dả dăm



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trở móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dả dăm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

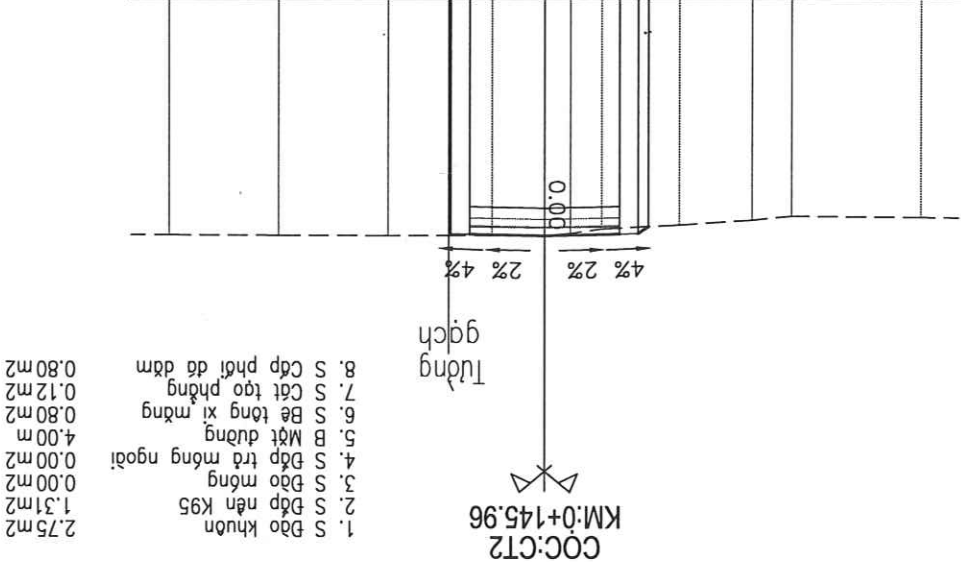
Theo Văn bản số: / ngày tháng năm 20

Ký tên:

[illegible]

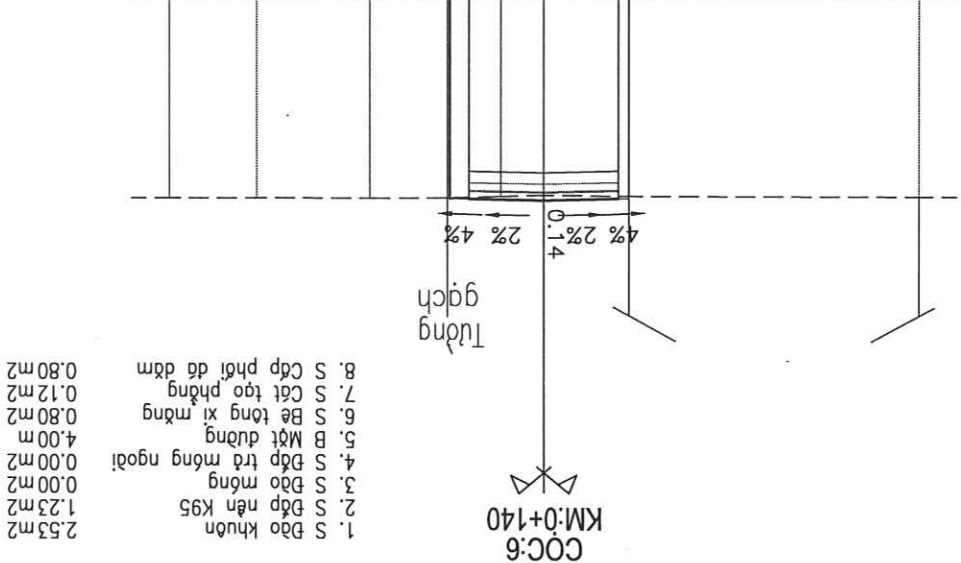
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT	
		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MO XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC
		CHỦ TRỊ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC
		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VỰ
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 3 (01/03)		BẢN VẼ SỐ: LẦN XUẤT BẢN: 01	
TỶ LỆ: 1/200			

KHOẢNG CÁCH MIA	3.42	1.06	1.92	2.09	0.83	0.68	1.41	1.15	1.60	2.92	2.92
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	8.80	8.76	8.86	8.99	9.09	9.21	9.27	9.26	9.26	9.25	9.24
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ					2	2	2				
CAO ĐỘ THIẾT KẾ					9.23	9.23	9.27	9.23	9.26		



- 1. S Đào khuôn
 - 2. S Đắp nền K95
 - 3. S Đắp móng
 - 4. S Đắp trđ móng ngoài
 - 5. B Mặt đường
 - 6. S Bê tông xi măng
 - 7. S Cát tạo phẳng
 - 8. S Cốp phốt dđ dầm
- 0.80 m2
0.12 m2
0.80 m2
4.00 m
0.00 m2
0.00 m2
1.31 m2
2.75 m2

KHOẢNG CÁCH MIA	7.72	2.28	1.15	1.42	2.07	3.02	2.34
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	9.24	9.21	9.18	9.21	9.25	9.25	9.24
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		2	2	2			
CAO ĐỘ THIẾT KẾ		9.27	9.32	9.28	9.28		



- 1. S Đào khuôn
 - 2. S Đắp nền K95
 - 3. S Đắp móng
 - 4. S Đắp trđ móng ngoài
 - 5. B Mặt đường
 - 6. S Bê tông xi măng
 - 7. S Cát tạo phẳng
 - 8. S Cốp phốt dđ dầm
- 0.80 m2
0.12 m2
0.80 m2
4.00 m
0.00 m2
0.00 m2
1.23 m2
2.53 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: / tháng năm 20.....

Ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT ĐƯỜNG - TUYẾN 3
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐOI MÔ XÃ PHÚC SƠN

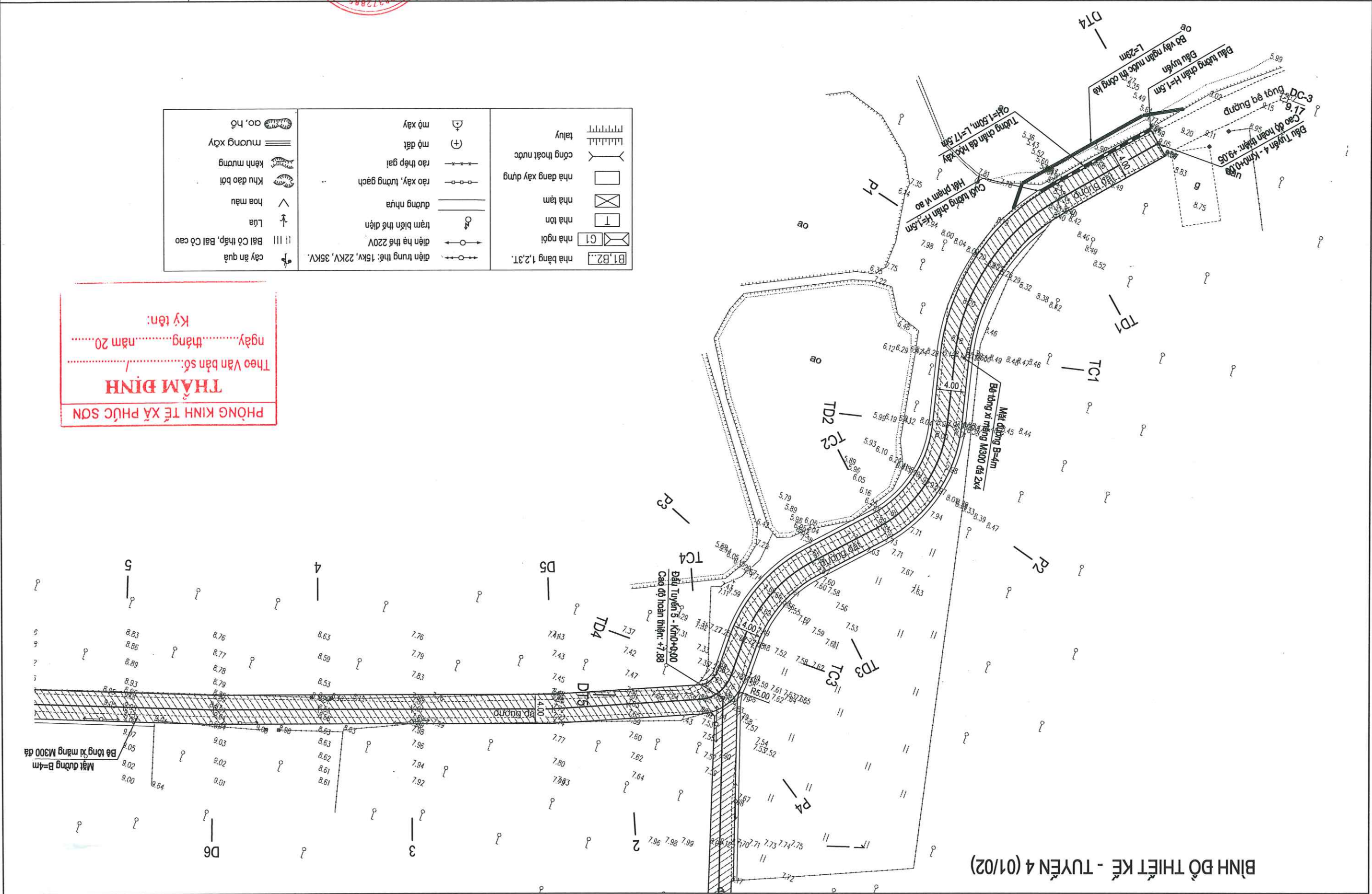


Tên cọc	KC lè	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI								KHỐI LƯỢNG							
		m	m2	m2	m2	m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3	m3
			-	-	-	-	-	-	-								
1		20,00	1,89	1,90	-	4,00	0,80	0,12	0,80								
2		20,00	2,03	1,40	-	4,00	0,80	0,12	0,80	39,20	33,00	80,00	16,00	2,40	16,00		
					-												
		20,00	2,03	1,40	-	4,00	0,80	0,12	0,80	41,30	32,20	80,00	16,00	2,40	16,00		
3		20,00	2,10	1,82	-	4,00	0,80	0,12	0,80	39,70	37,00	80,00	16,00	2,40	16,00		
4		20,00	1,87	1,88	-	4,00	0,80	0,12	0,80	40,90	34,60	80,00	16,00	2,40	16,00		
H1		20,00	2,22	1,58	-	4,00	0,80	0,12	0,80								
		6,00			-					13,32	9,18	24,00	4,80	0,72	4,80		
D1			2,22	1,48	-	4,00	0,80	0,12	0,80	32,34	19,60	56,00	11,20	1,68	11,20		
5		14,00	2,40	1,32	-	4,00	0,80	0,12	0,80	49,30	25,50	80,00	16,00	2,40	16,00		
6		20,00	2,53	1,23	-	4,00	0,80	0,12	0,80								
		5,96								15,73	7,57	23,84	4,77	0,72	4,77		
CT3			2,75	1,31	-	4,00	0,80	0,12	0,80								
Tổng																	
										271,79	198,65	503,84	100,77	15,12	100,77		100,77

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

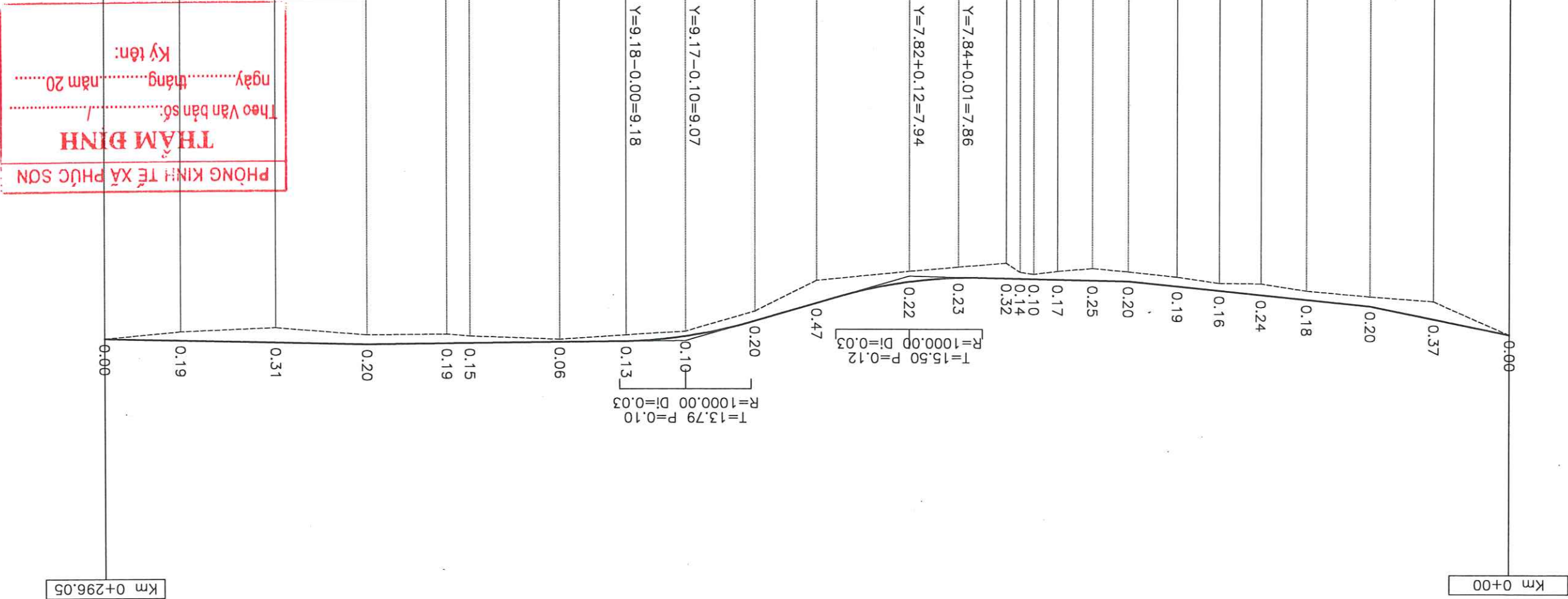
BÌNH ĐỘ-TRẠC DỐC-TRẠC NGANG TUYỂN 4

CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MŌ XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLĐA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN	
				THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC			
BÌNH DỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 4 (01/02)		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/500				



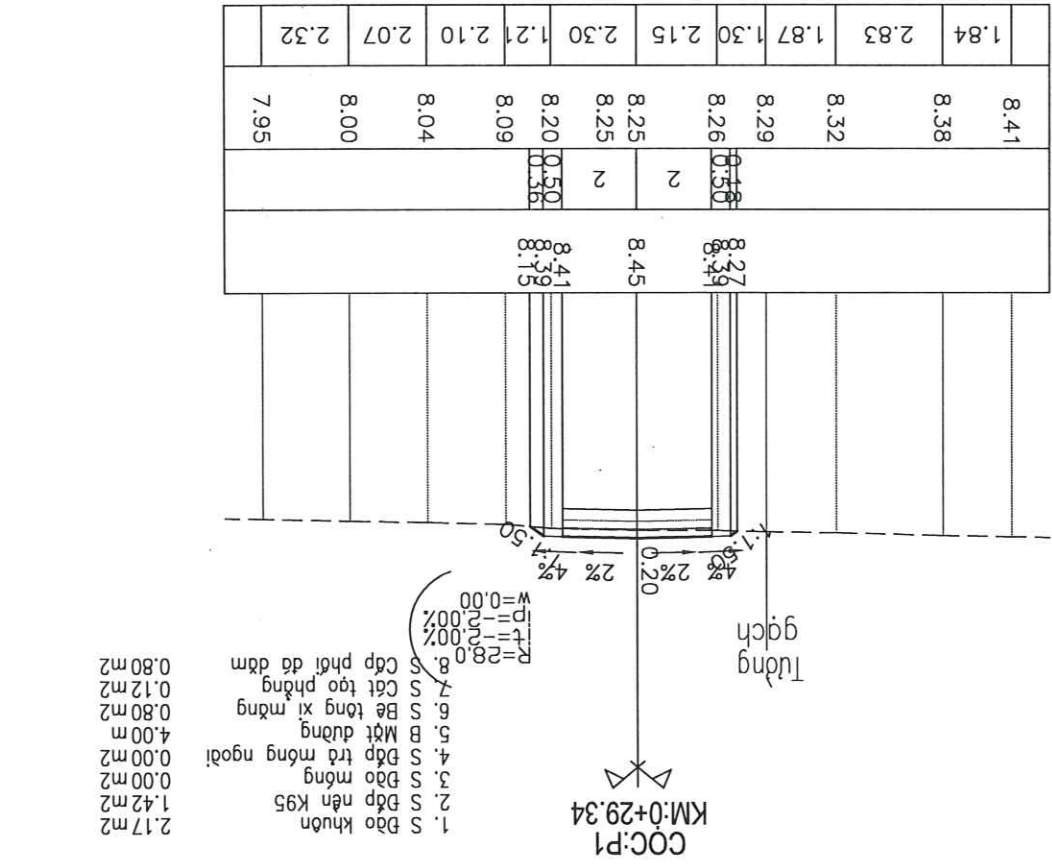
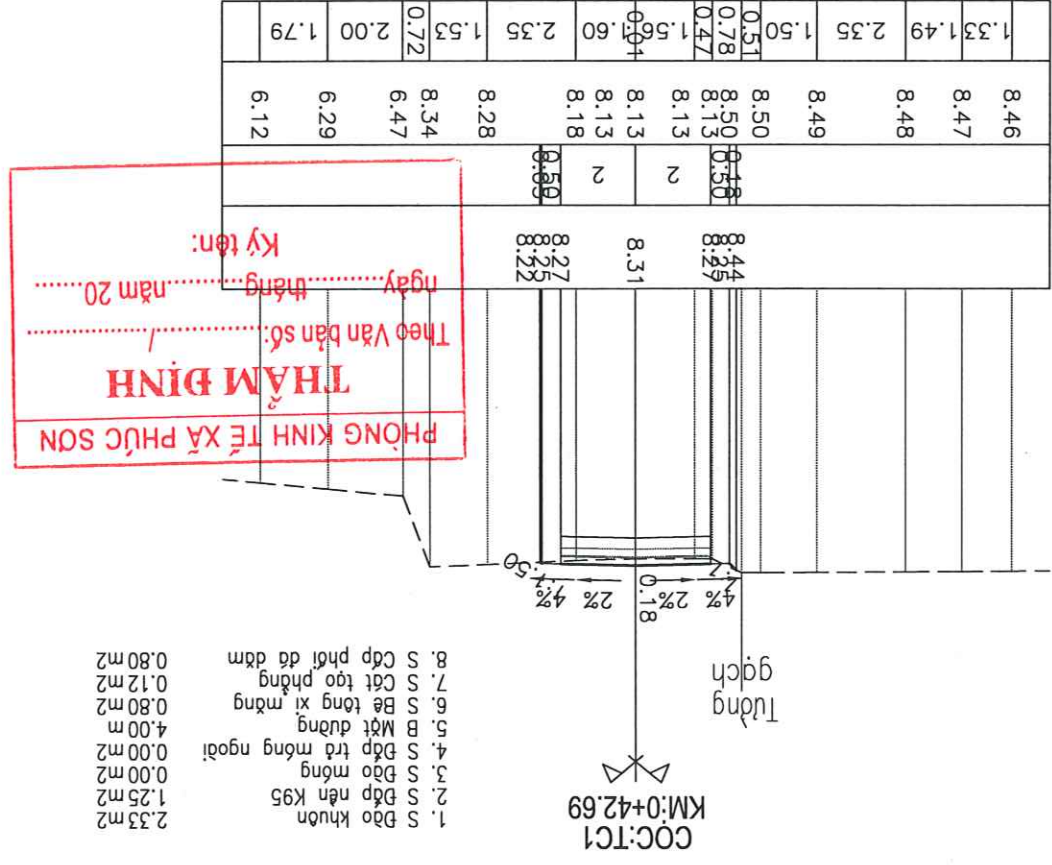
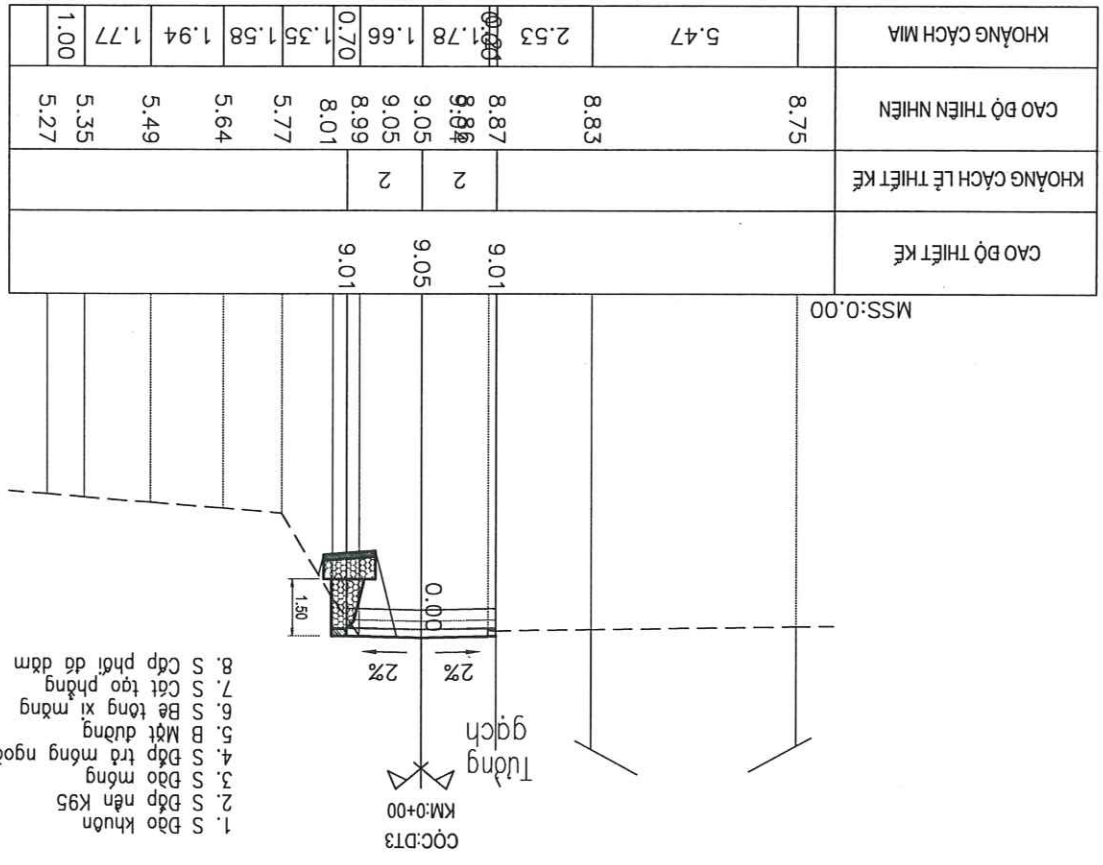
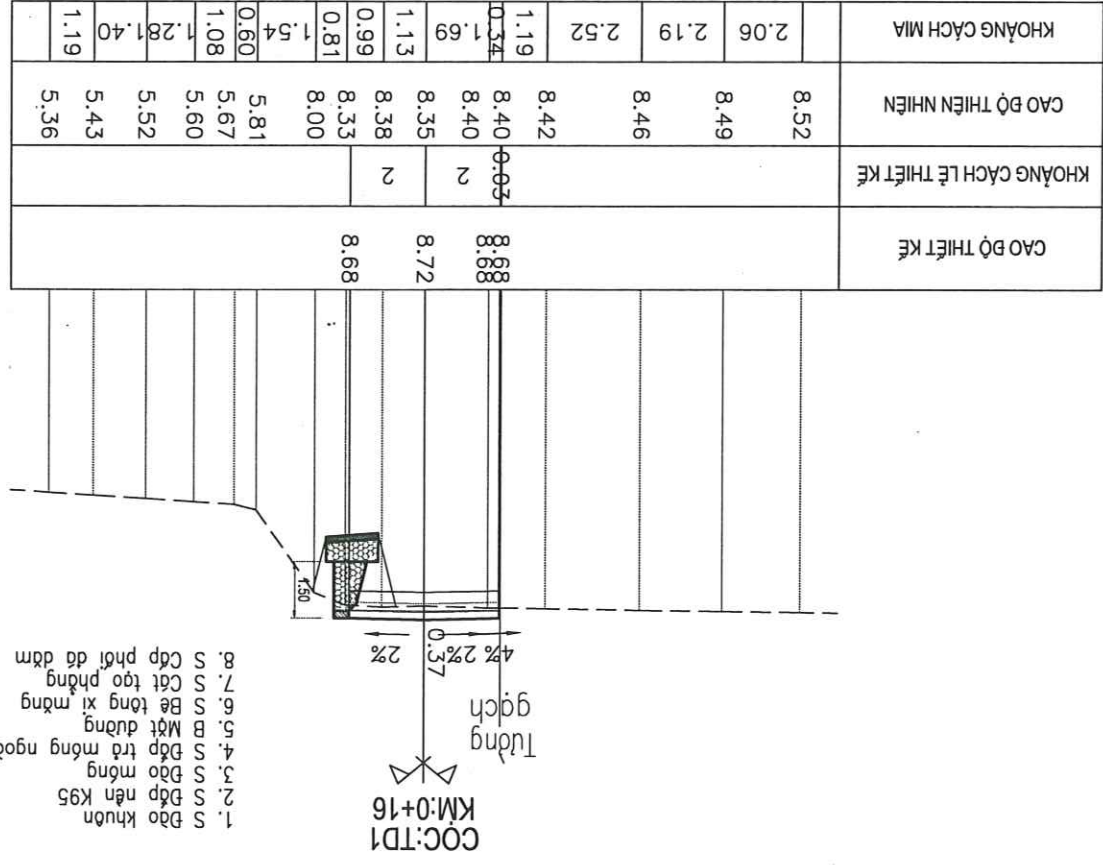
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLĐA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VŨ	THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU PHÚC	CHỦ TRÌ TK NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ NHIỆM TK NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC
		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỜI MÔ XÃ PHÚC SƠN					
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẤT	
BẢN VẼ SỐ:		BẢN VẼ SỐ:		BẢN VẼ SỐ:		BẢN VẼ SỐ:		BẢN VẼ SỐ:	
TỶ LỆ: 1/1000;1/100		TỶ LỆ: 1/1000;1/100		TỶ LỆ: 1/1000;1/100		TỶ LỆ: 1/1000;1/100		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	
TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 4		TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 4		TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 4		TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 4		TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 4	

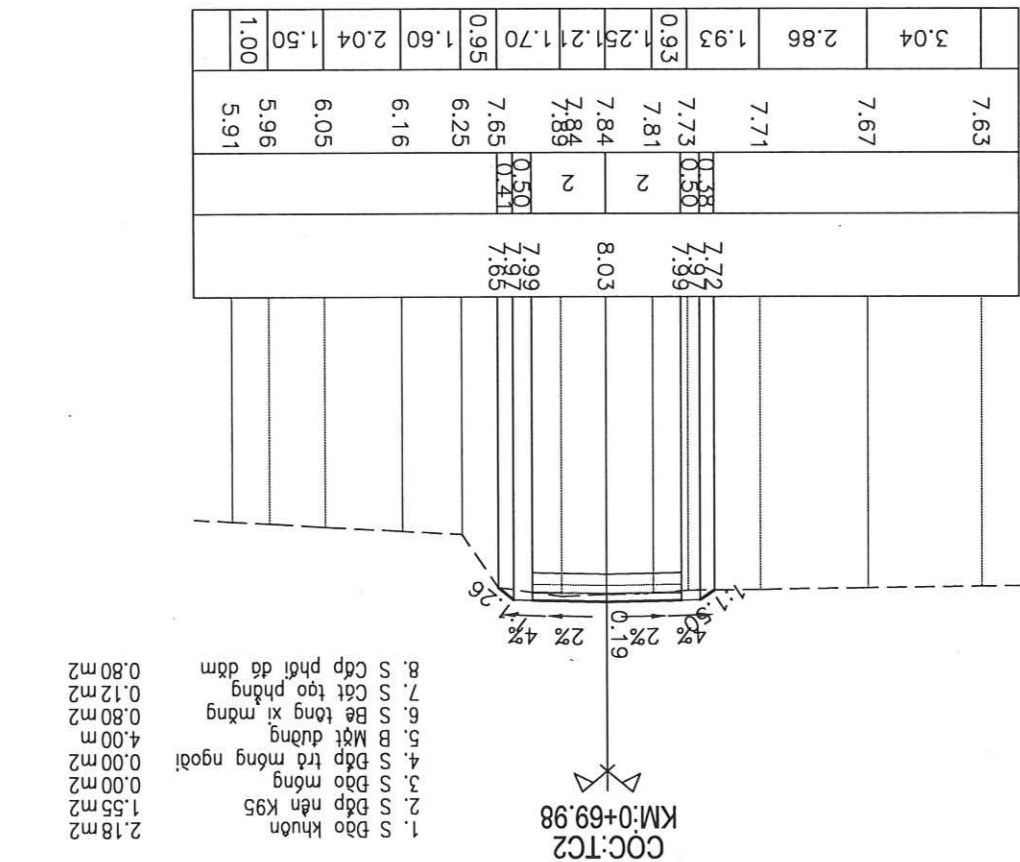
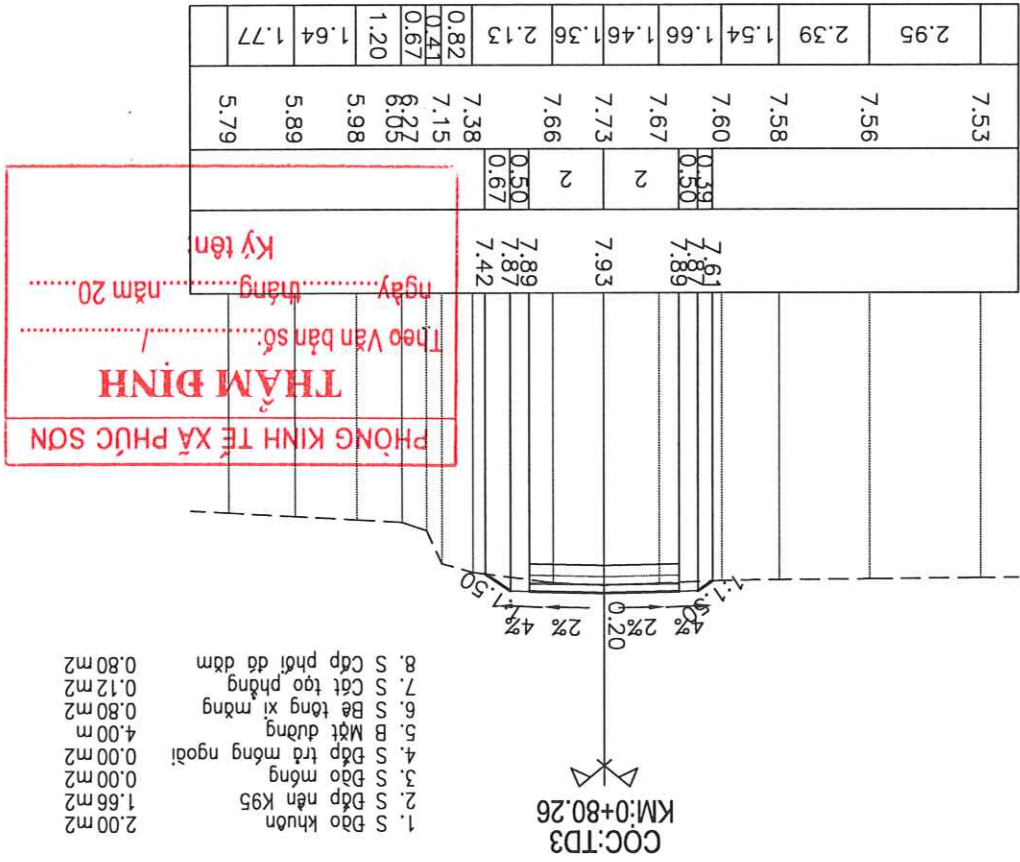
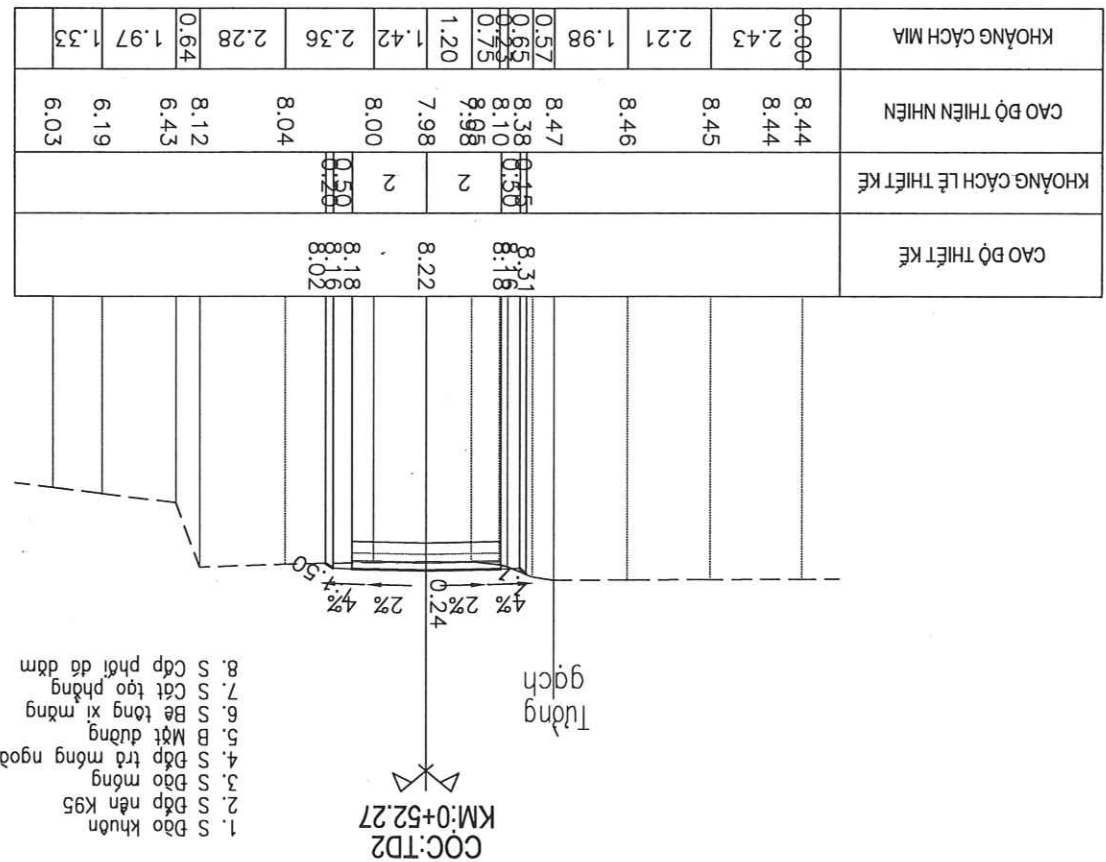
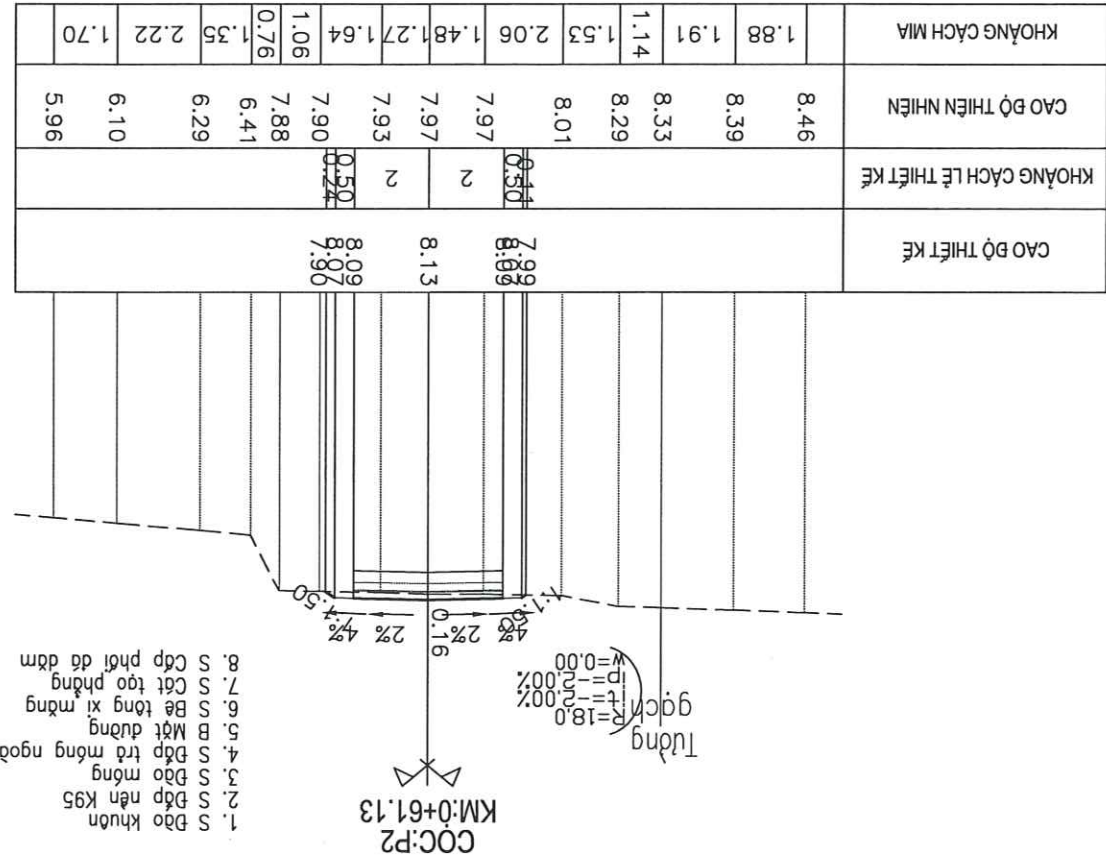
ĐỊA CHẤT	DỌC DỤC THIẾT KẾ	CAO BỘ THIẾT KẾ	CAO BỘ TỰ NHIÊN	CỦY LỆ	CỦY CỘNG DỒN	TÊN CỌC	B. THĂNG, B. CÔNG
	2.04%	8.45	8.25	13.34	16.00	DT3	
	1.02%	8.31	8.13	9.58	42.69	P1	
		8.22	7.98	8.86	52.27	TD2	
		8.03	7.84	8.85	69.98	TC2	
		7.93	7.73	7.45	80.26	TD3	
		7.91	7.66	7.44	87.71	TC3	
		7.89	7.72	7.55	95.15	P3	
		7.88	7.78	7.55	100.10	TD4	
		7.87	7.74	7.55	103.00	TC4	
	0.24%	7.86	7.63	10.10	116.00	2	
		7.94	7.72	10.39	126.39	D5	
	2.86%	8.38	8.55	13.00	146.00	3	
		9.07	8.97	14.56	173.56	D6	
		9.18	9.05	12.44	186.00	5	
	0.10%	9.20	9.14	14.00	200.00	H2	
		9.22	9.03	16.77	223.88	7	
		9.24	9.04	19.35	240.65	D7	
		9.19	8.88	20.00	260.00	9	
	0.23%	9.15	8.96	16.05	280.00	10	
		9.11	9.11		296.05	CT3	



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN	THẨM ĐỊNH	Theo Văn bản số: /	ngày... tháng... năm 20	Ký tên:
---------------------------	-----------	--------------------	-------------------------	---------

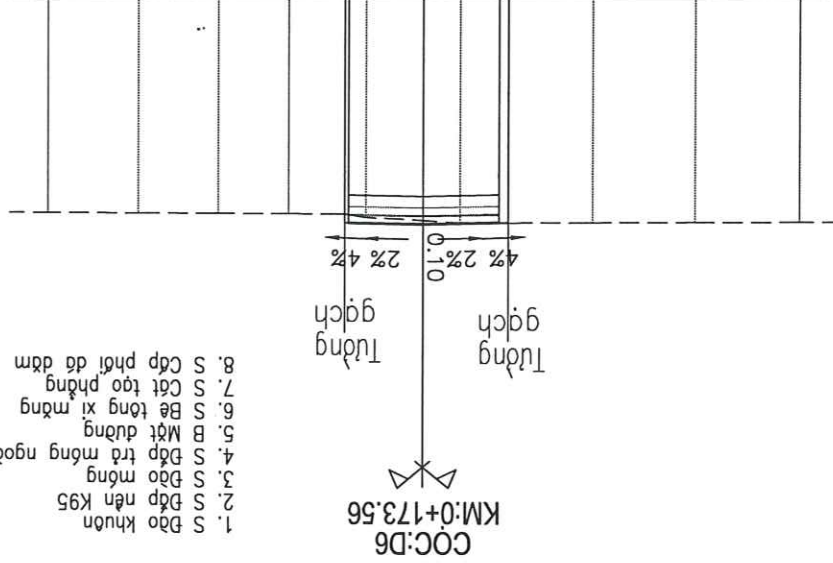
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN GIÁO DỤC TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRỊNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MƠ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
				CHỦ NHIỆM TK	CHỦ TRỊ TK	THIỆT KẾ	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	NGUYỄN HỮU PHÚC	NGUYỄN VĂN VŨ	NGUYỄN HỮU PHÚC
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 4		(01/07)		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/200			



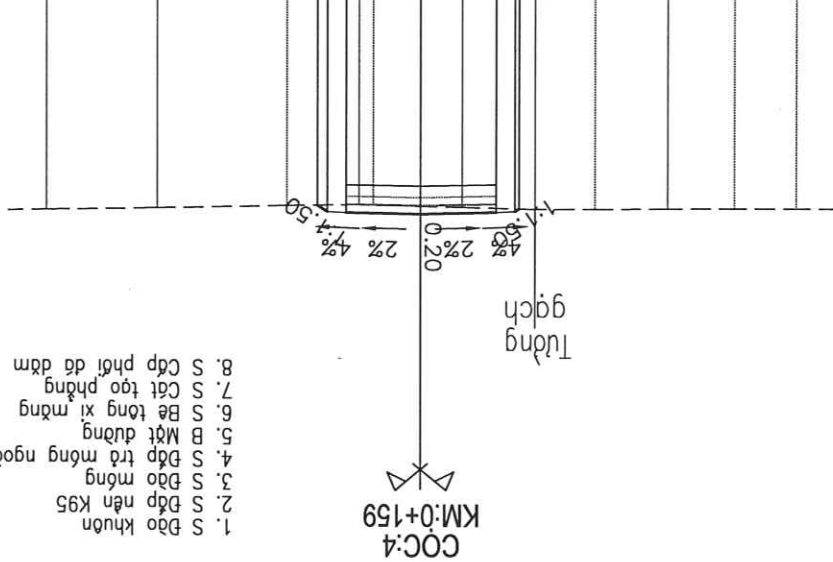
[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
		CHỦ NHIỆM TK NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	KIỂM TRA NGUYỄN HỮU PHÚC	NGUYỄN VĂN VŨ 	
TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 4 (05/07)		BAN VẼ SƠ: LẦN XUẤT BẢN: 01	TỶ LỆ: 1/200			

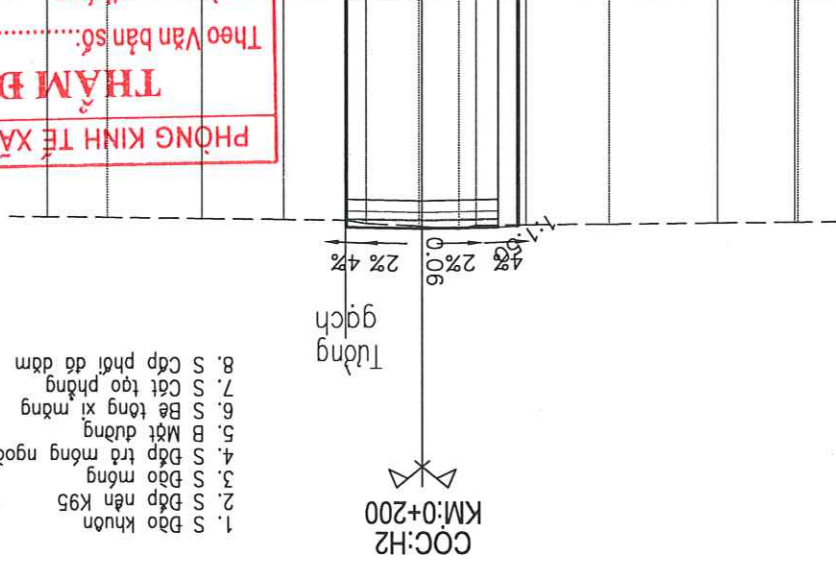
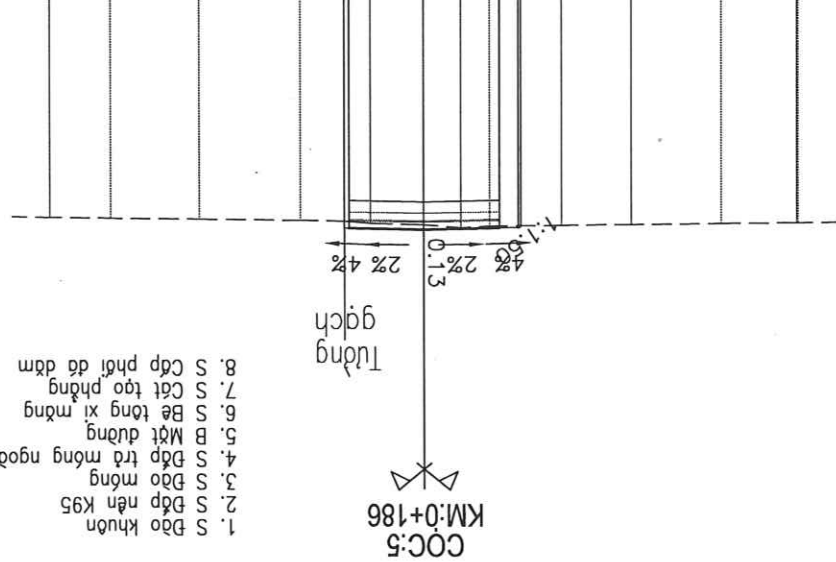
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
9.03	0.24	9.01	0.01
9.03	2	9.02	2.76
9.07	2	9.03	2.75
9.03	0.24	9.04	2.24
9.07	2	9.04	1.28
9.03	2	8.97	0.96
9.03	0.10	8.89	1.53
9.03	0.10	8.80	0.57
9.03	0.10	8.79	1.50
9.03	0.10	8.78	1.87
9.03	0.10	8.77	2.13
9.03	0.10	8.76	2.40



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.61	0.50	8.61	1.64
8.61		8.61	1.77
8.62		8.62	1.96
8.63		8.63	1.61
8.63	0.50	8.63	1.92
8.69	2	8.58	1.09
8.75		8.55	1.27
8.71	0.50	8.51	0.38
8.69		8.50	1.93
8.62		8.53	
8.59		8.59	3.47
8.63		8.63	2.95

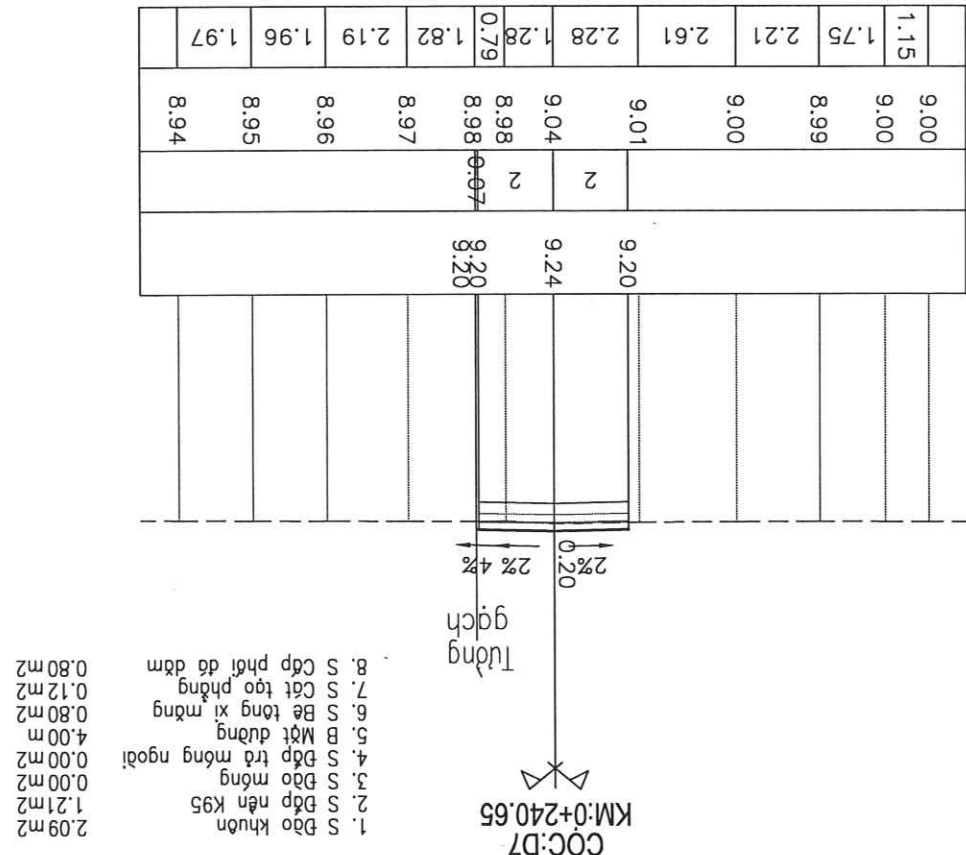
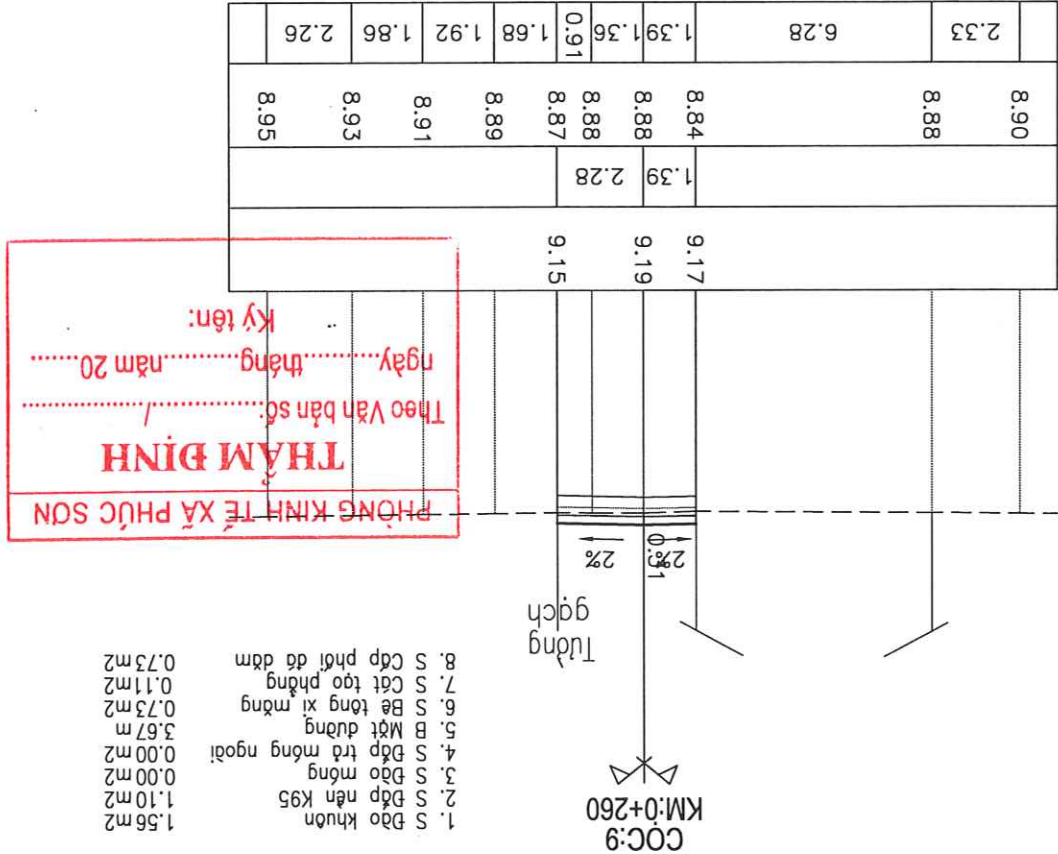
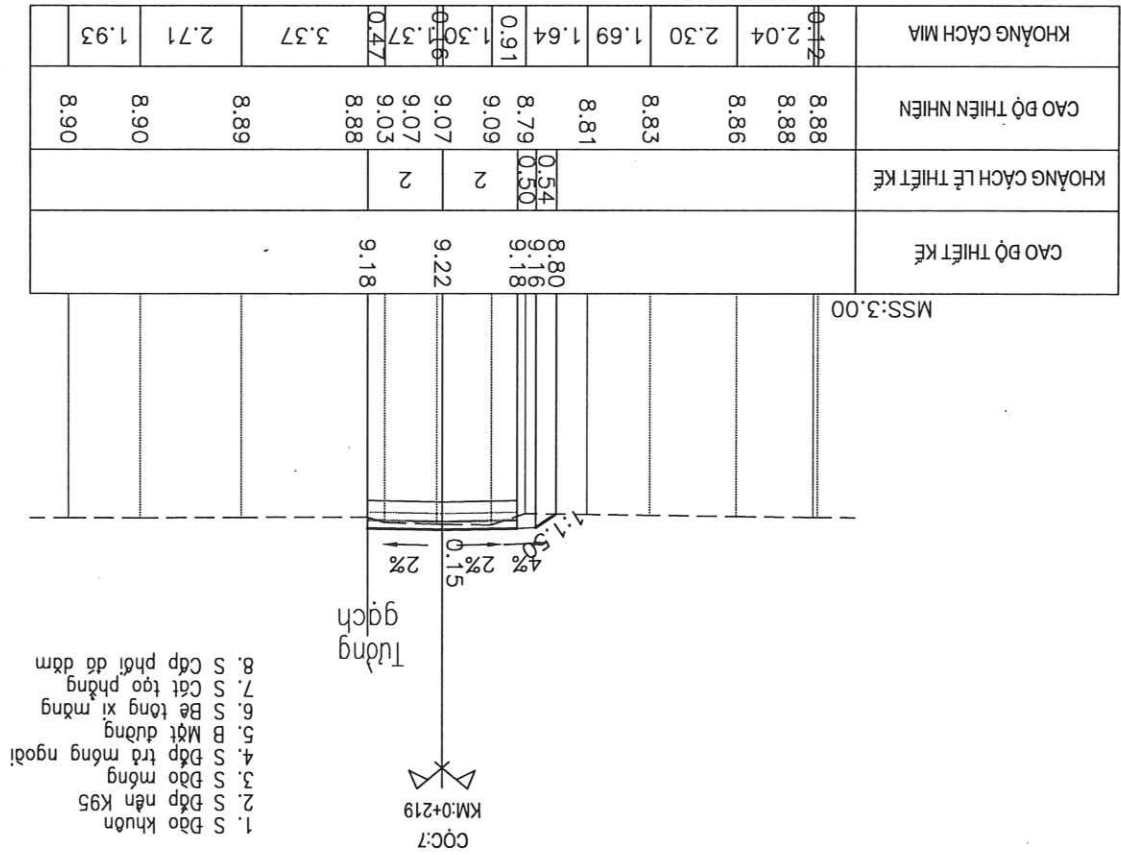
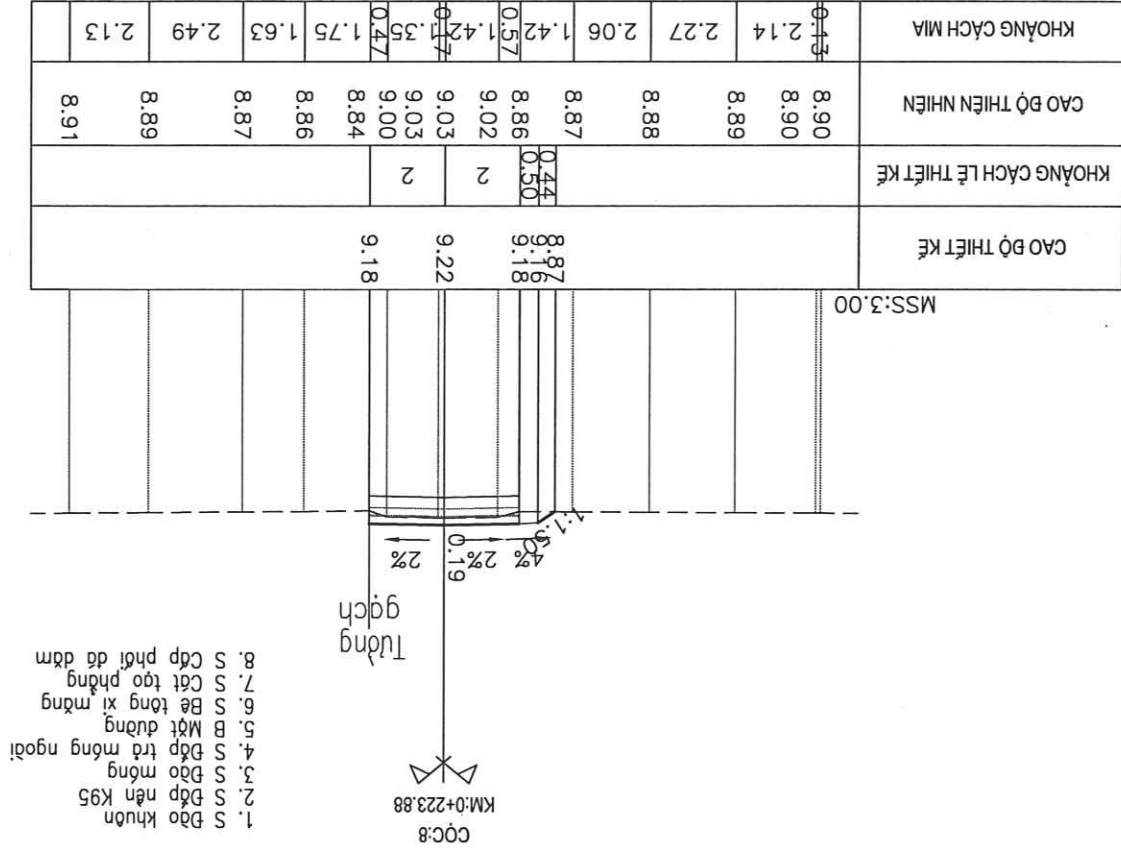


0.00	9.03	0.35	8.10
2.06	9.03	2	8.10
9.05			
2.90	9.08		
2.22	9.10	0.35	8.10
1.32	9.11	2	8.10
0.45	9.21		
0.97	9.14		9.20
0.99	9.13	2	
0.41	9.06		
0.55	8.97	0.35	8.10
1.65	8.95		
2.16	8.92		
2.51			
1.63	8.88		
	8.86		

[illegible]

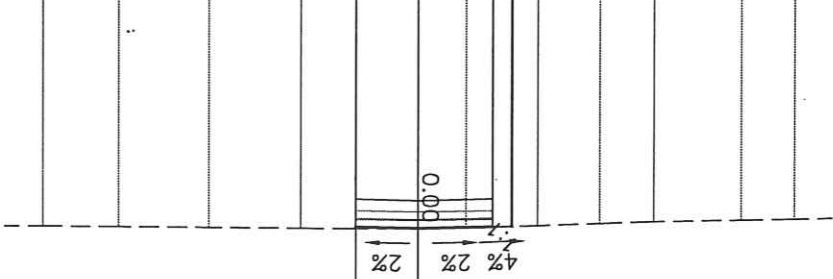
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẠT		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT				KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VŨ		TRẠCH NGANG THIẾT KẾ - TUYÊN 4 (06/07)	BẢN VẼ SỐ:	TỶ LỆ: 1/200
				CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI				THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU PHÚC				



CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MO XÃ PHƯỚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHƯỚC SƠN	
		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT								TƯ VẤN THIẾT KẾ			
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 4 (07/07)		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/200							

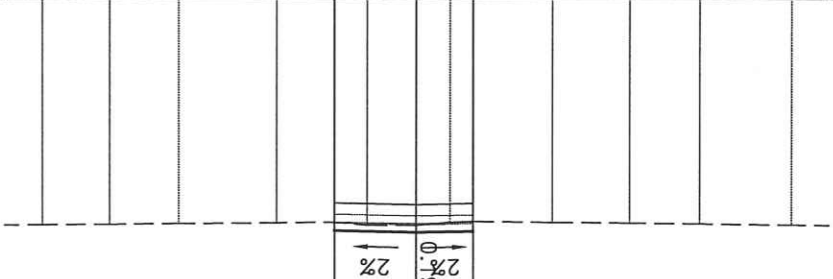
KHOẢNG CÁCH MIA	1.41	2.32	1.46	1.64	1.90	1.28	1.66	1.47	2.44	2.42	2.02
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	8.86	8.89	8.93	8.98	9.04	9.10	9.11	9.12	9.11	9.09	9.06
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ											
CAO ĐỘ THIẾT KẾ											



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dơ dăm

2.67 m2
1.10 m2
0.00 m2
0.00 m2
0.00 m2
3.66 m
0.73 m2
0.11 m2
0.73 m2

KHOẢNG CÁCH MIA	2.45	1.86	2.07	2.10	0.63	0.89	1.31	0.88	1.54	2.62	1.86	1.80
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	8.95	8.92	8.90	8.88	8.86	8.88	8.96	8.88	8.90	8.92	8.94	8.96
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ												
CAO ĐỘ THIẾT KẾ												



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trổ móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối dơ dăm

1.96 m2
1.11 m2
0.00 m2
0.00 m2
0.00 m2
3.71 m
0.74 m2
0.11 m2
0.74 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:/.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT BƯỞNG - TUYẾN 4
CÔNG TRÌNH: BƯỞNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐOI MÔ XÃ PHÚC SƠN

Tên cọc	KC Ie	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI												KHỐI LƯỢNG			
		m	m2	m2	m2	m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3
			1,97	1,73	3,09	0,11	4,00	0,80	0,12	0,80	24,64	27,68	50,96	4,80	64,00	12,80	1,92
	DT4																
	TD1		1,11	1,73	3,28	0,49	4,00	0,80	0,12	0,80							
	P1		2,17	1,42	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	21,88	21,01	21,88	3,27	53,36	10,67	1,60
	TC1		2,33	1,25	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	30,04	17,82	-	-	53,40	10,68	1,60
	TD2		2,12	1,31	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	21,32	12,26	-	-	38,32	7,66	1,15
	P2		2,32	1,35	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	19,67	11,78	-	-	35,44	7,09	1,06
	TC2		2,18	1,55	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	21,49	16,50	-	-	41,12	8,22	1,23
	TD3		2,00	1,66	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	14,68	11,81	-	-	29,80	5,96	0,89
	P3		1,94	1,51	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	14,77	12,13	-	-	29,76	5,95	0,89
	TC3		2,03	1,75	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	10,77	8,44	-	-	19,80	3,96	0,59
	TD4		2,32	1,66	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	11,60	4,50	-	-	11,60	2,32	0,35
	P4		2,43	1,44	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	6,08	4,07	-	-	11,60	2,32	0,35
	TC4		1,76	1,37	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	19,09	12,98	-	-	40,40	8,08	1,21
	2		2,02	1,20	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	20,68	12,47	-	-	41,56	8,31	1,25
	D5		1,96	1,20	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	29,61	23,73	-	-	78,44	15,69	2,35
	3		1,06	1,22	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	21,06	16,84	-	-	52,00	10,40	1,56
	4		2,18	1,37	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	34,58	18,86	-	-	58,24	11,65	1,75
	D6		2,57	1,22	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	31,54	15,36	-	-	49,76	9,95	1,49
	5		2,50	1,25	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	36,12	17,36	-	-	56,00	11,20	1,68
	H2		2,66	1,23	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	46,84	25,75	-	-	76,00	15,20	2,28
	7		2,27	1,48	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	10,66	7,08	-	-	19,52	3,90	0,59
	4,88																



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THAM ĐỊNH
Theo Văn bản số 232/2023
ngày 20 tháng 1 năm 2023
Ký tên: 8,08

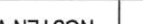
Tên cọc	KC lè	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI								KHỐI LƯỢNG							
		m	m2	m2	m2	m	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3
CT4	1. S đào khuôn	2. S Đắp nền	3. S Đào móng tường chắn	4. S Đắp trả TC	5. B Mặt đường	6. S Bê tông xi màng	7. V Cát tạo phẳng	8. V Cấp phối đá dăm	1. V đào khuôn	2. V Đắp nền K95	3. V Đào móng tường chắn	4. V Đắp trả TC	5. S Mặt đường	6. V Bê tông xi	7. V Cát tạo phẳng	8. V Cấp phối đá dăm	9. V Đắp nền K95
		2,10	1,42	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	35,13	22,05	-	-	67,08	13,42	2,01	13,42
		2,09	1,21	-	-	4,00	0,80	0,12	0,80	35,31	22,35	-	-	74,21	14,80	2,23	14,80
		1,56	1,10	-	-	3,67	0,73	0,11	0,73	35,20	22,10	-	-	73,80	14,70	2,20	14,70
		1,96	1,11	-	-	3,71	0,74	0,11	0,74	37,16	17,74	-	-	59,14	11,80	1,77	11,80
		2,67	1,10	-	-	3,66	0,73	0,11	0,73	605,08	395,48	72,84	8,07	1.169,75	233,82	35,07	233,82
		16,05															
		16,77															

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN

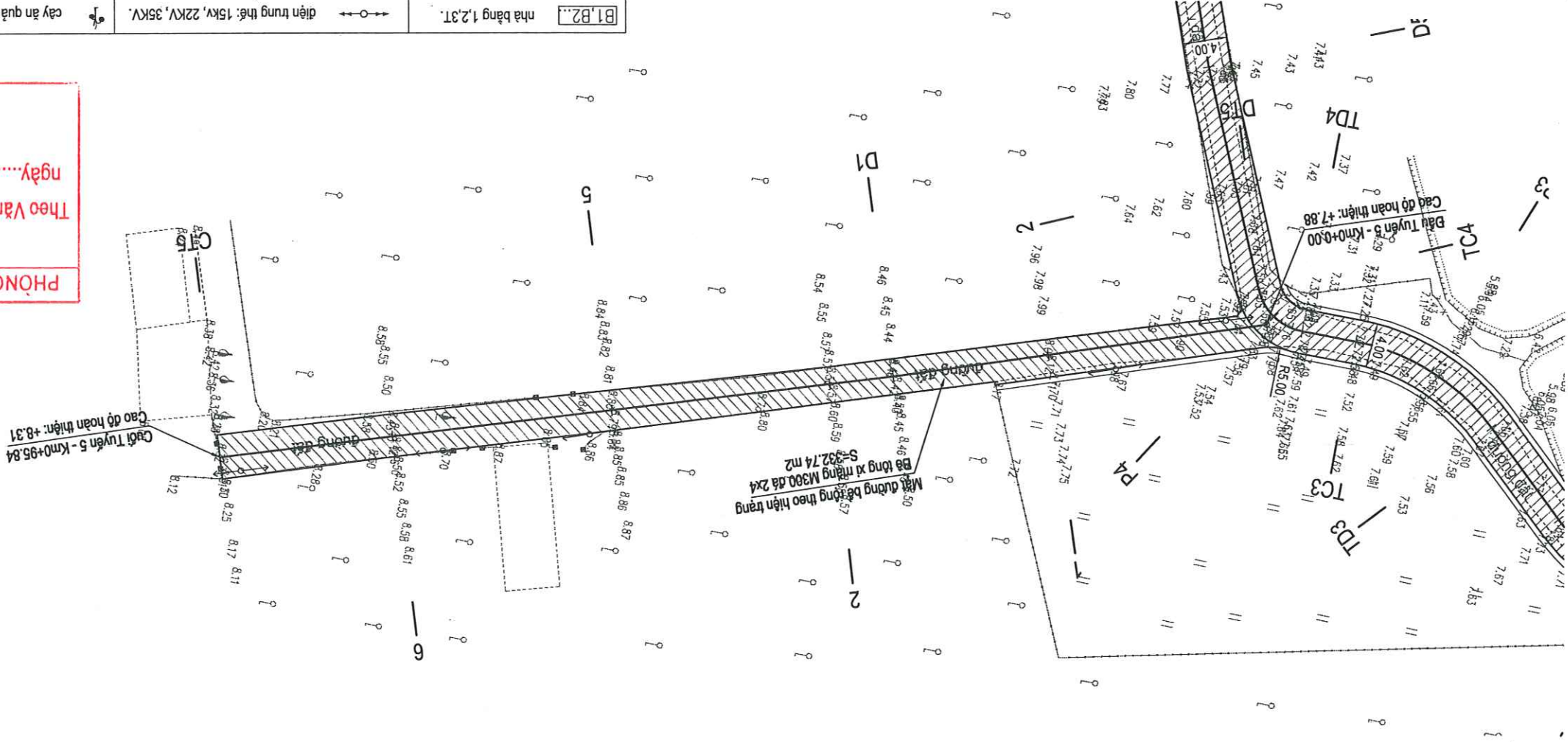
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /
ngày tháng năm 20.....
Ký tên:

BÌNH ĐỘ-TRẠC DỐC-TRẠC NGANG TUYỂN 5

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLĐA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐỊ MO XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
							
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 5		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/500	

	nhà ở
	nhà tôn
	nhà tạm
	nhà đang xây dựng
	cổng thoát nước
	tally
	nhà bằng 1.2.3T.
	điện trung thế: 15KV, 22KV, 35KV.
	điện hạ thế 220V
	trạm biến thế điện
	đường nhựa
	rào xây, tường gạch
	rào thép gai
	mở đất
	mở xây
	cây ăn quả
	Bãi Cỏ thấp, Bãi Cỏ cao
	Lúa
	hoa màu
	Khu đảo bãi
	kênh mương
	mương xây
	ao, hồ



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

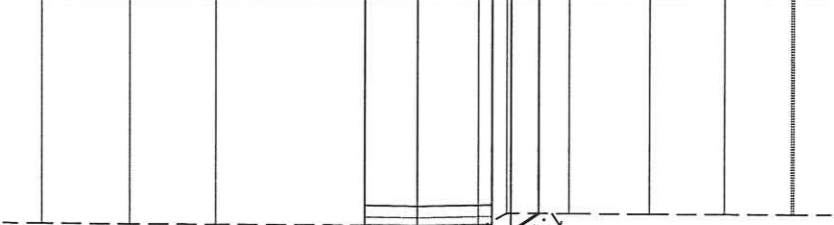
ngày... tháng... năm 20...

Ký tên:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 5

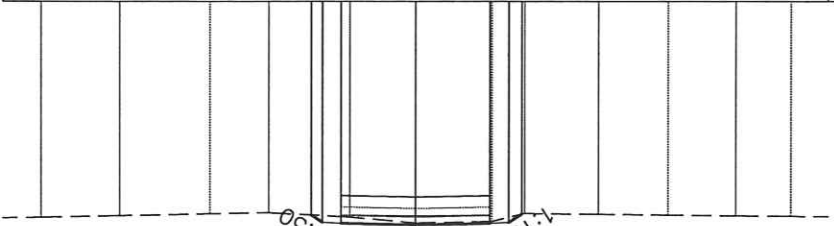
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	CHỦ NHIỆM TK	CHỦ TRỊ TK	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT ĐTK THÀNH ĐẠT GIÁM ĐỐC	BẢN VẼ SỐ:	TỶ LỆ: 1/200
		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI													
BAN BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN													
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 5													
		LẦN XUẤT BẢN: 01													

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.77	7.75	0.73	7.71
2.00	7.75	0.50	8.19
2.15	7.74	2	8.25
7.73	7.73	1.41	8.22
7.71	7.71		
7.70	7.70		
8.11	8.11		
8.12	8.12		
8.02	8.02		
1.41			
1.64			
3.97			
2.28			
2.35			



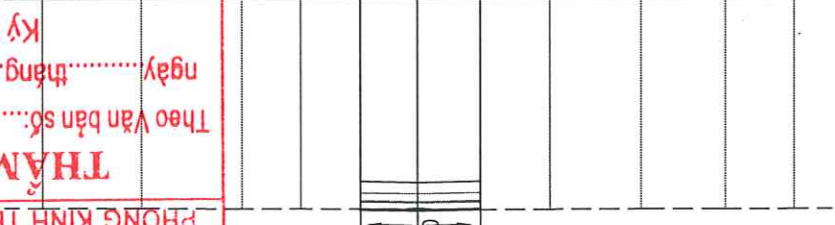
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối dâ dăm
- 1.98 m2
1.41 m2
0.00 m2
0.00 m2
3.41 m
0.68 m2
0.10 m2
0.68 m2

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.46	7.65	0.50	7.60
1.81	7.64	0.50	7.62
1.86	7.60	2	7.83
1.97	7.58	2	7.88
2.05	7.79	0.50	7.84
1.76	7.68	0.50	7.82
2.17	7.56		
1.57	7.59		
2.40	7.64		
2.10	7.68		



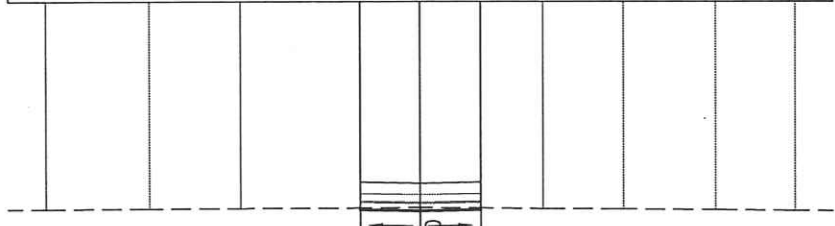
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối dâ dăm
- 2.59 m2
1.38 m2
0.00 m2
0.00 m2
4.00 m
0.80 m2
0.12 m2
0.80 m2

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.83	8.57		8.59
2.23	8.58		8.62
2.44	8.59	1.68	8.59
1.83	8.60	1.54	8.59
1.68	8.57		
1.54	8.58		
1.58	8.57		
1.58	8.57		
2.67	8.55		
2.64	8.54		



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối dâ dăm
- 2.27 m2
0.96 m2
0.00 m2
0.00 m2
3.21 m
0.64 m2
0.10 m2
0.64 m2

KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.13	8.50		8.48
2.45	8.48		8.43
2.15	8.45	1.62	8.51
1.65	8.43	1.61	8.48
1.62	8.42		
1.61	8.43		
3.20	8.44		
2.42	8.45		
2.77	8.46		



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối dâ dăm
- 2.13 m2
0.97 m2
0.00 m2
0.00 m2
3.23 m
0.65 m2
0.10 m2
0.65 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

Theo Văn bản số: /.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TY TNHH DÂN XÃ PHÚC SƠN

BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN

TU VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẠT

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MƠ XÃ PHÚC SƠN

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI

HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ NHIỆM TK

CHỦ TRỊ TK

THIẾT KẾ

KIỂM TRA

NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC

NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC

NGUYỄN HỮU PHÚC

NGUYỄN VĂN VỰ

CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẠT

GIÁM ĐỐC

TNHH

ĐTK

THÀNH DẠT

ĐỒ MINH DẠT

TRÁC NGANG THIẾT KẾ - TUYÊN 5

(02/02)

BẢN VẼ SỐ:

LẦN XUẤT BẢN: 01

TỶ LỆ: 1/200

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.57	1.82	8.61	2.19
8.61	2	8.58	2.15
8.57	1.82	8.55	2.39
8.57	1.82	8.52	1.46
8.57	1.82	8.50	0.96
8.57	1.82	8.46	0.85
8.57	1.82	8.43	1.24
8.57	1.82	8.45	1.01
8.57	1.82	8.50	3.22
8.57	1.82	8.55	2.73
8.57	1.82	8.58	1.79

COC:6
KM:0+80

1. S Đào khuôn

2. S Đắp nền K95

3. S Đắp móng

4. S Đắp trở móng ngoài

5. B Mặt đường

6. S Bê tông xi măng

7. S Cát tạo phẳng

8. S Cáp phối dâ dâm

2.23 m2

1.18 m2

0.00 m2

0.00 m2

3.82 m

0.76 m2

0.11 m2

0.76 m2

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.87	1.83	8.87	2.62
8.87	1.79	8.86	2.29
8.87	1.83	8.85	1.83
8.87	1.83	8.84	1.43
8.87	1.83	8.79	1.83
8.87	1.83	8.80	1.79
8.87	1.83	8.81	2.22
8.87	1.83	8.82	2.51
8.87	1.83	8.83	1.52
8.87	1.83	8.84	1.97

COC:5
KM:0+60

1. S Đào khuôn

2. S Đắp nền K95

3. S Đắp móng

4. S Đắp trở móng ngoài

5. B Mặt đường

6. S Bê tông xi măng

7. S Cát tạo phẳng

8. S Cáp phối dâ dâm

2.36 m2

1.09 m2

0.00 m2

0.00 m2

3.62 m

0.72 m2

0.11 m2

0.72 m2

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.27	1.96	8.11	2.52
8.31	1.96	8.17	3.37
8.31	1.96	8.25	2.15
8.31	1.96	8.30	0.86
8.31	1.96	8.31	1.09
8.31	1.96	8.32	1.27
8.31	1.96	8.34	2.59
8.31	1.96	8.28	1.72
8.31	1.96	8.32	2.05
8.31	1.96	8.36	2.32
8.31	1.96	8.42	

COC:CT
KM:0+95.84

1. S Đào khuôn

2. S Đắp nền K95

3. S Đắp móng

4. S Đắp trở móng ngoài

5. B Mặt đường

6. S Bê tông xi măng

7. S Cát tạo phẳng

8. S Cáp phối dâ dâm

2.89 m2

1.19 m2

0.00 m2

0.00 m2

3.96 m

0.79 m2

0.12 m2

0.79 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC S. N

THẨM ĐỊNH

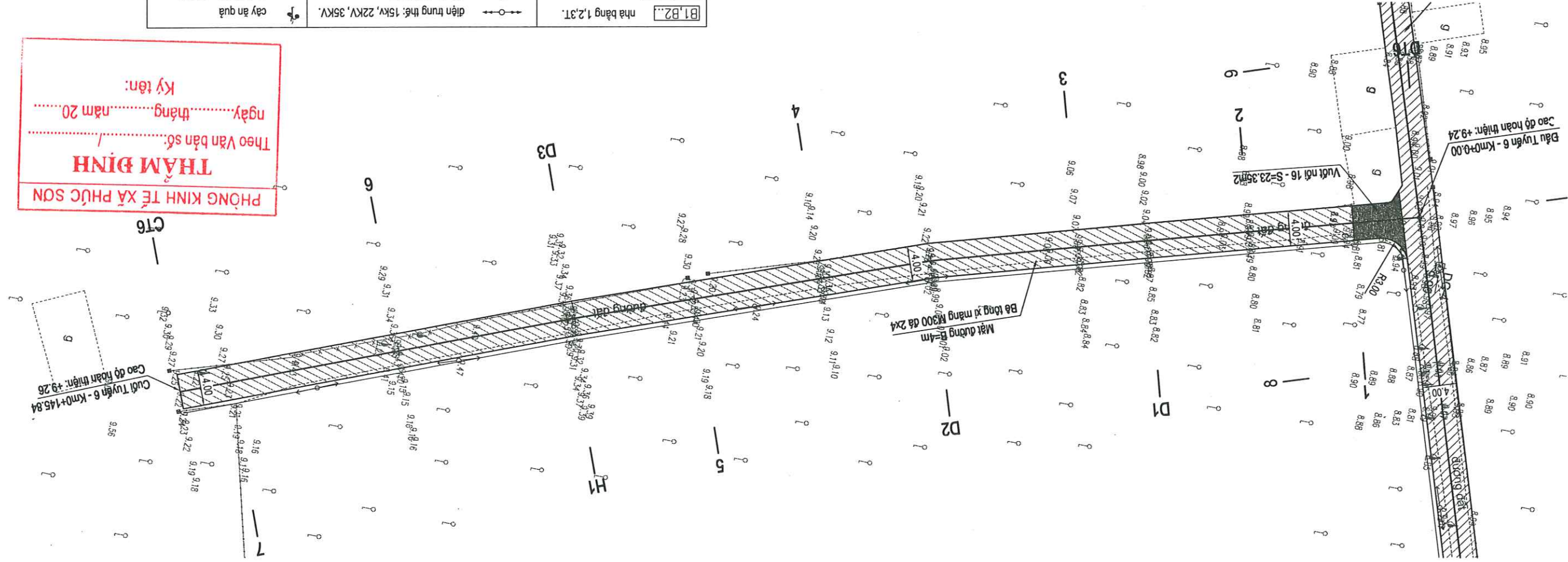
Theo Văn bản số: /

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

BÌNH ĐỒ-TRẮC DỌC-TRẮC NGANG
TUYỂN 6

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

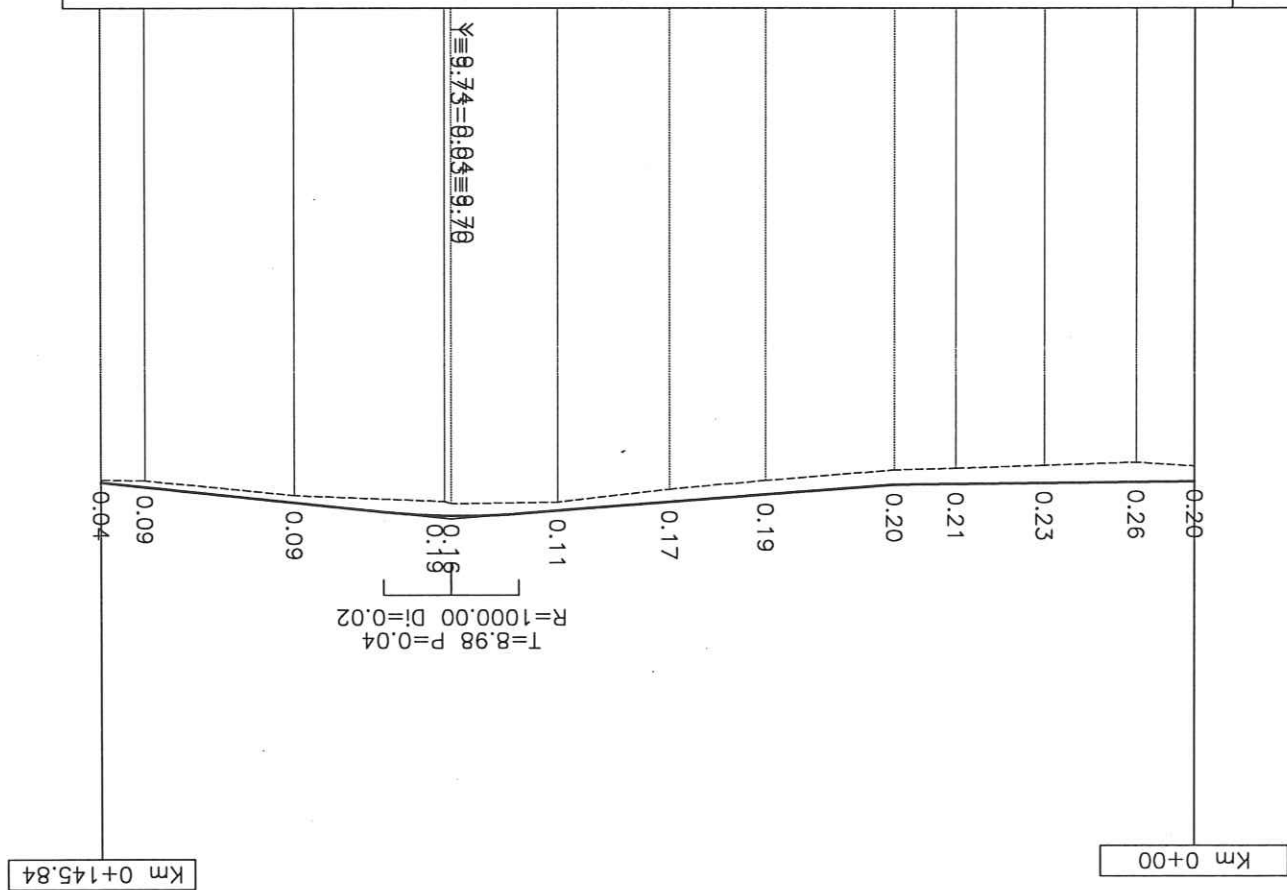


	nhà tầng 1,2,3T.
	nhà đơn
	nhà đôi
	nhà ba phòng
	nhà bốn phòng
	nhà năm phòng
	nhà sáu phòng
	nhà bảy phòng
	nhà tám phòng
	nhà chín phòng
	nhà mười phòng
	nhà mười một phòng
	nhà mười hai phòng
	nhà mười ba phòng
	nhà mười bốn phòng
	nhà mười lăm phòng
	nhà mười sáu phòng
	nhà mười bảy phòng
	nhà mười tám phòng
	nhà mười chín phòng
	nhà hai mươi phòng
	nhà hai mươi một phòng
	nhà hai mươi hai phòng
	nhà hai mươi ba phòng
	nhà hai mươi bốn phòng
	nhà hai mươi lăm phòng
	nhà hai mươi sáu phòng
	nhà hai mươi bảy phòng
	nhà hai mươi tám phòng
	nhà hai mươi chín phòng
	nhà ba mươi phòng
	nhà ba mươi một phòng
	nhà ba mươi hai phòng
	nhà ba mươi ba phòng
	nhà ba mươi bốn phòng
	nhà ba mươi lăm phòng
	nhà ba mươi sáu phòng
	nhà ba mươi bảy phòng
	nhà ba mươi tám phòng
	nhà ba mươi chín phòng
	nhà bốn mươi phòng
	nhà bốn mươi một phòng
	nhà bốn mươi hai phòng
	nhà bốn mươi ba phòng
	nhà bốn mươi bốn phòng
	nhà bốn mươi lăm phòng
	nhà bốn mươi sáu phòng
	nhà bốn mươi bảy phòng
	nhà bốn mươi tám phòng
	nhà bốn mươi chín phòng
	nhà五十 phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MÔ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
BÌNH DỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 6		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/500		LẦN XUẤT BẢN: 01	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN GIÁM ĐỐC TƯ - HÀ TĨNH ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẮT	
		CHỦ NHIỆM TK NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VŨ	CHỮ ĐÓNG CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẮT GIÁM ĐỐC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CHỮ ĐÓNG CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẮT GIÁM ĐỐC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRẮC DỌC THIẾT KẾ - TUYẾN 6		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000, 1/100		LẦN XUẤT BẢN: 01	

DIA CHAT	DOC DUC THIET KE	CAO DO THIET KE	CAO DO TUY NHIEN	CUY LE	CUY CONG DON	TEN CUC	B. THANH, B. CONG
		9.24	9.04	7.76	0.00	D5	
	0.13%	9.25	8.99	12.24	7.76	1	0d19'37"
	40.00	9.26	9.03	11.81	20.00	2	3d53'37"
		9.28	9.07	8.19	31.81	D1	
		9.29	9.09	17.13	40.00	3	
	0.76%	9.42	9.23	12.87	57.13	D2	
	59.11	9.52	9.35	15.00	70.00	4	
		9.63	9.52	14.11	85.00	5	
		9.70	9.54	20.00	99.11	D3	
		9.52	9.43	20.00	100.00	H1	1d9'49"
	1.04%	9.32	9.23	20.00	120.00	6	
		9.26	9.22	5.84	140.00	7	
					145.84	CT5	



PHONG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT BƯỞNG - TUYẾN 6
CÔNG TRÌNH: BƯỞNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐOI MÔ XÃ PHƯỚC SƠN

DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI										KHỐI LƯỢNG					
Tên cọc	ĐƠN VỊ	1. S đào	2. S Đập nền	3. S Đào móng	4. V Đập trả móng ngoài TC	5. S Mặt đường	6. V Bê tông xi măng	7. V Cắt tạo phẳng	8. V Cáp phoi đã đầm	m3	m2	m3	m3	m3	m3
D16	m	7,76	2,15	1,42	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
1	m	1,87	1,50	-	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
2	m	12,24	1,81	1,54	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
D1	m	11,81	1,96	1,47	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
3	m	8,19	1,93	1,54	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
D2	m	17,13	2,10	1,49	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
4	m	12,87	2,10	1,45	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
5	m	15,00	2,16	1,63	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
D3	m	14,11	2,07	1,48	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
H1	m	20,00	1,94	1,47	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
6	m	20,00	2,48	1,46	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
7	m	20,00	2,66	1,23	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
CT6	m	5,84	2,88	1,20	-	-	-	-	-	0,80	4,00	0,12	-	-	-
Tổng										297,61	203,23	-	-	552,32	110,46
										16,18	7,10	-	-	23,36	4,67
										51,40	26,90	-	-	80,00	16,00
										44,20	29,30	-	-	80,00	16,00
										1,78	1,31	-	-	3,56	0,71
										29,84	21,94	-	-	56,44	11,29
										31,95	23,10	-	-	60,00	12,00
										27,03	18,92	-	-	51,48	10,30
										34,52	25,95	-	-	68,52	13,70
										15,93	12,33	-	-	32,76	6,55
										22,26	17,77	-	-	47,24	9,45
										22,52	18,60	-	-	48,96	9,79
										-	-	-	-	-	-
										-	-	-	-	-	-
										16,57	110,46	-	-	16,57	110,46

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



BÌNH ĐỘ-TRẠC DỐC-TRẠC NGANG TUYỂN 7

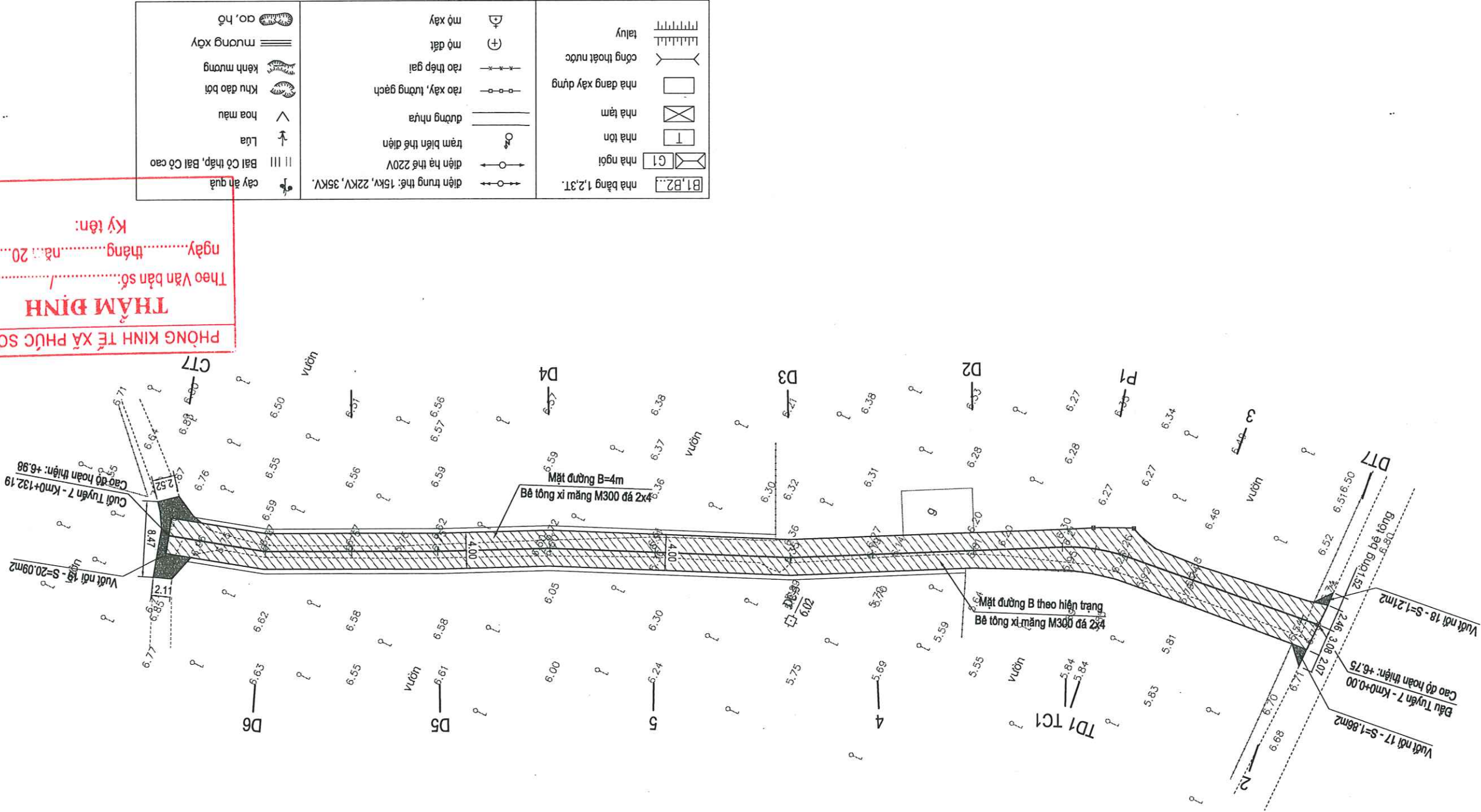
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT					
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MÔ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA		NGUYỄN VĂN VŨ	
								THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC	
								CHỦ TRÌ TK		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	
								CHỦ NHIỆM TK		NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	
BÌNH DỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 7		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/500		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		GIẤM ĐỌC		ĐỒ MINH BẬT	

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 7

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

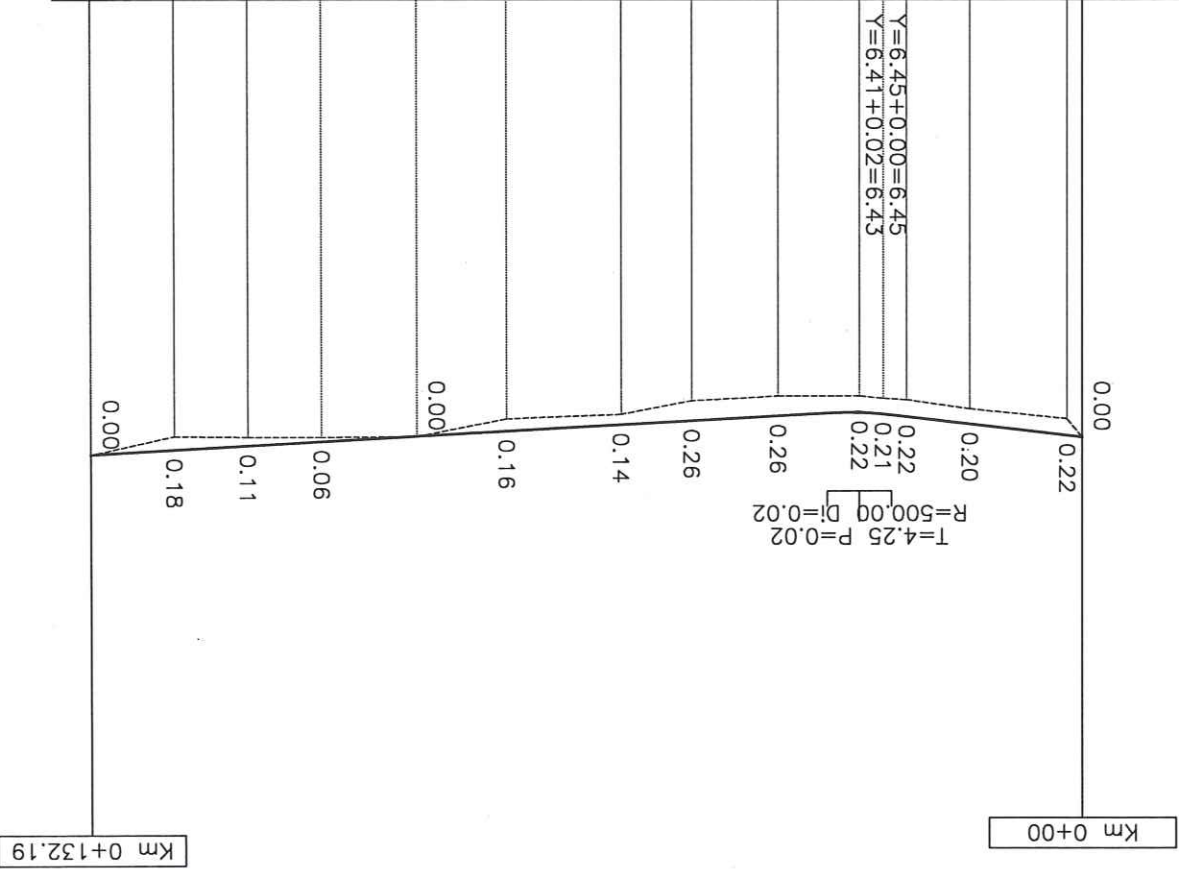
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /
ngày...tháng...năm 20...
Ký tên:



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
TRÁC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 7		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	
		LẦN XUẤT BẢN: 01			

ĐỊA CHẤT	DỐC DỤC THIẾT KẾ	CAO BỘ THIẾT KẾ	CAO BỘ TỰ NHIÊN	CỰ LY LỀ	CỰ LY CỘNG DỒN	TÊN CỌC	B. THĂNG, B. CÔNG
	1.14%	6.73	6.51	2.00	2.88	D1	
		6.58	6.38	8.43	15.08	3	
		6.48	6.26	5.16	23.51	P1	
		6.45	6.24	3.16	26.66	D2	
		6.43	6.21	10.88	29.82	4	
		6.47	6.21	11.45	40.70	D3	
		6.53	6.27	9.37	52.15	5	
		6.59	6.45	15.34	61.52	D4	
		6.67	6.51	11.97	76.86	6	
		6.74	6.74	12.71	88.83	D5	
		6.81	6.75	9.75	101.54	D6	
		6.86	6.74	11.14	111.30	CT1	
		6.92	6.98	132.19	121.05		
		6.98	6.98		132.19		



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

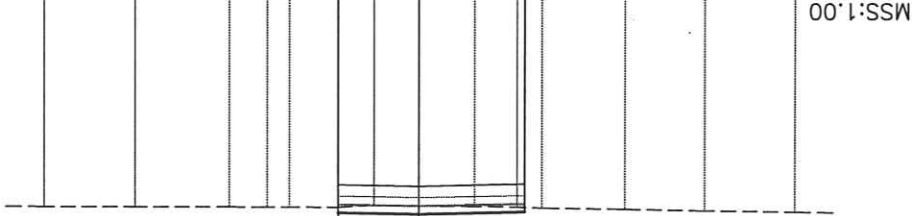
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: tháng năm 20.....

Ký tên:

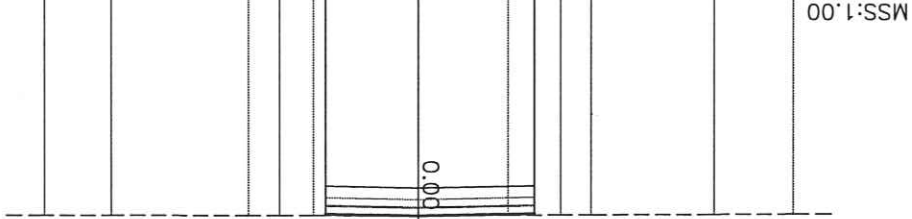
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		TU VẤN THIẾT KẾ		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	NGUYỄN HỮU PHÚC	CHỦ TRÌ TK	CHỦ NHIỆM TK	CÔNG TRÌNH:	
		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI							ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MÔ XÃ PHÚC SƠN	
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 7		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		
LẦN XUẤT BẢN: 01						THÀNH PHỐ HÀ NỘI						

KHOẢNG CÁCH MIA	2.40	2.13	2.22	0.65	1.13	1.48	1.19	0.95	1.30	0.58	1.01	2.53	2.44
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	6.68	6.64	6.60	6.57	6.54	6.52	6.51	6.48	6.54	6.53	6.53	6.52	6.51
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				2.81	2.14								
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.67	6.73	6.68										



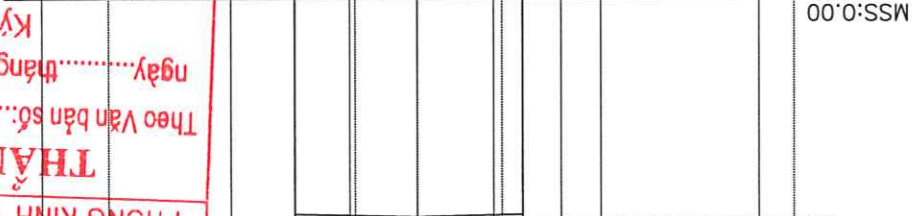
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 2.68m²
1.49m²
0.00m²
0.00m²
4.95m
0.99m²
0.15m²
0.99m²

KHOẢNG CÁCH MIA	2.11	3.30	1.40	0.81	2.80	0.90	0.83	3.67	1.81
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	6.70	6.71	6.72	6.72	6.74	6.74	6.74	6.73	6.73
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.09	2.46						
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.69	6.75	6.70						



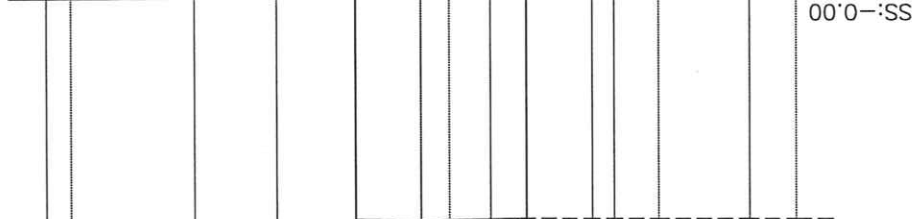
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 4.05m²
1.67m²
0.00m²
0.00m²
5.55m
1.11m²
0.17m²
1.11m²

KHOẢNG CÁCH MIA	4.20	1.06	1.02	0.55	2.01	1.64	1.47	1.69	3.27	1.78
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.85	5.86	5.86	5.86	6.16	6.26	6.24	6.24	6.27	6.29
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ			2.79	3.26						
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.43	6.48	6.42							



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 3.07m²
1.82m²
0.00m²
0.00m²
6.05m
1.21m²
0.18m²
1.21m²

KHOẢNG CÁCH MIA	1.24	2.42	1.20	0.57	1.76	0.96	1.09	0.76	1.73	2.11	2.19	3.31	0.66
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.81	5.81	5.80	5.80	5.79	6.21	6.24	6.38	6.45	6.46	6.46	6.47	6.47
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ					2.81	1.73							
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.52	6.58	6.54										



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 2m²
1.36m²
0.00m²
0.00m²
4.54m
0.91m²
0.14m²
0.91m²

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

Theo Văn bản số: /

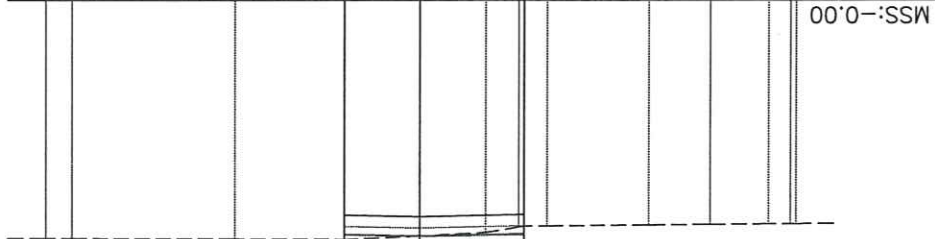
ngày: tháng năm 20

Ký tên:



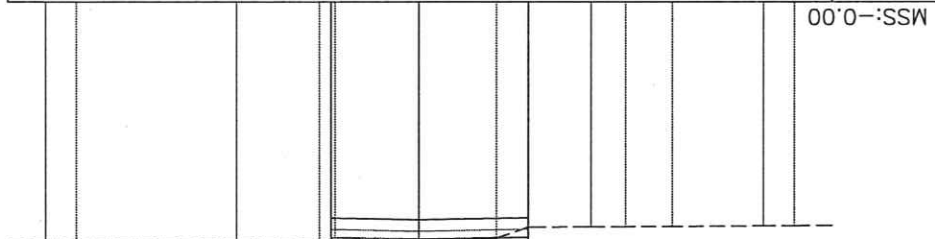
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN GIÁM ĐỐC TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TRÌNH:		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
						ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
CHỦ NHIỆM TK	CHỦ TRƯỞNG	NGO LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRƯỞNG	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ		
		NGO LÊ VIỆT ĐỨC							
TRÁCH NGANG THIẾT KẾ - TUYÊN 7		TRÁCH NGANG THIẾT KẾ - TUYÊN 7		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200			
				LẦN XUẤT BẢN: 01					

KHOẢNG CÁCH MIA	0.71
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.88
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.75
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.35



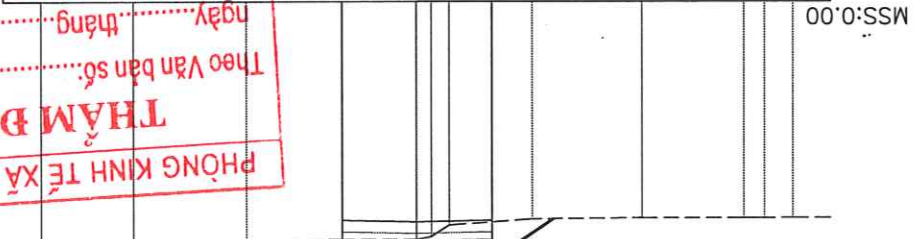
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	0.84
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.87
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.89
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.39



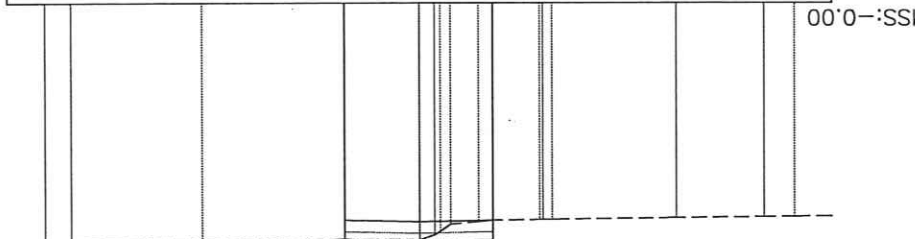
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	0.74
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.70
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.02
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.37



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm

KHOẢNG CÁCH MIA	0.80
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	5.60
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.35
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.40



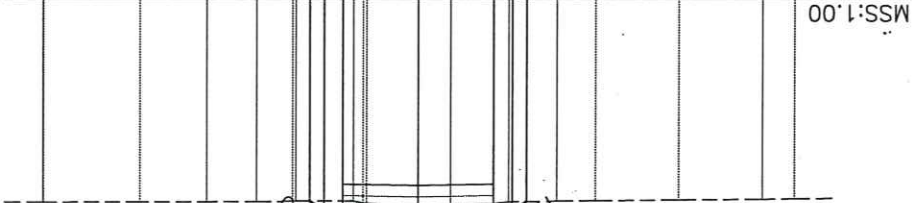
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /
ngày...tháng...năm 20

CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT
GIÁM ĐỐC
TRÁCH NGANG THIẾT KẾ - TUYÊN 7
BẢN VẼ SỐ:
LẦN XUẤT BẢN: 01
TỶ LỆ: 1/200

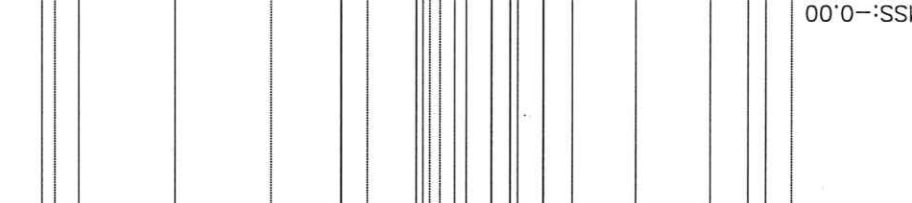
ỦY BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK	THIẾT KẾ	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	NGUYỄN HỮU PHÚC		
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 7		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
(03/04)		LẦN XUẤT BẢN: 01			

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
6.29	0.86	6.30	2.22
6.34	1.04	6.35	2.19
6.32	1.29	6.36	1.55
6.35	0.38	6.52	0.85
6.36	2	6.51	1.38
6.37	0.50	6.40	0.95
6.37	0.39	6.35	1.54
6.36	1.32	6.36	0.99
6.36	1.77	6.36	1.32
6.37	2.58	6.36	0.92



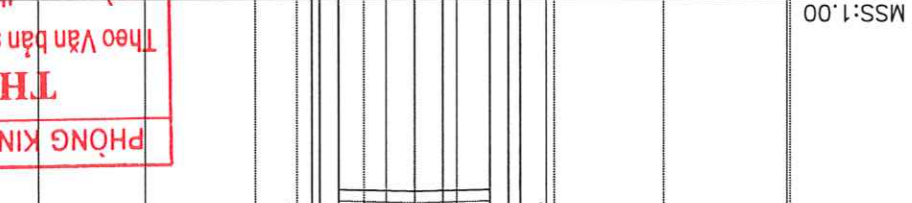
- CÁC:5
KM:0+76.86
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trở móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 2.13m²
1.37m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
5.93	0.70	5.81	0.48
5.95	1.00	5.82	1.00
5.91	1.97	5.83	1.97
5.99	1.69	5.84	1.69
6.37	1.47	6.36	1.38
6.36	0.90	6.37	0.31
6.35	1.31	6.36	0.63
6.32	2.55	6.35	2.58
6.28	0.63	6.28	0.36



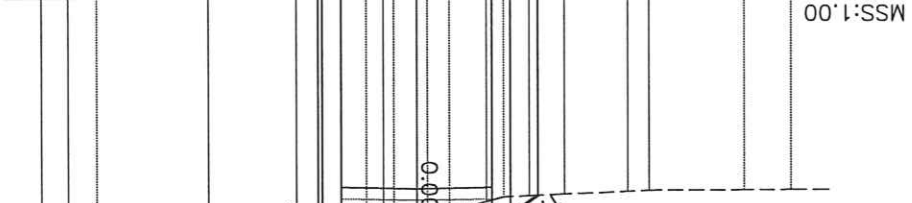
- CÁC:D3
KM:0+61.52
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trở móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 1.8m²
1.74m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
6.58	0.86	6.58	2.22
6.54	1.04	6.54	2.19
6.56	1.29	6.54	1.55
6.58	0.38	6.54	0.85
6.58	2	6.54	1.38
6.58	0.50	6.54	0.95
6.58	0.39	6.54	1.54
6.58	1.32	6.54	0.99
6.58	1.77	6.54	1.32
6.58	2.58	6.54	0.92



- CÁC:D5
KM:0+101.54
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trở móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 2.38m²
1.35m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
6.03	0.70	6.03	0.48
6.04	1.00	6.04	1.00
6.05	1.97	6.05	1.97
6.08	1.69	6.08	1.69
6.15	1.47	6.15	1.38
6.19	0.90	6.19	0.31
6.22	1.31	6.22	0.63
6.34	2.55	6.34	2.58
6.60	0.63	6.60	0.36
6.60	0.72	6.60	0.72



- CÁC:D4
KM:0+88.83
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trở móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bê tông xi măng
 - S Cốt tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 2.48m²
1.6m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

Theo Văn bản số: /

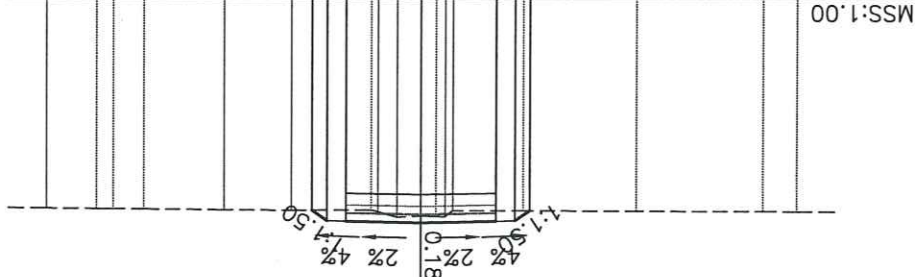
ngày tháng năm 20

Ký tên:



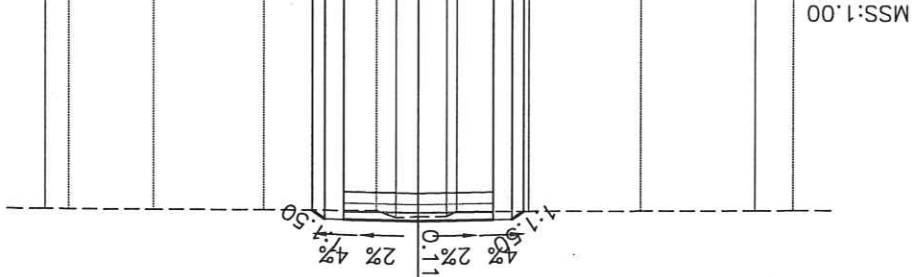
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ	CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT ĐO MINH ĐẠT	TỶ LỆ: 1/200
		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MO XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI			THIẾT KẾ		
BAN BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		CHỦ TRÌ TK		CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	TRÁC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 7	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CHỦ TRÌ TK		CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	BẢN VẼ SỐ:	
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CHỦ TRÌ TK		CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	LẦN XUẤT BẢN: 01	

KHOẢNG CÁCH MIA	0.91	3.38	2.99	1.87	0.60	0.65	0.43	0.45	0.82	0.45	1.34
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	6.62	6.61	6.60	6.60	6.60	6.60	6.60	6.60	6.56	6.55	6.53
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				2	2	2	2	2	2	2	2
CAO ĐỘ THIẾT KẾ				6.92	6.92	6.92	6.92	6.92	6.92	6.92	6.92



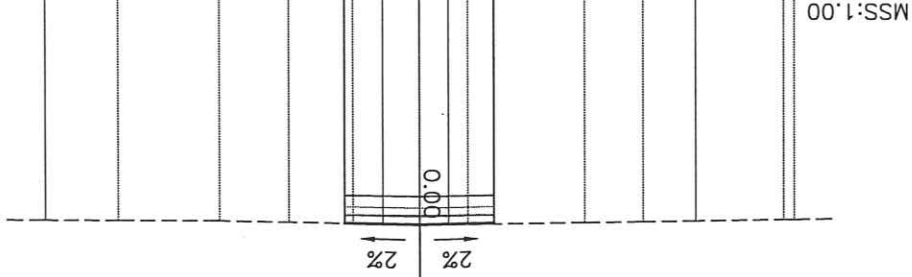
1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 1.98m²
1.38m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

KHOẢNG CÁCH MIA	1.03	3.07	2.97	0.00	0.77	0.75	0.60	0.33	0.64
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	6.57	6.58	6.59	6.60	6.61	6.75	6.77	6.59	6.54
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				2	2	2	2	2	2
CAO ĐỘ THIẾT KẾ				6.86	6.86	6.86	6.86	6.86	6.86



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 2.21m²
1.34m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

KHOẢNG CÁCH MIA	0.27	2.35	1.41	1.56	3.11	0.53	0.78	0.98	0.79	1.71	1.85	2.71	1.96
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	6.85	6.85	6.89	6.91	6.93	6.98	6.98	6.98	6.95	6.91	6.87	6.85	6.83
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2	2	2	2				
CAO ĐỘ THIẾT KẾ						6.94	6.94	6.94	6.94				



1. S Đào khuôn
2. S Đắp nền K95
3. S Đắp móng
4. S Đắp trở móng ngoài
5. B Mặt đường
6. S Bê tông xi măng
7. S Cốt tạo phẳng
8. S Cáp phối đá dăm
- 2.92m²
1.20m²
0.00m²
0.00m²
4.00m
0.80m²
0.12m²
0.80m²

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày...tháng...năm 20

Ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT ĐƯỜNG - TUYẾN 7
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BÌ ĐỚI MỎ XÃ PHƯỚC SƠN

Tên cọc	KC l _e	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI										KHỐI LƯỢNG				
		m	m ²	m ²	m ²	m	m ²	m ²	m ²	m ³	m ³	m ³	m ³	m ²	m ³	m ³
		2,00	4,05	1,67	-	5,55	1,11	0,17	1,11							
2		2,68	1,49	-	-	4,95	0,99	0,15	0,99	6,73	3,16	-	-	10,50	2,10	0,32
3		2,00	1,36	-	-	4,54	0,91	0,14	0,91	30,61	18,64	-	-	62,06	12,43	1,90
TD1		3,16	3,07	1,82	-	6,05	1,21	0,18	1,21	21,37	13,40	-	-	44,64	8,94	1,35
P1		2,70	1,57	-	-	5,24	1,05	0,16	1,05	9,12	5,36	-	-	17,84	3,57	0,54
TC1		2,48	1,43	-	-	4,77	0,95	0,14	0,95	8,18	4,74	-	-	15,82	3,16	0,47
D2		1,28	1,19	-	-	3,96	0,79	0,12	0,79	20,45	14,25	-	-	47,49	9,47	1,41
4		1,45	1,19	-	-	3,97	0,79	0,12	0,79	14,94	13,63	-	-	45,40	9,05	1,37
D3		9,37	1,80	1,74	-	4,00	0,80	0,12	0,80	14,66	13,73	-	-	37,34	7,45	1,12
5		15,34	2,13	1,37	-	4,00	0,80	0,12	0,80	30,14	23,85	-	-	61,36	12,27	1,84
D4		11,97	2,48	1,60	-	4,00	0,80	0,12	0,80	27,59	17,78	-	-	47,88	9,58	1,44
D5		12,71	2,38	1,35	-	4,00	0,80	0,12	0,80	30,89	18,75	-	-	50,84	10,17	1,53
6		9,75	2,21	1,34	-	4,00	0,80	0,12	0,80	22,38	13,11	-	-	39,00	7,80	1,17
D6		9,75	1,98	1,38	-	4,00	0,80	0,12	0,80	20,43	13,26	-	-	39,00	7,80	1,17
CT1		11,14	2,92	1,20	-	4,00	0,80	0,12	0,80	27,29	14,37	-	-	44,56	8,91	1,34
Tổng										284,78	188,03	-	-	563,73	112,68	16,97
																112,68

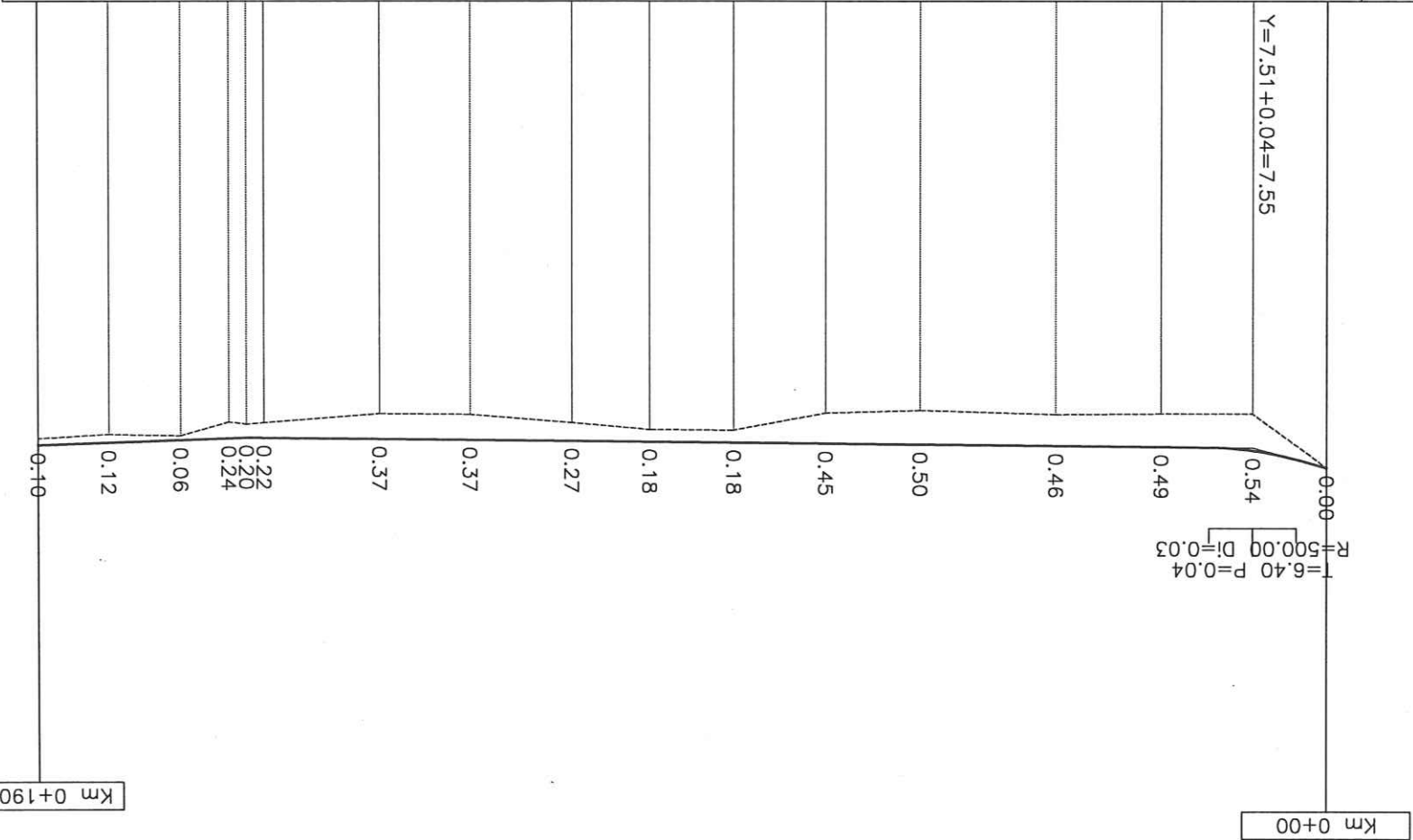
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



BÌNH ĐỒ-TRẠC DỒC-TRẠC NGANG TUYỂN 8

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 8		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000, 1/100	
		LẦN XUẤT BẢN: 01			

ĐỊA CHẤT	DỌC DỤC THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	CƯỜNG LỆ	CƯỜNG CỘNG DỒN	TÊN CỌC	B. THĂNG, B. CÔNG
	10.95	7.80	7.80	10.95	0.00	D12	2d30'5"
	2.66%	7.55	7.01	13.55	24.50	2	0d22'6"
		7.50	7.01	15.50	40.00	3	
		7.48	7.02	20.00	60.00	4	
		7.46	6.96	14.15	74.15	D2	
		7.43	7.25	13.53	87.68	5	
	0.10%	7.42	7.24	12.32	100.00	H1=6	
		7.41	7.14	11.54	111.54	7	
		7.39	7.02	15.02	126.56	D3	
		7.38	7.01	13.44	140.00	8	
				17.10		D5	
	0.36%	7.36	7.14	2.59	157.10	P4	
		7.35	7.16	2.59	159.69	D5	
		7.37	7.13	2.59	162.28	9	
		7.43	7.33	10.60	169.40	CT12	
		7.47	7.31	10.46	180.00		
			7.37		190.46		



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

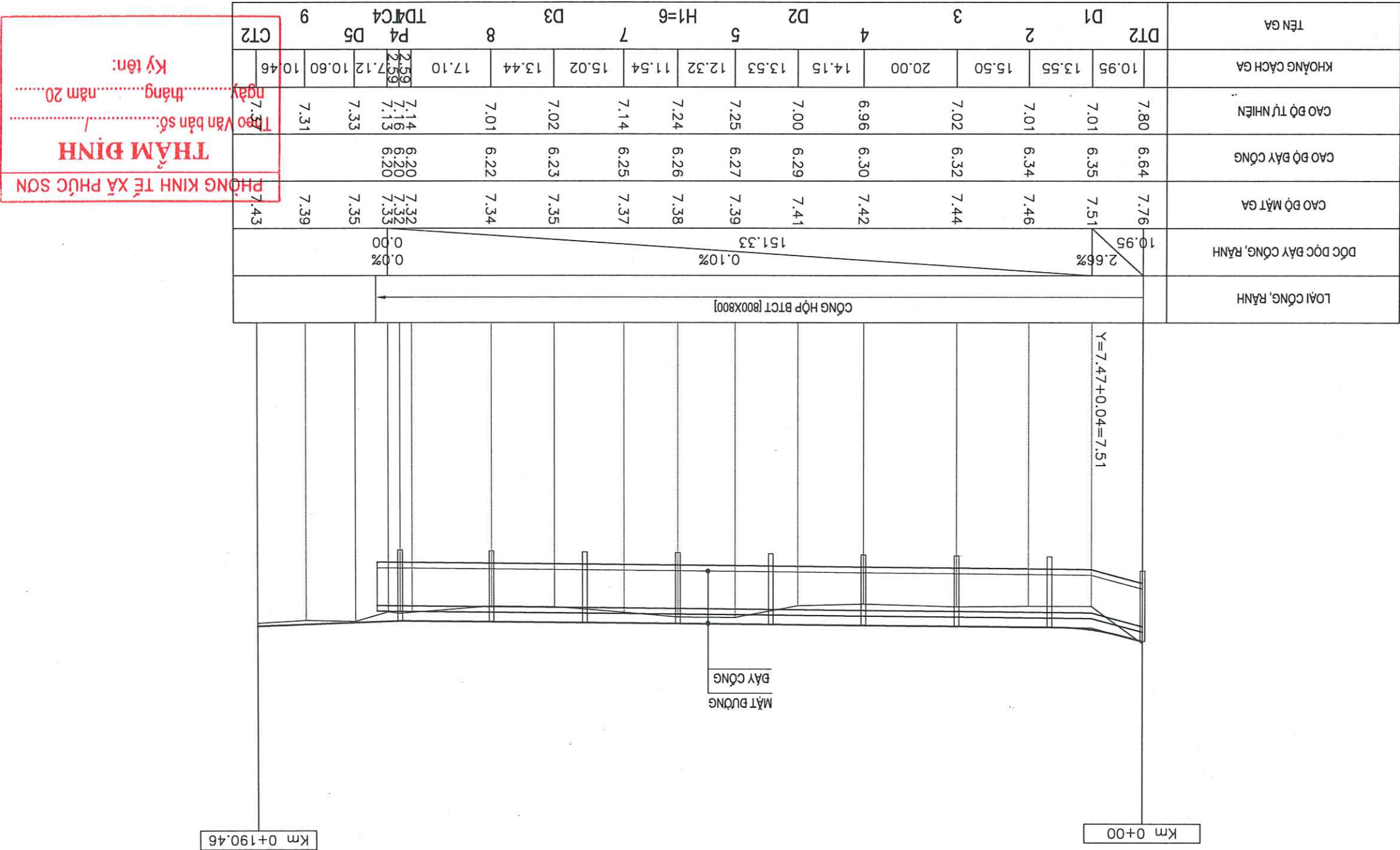
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày... tháng... năm 20

Ký tên:

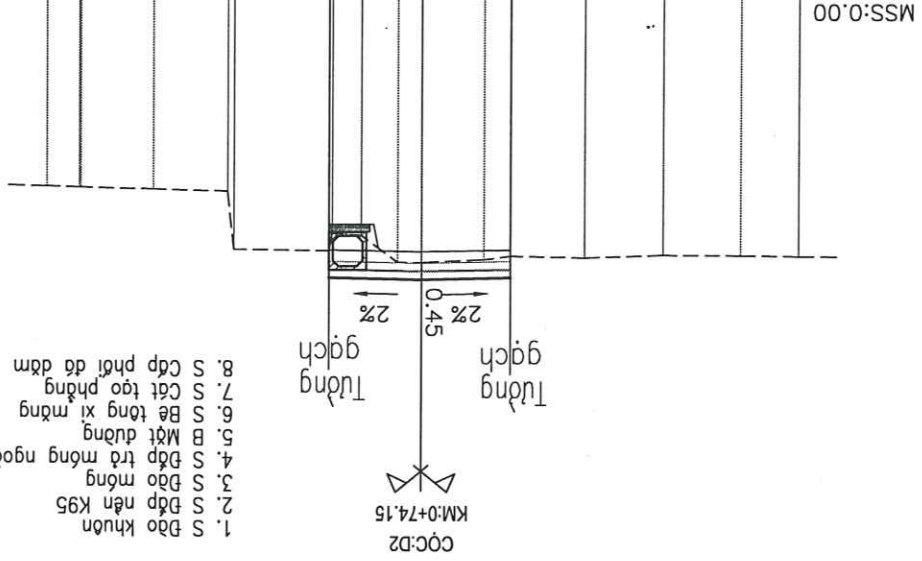
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI NỘI		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
TRẮC DỘC CÔNG HỘP - TUYẾN 8		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	



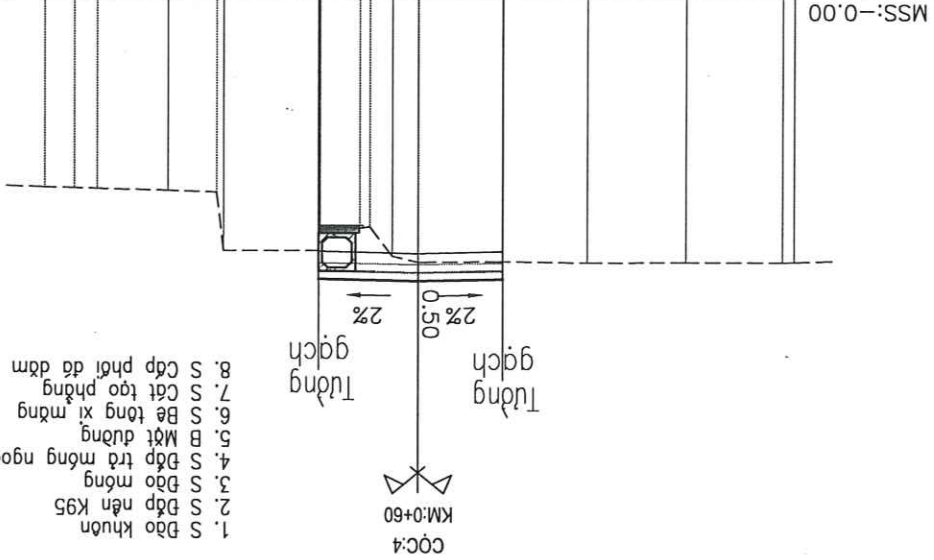
[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MẠO XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
						THIẾT KẾ	KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHIỆM DT		CHỦ TRÌ DT		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ	
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 8		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200		ĐỒ MINH BẬT	
(02/05)		LẦN XUẤT BẢN: 01					

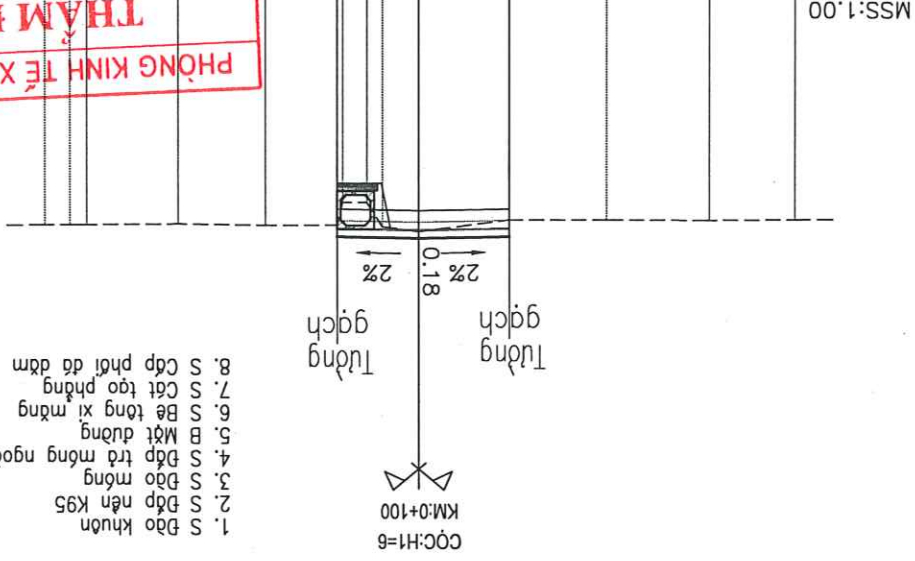
KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.53	6.83	2.34	7.40
2.05	6.81	2.47	7.45
2.12	6.80		7.40
1.97	6.87		
0.71	6.83		
1.63	6.92		
0.64	7.00		
0.97	6.99		
0.78	6.28		
2.55	6.23		
1.98	6.65		
1.93	5.13		
0.83	5.08		
0.83	5.03		



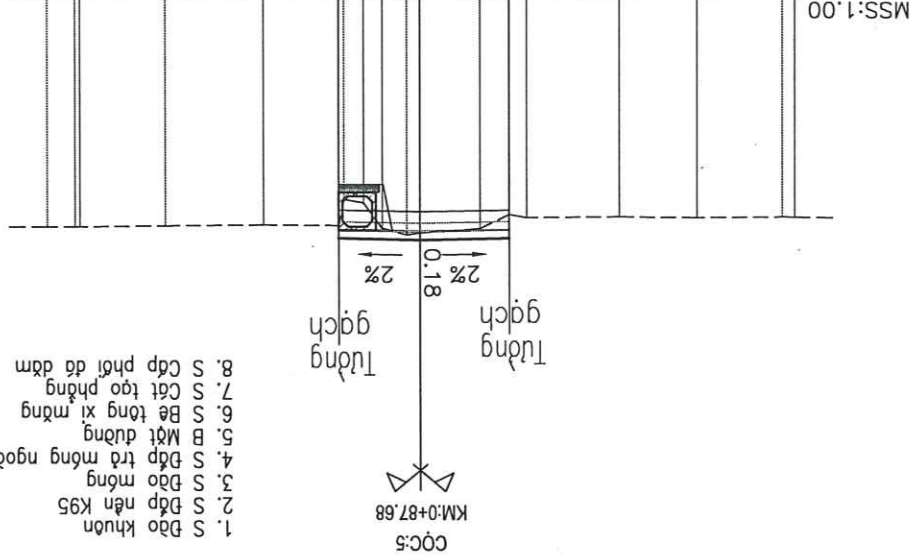
KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.56	6.95	2.23	7.42
2.64	6.96	2.23	7.46
2.26	6.97		
2.23	6.94		
0.69	6.96		
0.69	6.80		
1.06	6.04		
2.55	6.03		
1.31	6.66		
1.88	5.13		
0.62	5.09		
0.78	5.04		
0.78	5.02		



KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.27	6.92	2.40	7.37
2.73	6.93	2.18	7.42
2.60	6.93		
2.40	6.93		
0.96	7.24		
0.47	7.11		
0.65	6.47		
1.91	7.07		
2.34	7.07		
2.44	7.03		
0.46	7.04		
0.68	7.04		



KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.28	6.84	2.38	7.38
2.08	6.83	2.17	7.43
2.47	6.85		
0.79	6.77		
1.60	7.25		
0.56	7.39		
0.64	6.46		
2.02	6.38		
2.63	7.06		
2.29	7.04		
0.76	7.08		
0.76	7.08		



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

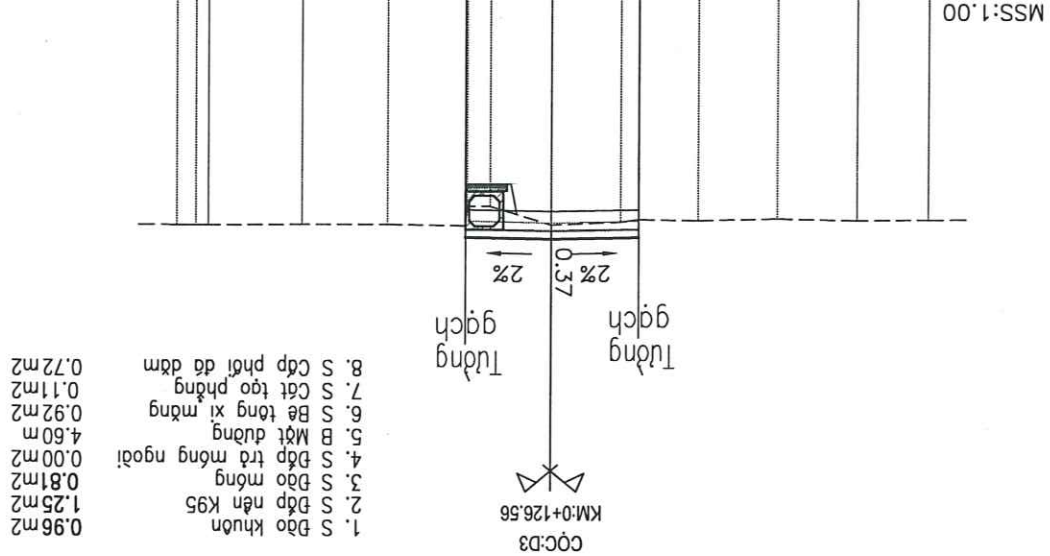
Theo Văn bản số: /

ngày tháng năm 20

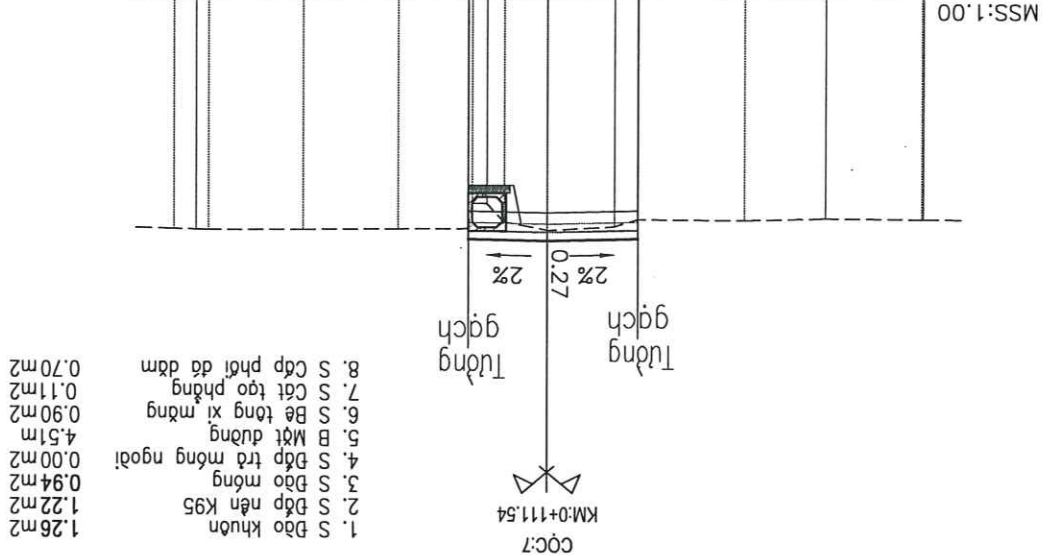
Ký tên:

CÔNG TY TNHH DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH DTK THÀNH DẠT	
		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MO XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI NỘI	
CHỦ NHIỆM TK	CHỦ TRỊ TK	THIẾT KẾ	KIỂM TRA
NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	NGUYỄN HỮU PHÚC	NGUYỄN VĂN VŨ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 8 (03/05)		BẢN VẼ SỐ:	
		TỶ LỆ: 1/200	
LÀN XUẤT BÀN: 01		ĐỒ MINH DẠT	

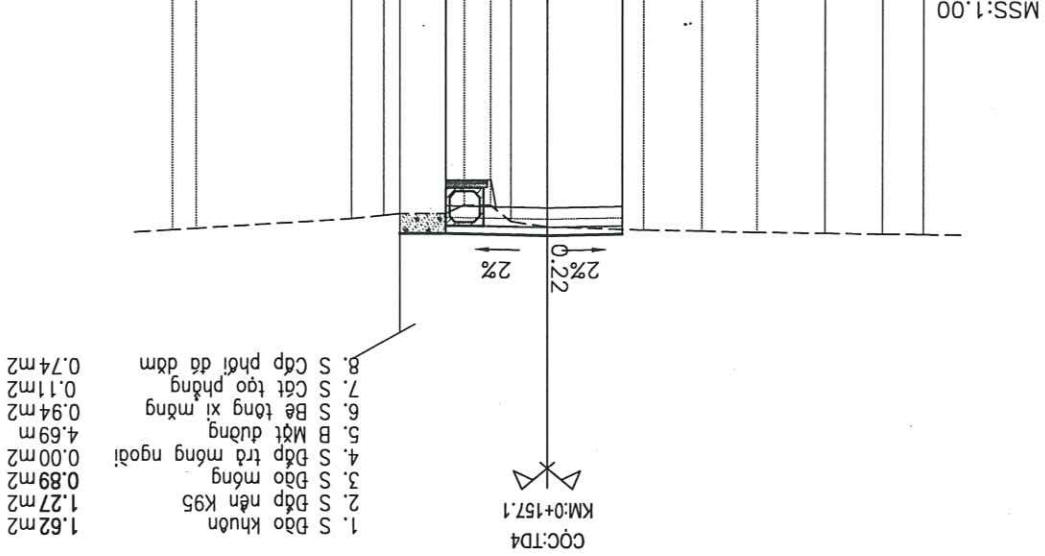
KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.89	6.87	2.31	7.35
2.11	6.89	2.28	7.39
2.11	6.85		7.35
1.58	6.90		
0.49	6.87		
1.82	6.94		
1.63	7.02		
0.81	6.53		
2.09	7.04		
2.29	7.01		
2.50	7.03		
0.34	7.03		
0.50	7.03		



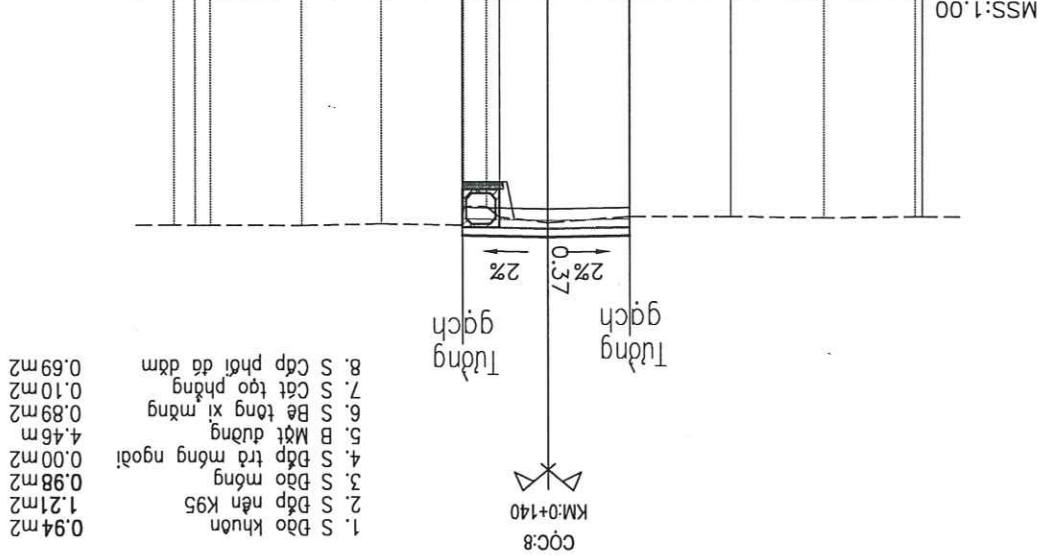
KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.55	6.85	2.40	7.36
2.17	6.83	2.11	7.41
2.84	6.88		7.37
0.63	6.86		
1.77	7.05		
1.16	7.14		
0.48	6.92		
0.18	6.44		
1.89	7.11		
2.54	7.13		
2.53	7.13		
0.35	7.13		
0.60	7.13		



KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
1.08	7.32	2	7.32
1.53	7.31		7.36
1.81	7.29		7.32
1.46	7.27		7.32
1.56	7.24		7.31
2.56	7.21		7.36
0.96	7.14		
0.54	6.99		
0.70	6.56		
0.49	6.56		
1.23	6.78		
0.44	6.78		
0.88	6.92		
4.12	7.17		
0.64	7.21		

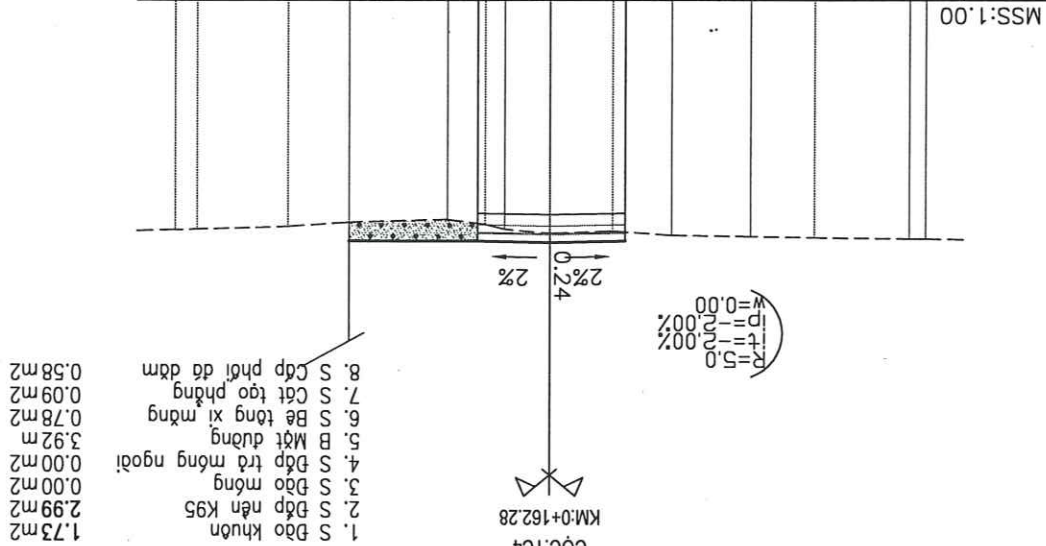


KHOẢNG CÁCH MIA	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIẾT KẾ
2.43	6.84	2.19	7.34
2.49	6.87	2.28	7.38
2.70	6.84		7.33
2.19	7.01		
1.27	6.86		
0.61	6.58		
0.51	6.58		
2.17	7.07		
2.16	7.04		
2.41	7.08		
0.41	7.07		
0.57	7.07		

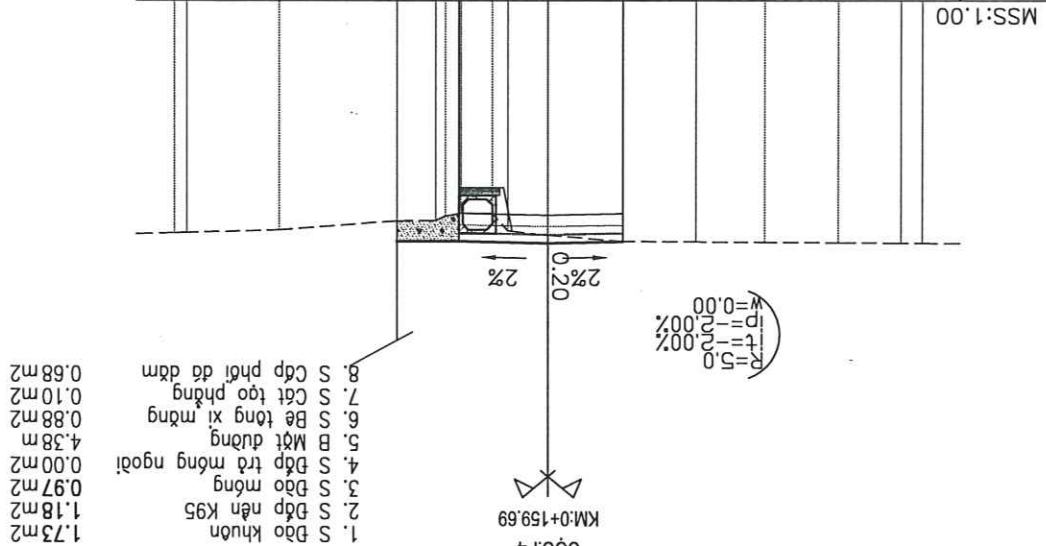


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MƠ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
TRÁC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 8		(04/05)		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	

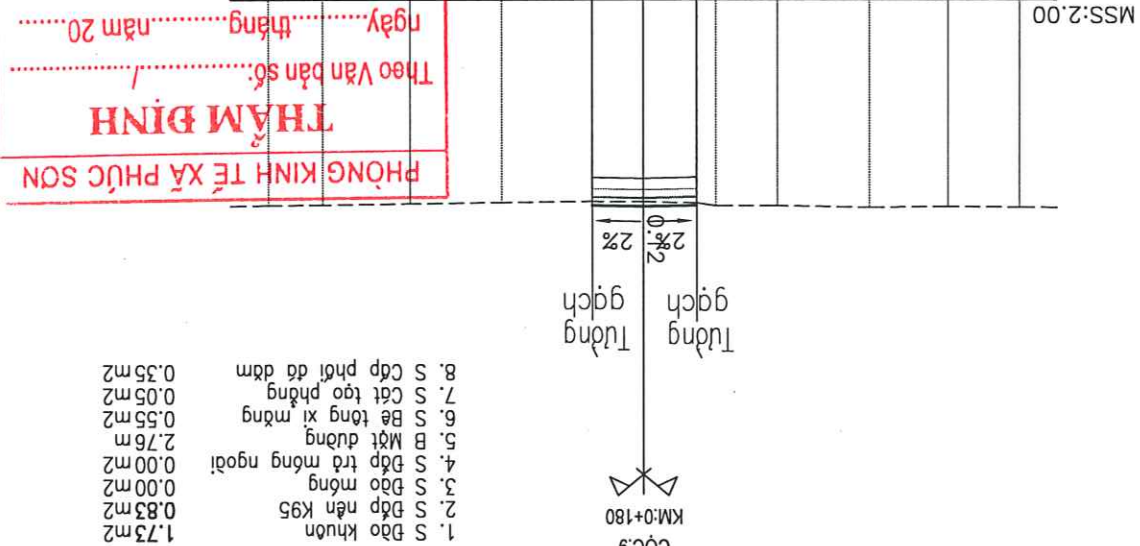
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.33	2	7.28	0.44
7.37	1.92	7.27	2.52
7.33		7.24	1.71
		7.21	2.10
		7.18	1.57
		7.13	1.67
		7.02	1.20
		6.89	0.32
		6.76	1.01
		6.84	2.60
		6.95	1.63
		7.02	2.44
		7.04	0.59



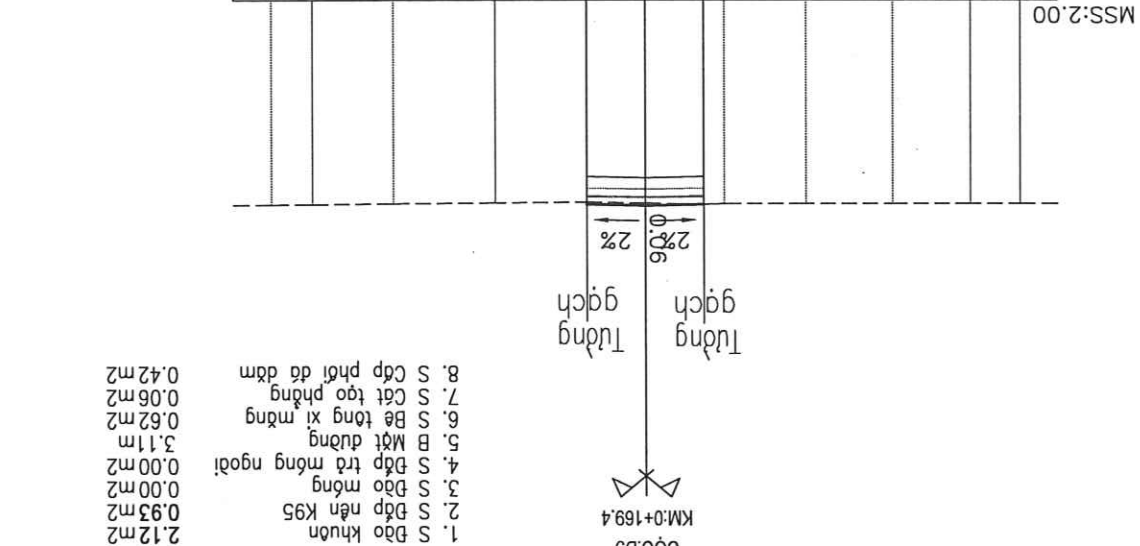
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.32	2.00	7.35	0.57
7.36	2.38	7.35	1.68
7.31		7.34	1.95
		7.32	1.85
		7.31	1.95
		7.16	2.00
		7.04	1.07
		6.58	0.42
		6.48	0.42
		6.48	1.03
		7.02	3.15
		7.09	2.49
		7.10	0.33



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.40	1.42	7.42	0.50
7.43	1.34	7.34	1.64
7.41		7.31	1.42
		7.30	1.34
		7.33	2.43
		7.36	2.44
		7.39	2.32
		7.40	1.46
		7.44	
		7.46	
		2.08	
		2.46	
		1.64	
		0.50	



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.36	1.56	7.34	0.54
7.39		7.36	1.56
7.36		7.33	1.56
		7.30	2.46
		7.32	2.72
		7.34	2.16
		7.36	1.09
		7.37	
		7.34	
		2.08	
		2.30	
		2.20	
		1.56	
		0.54	



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG NỀN, MẶT ĐƯỜNG - TUYẾN 8
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BÌ ĐỚI MỎ XÃ PHƯỚC SƠN

Tên cọc	KC lè	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI										KHỐI LƯỢNG					
		m	m2	m2	m	m2	m2	m2	m2	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3	m3
			2,37	1,26	1,83	-	4,66	0,93	0,11	0,73							
D1			10,95	0,55	1,20	0,42	4,46	0,89	0,10	0,69	15,99	13,47	12,32	49,93	9,96	1,15	7,77
			13,55						0,11	0,75	9,35	16,87	5,28	-	1,42		9,76
2			15,50	0,83	1,29	0,36	4,76	0,95			13,10	20,69	4,26	-	1,78		11,94
3			20,00	0,86	1,38	0,19	4,95	0,99	0,12	0,79	15,10	29,70	2,80	-	2,40		15,70
4			14,15	0,65	1,59	0,09	4,90	0,98	0,12	0,78	10,33	20,52	3,54	-	1,63		10,90
D2			13,53	0,81	1,31	0,41	4,81	0,96	0,11	0,76	15,49	17,18	8,93	-	1,49		9,94
5			12,32	1,48	1,23	0,91	4,55	0,91	0,11	0,71	17,80	15,22	11,09	-	1,36		8,81
H1=6			11,54	1,41	1,24	0,89	4,58	0,92	0,11	0,72	15,41	14,19	10,56	-	1,27		8,19
7			15,02	1,26	1,22	0,94	4,51	0,90	0,11	0,70	16,67	18,55	13,14	-	1,65		10,66
D3			13,44	0,96	1,25	0,81	4,60	0,92	0,11	0,72	12,77	16,53	12,03	-			9,48
8			17,10	0,94	1,21	0,98	4,46	0,89	0,10	0,69	21,89	21,20	15,99	-	1,80		12,23
TD4			2,59	1,62	1,27	0,89	4,69	0,94	0,11	0,74	4,34	3,17	2,41	-	0,27		1,84
P4			2,59	1,73	1,18	0,97	4,38	0,88	0,10	0,68	4,48	5,40	1,26	-	0,25		1,63
TC4			7,12	1,73	2,99	-	3,92	0,78	0,09	0,58	13,71	13,96	-	-	0,53		3,56
D5			10,60	2,12	0,93	-	3,11	0,62	0,06	0,42	20,41	9,33	-	-	0,58		4,08
9			10,46	1,73	0,83	-	2,76	0,55	0,05	0,35	18,67	8,63	-	-	0,52		3,61
CT2			10,46	1,84	0,82	-	2,72	0,54	0,05	0,34	225,49	244,61	103,60	-	19,51		130,09

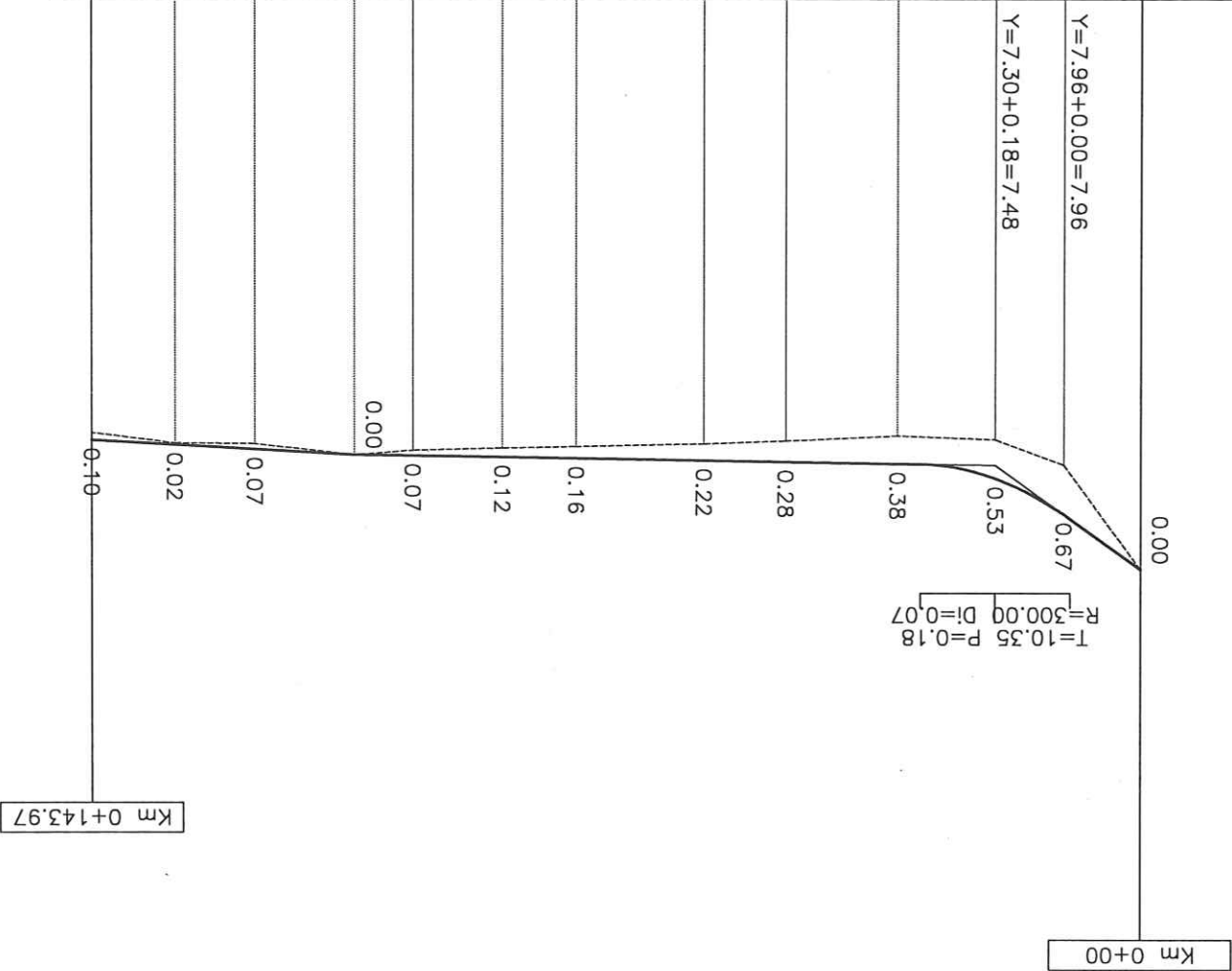
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:.....



BÌNH ĐỒ-TRẠC DỒC-TRẠC NGANG TUYỂN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRÌ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẤT	
TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 9		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	
		LẦN XUẤT BẢN: 01			

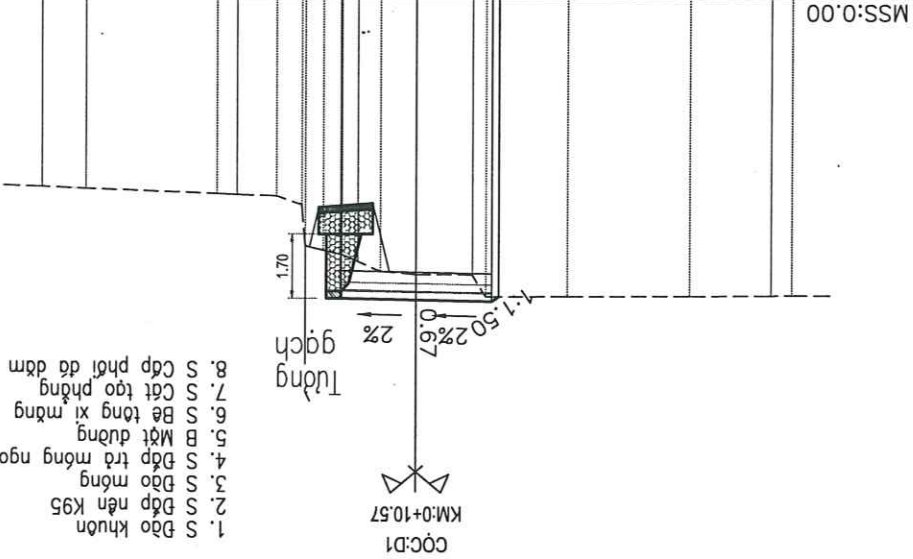
D. THĂNG, B. CONG												
17d15'0"												
7d58'6"												
6d54'29d26'4"												
15d33'6'5413d45'26"												
TÊN CỌC												
D1												
2												
3												
4												
D2												
D3												
D4												
H1=5												
D5												
D6												
6												
CT3												
CỰ LY CÔNG DỒN												
0.00												
10.57												
20.00												
33.50												
48.85												
60.00												
77.53												
87.65												
100.00												
107.98												
121.58												
132.59												
143.97												
CỰ LY LỀ												
10.57												
9.43												
13.50												
15.35												
11.15												
17.53												
10.12												
12.35												
7.98												
13.60												
11.01												
11.38												
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN												
8.71												
7.29												
6.95												
6.90												
6.97												
7.01												
7.05												
7.07												
7.10												
7.16												
7.01												
7.00												
6.86												
CAO ĐỘ THIẾT KẾ												
8.71												
7.96												
7.48												
7.28												
7.25												
7.23												
7.21												
7.19												
7.17												
7.16												
7.08												
7.02												
6.96												
DỐC DỤC THIẾT KẾ												
20.00												
7.07%												
87.98												
0.16%												
35.99												
0.56%												
ĐỊA CHẤT												



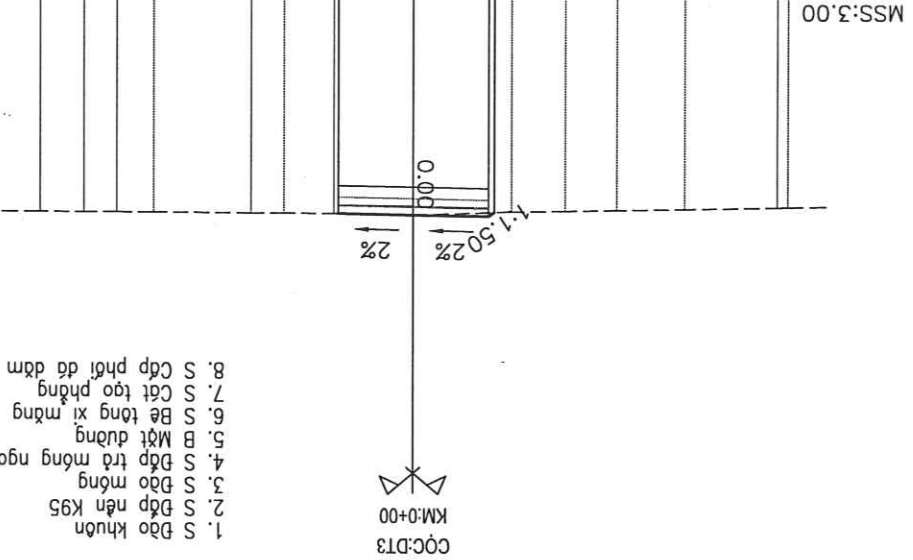
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /
ngày... tháng... năm 20...
Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MƠ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 9		(01/04)		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
				LẦN XUẤT BẢN: 01			

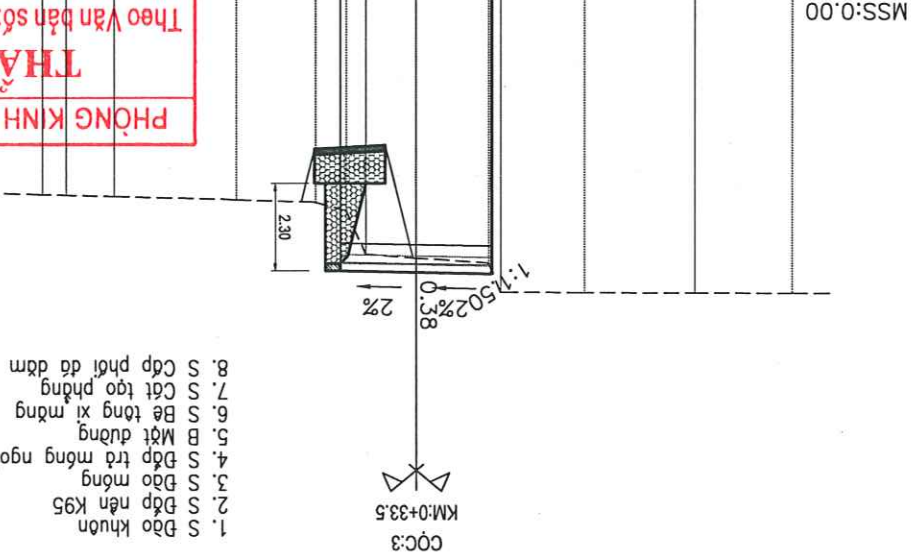
CAO DỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO DỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.85	7.85	7.85	0.56
7.86	7.86	7.86	2.17
7.87	7.87	7.87	3.26
7.88	7.88	7.88	2.17
7.30	7.30	7.30	0.35
7.29	7.29	7.29	0.96
7.21	7.21	7.21	0.60
6.95	6.95	6.95	0.41
6.65	6.65	6.65	0.50
6.53	6.53	6.53	0.48
5.19	5.19	5.19	0.67
5.17	5.17	5.17	1.04
5.03	5.03	5.03	0.52
4.98	4.98	4.98	3.51
			1.19



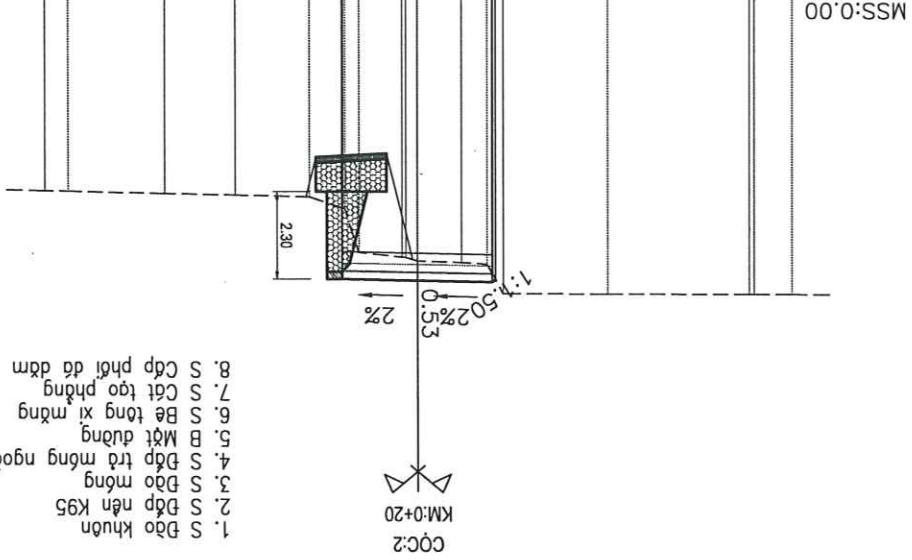
CAO DỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO DỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.51	8.51	8.51	0.29
8.52	8.52	8.52	2.47
8.56	8.56	8.56	1.81
8.59	8.59	8.59	1.39
8.61	8.61	8.61	1.43
8.63	8.63	8.63	2.61
8.67	8.67	8.67	2.13
8.66	8.66	8.66	1.35
8.66	8.66	8.66	0.87
8.64	8.64	8.64	2.58
8.63	8.63	8.63	1.00
8.63	8.63	8.63	0.88
8.62	8.62	8.62	1.19



CAO DỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO DỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.83	7.83	7.83	0.32
7.82	7.82	7.82	2.92
7.81	7.81	7.81	2.23
7.80	7.80	7.80	0.32
7.03	7.03	7.03	1.93
6.90	6.90	6.90	1.32
6.80	6.80	6.80	0.52
5.65	5.65	5.65	0.82
5.45	5.45	5.45	0.90
5.42	5.42	5.42	2.13
5.36	5.36	5.36	3.25
5.28	5.28	5.28	1.31
5.24	5.24	5.24	0.64
5.23	5.23	5.23	



CAO DỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO DỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.84	7.84	7.84	1.00
7.84	7.84	7.84	3.78
7.83	7.83	7.83	2.78
7.82	7.82	7.82	0.48
7.32	7.32	7.32	0.70
6.95	6.95	6.95	1.17
6.85	6.85	6.85	0.40
6.73	6.73	6.73	1.14
5.59	5.59	5.59	0.90
5.22	5.22	5.22	2.01
5.18	5.18	5.18	1.87
5.10	5.10	5.10	2.61
			0.63



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

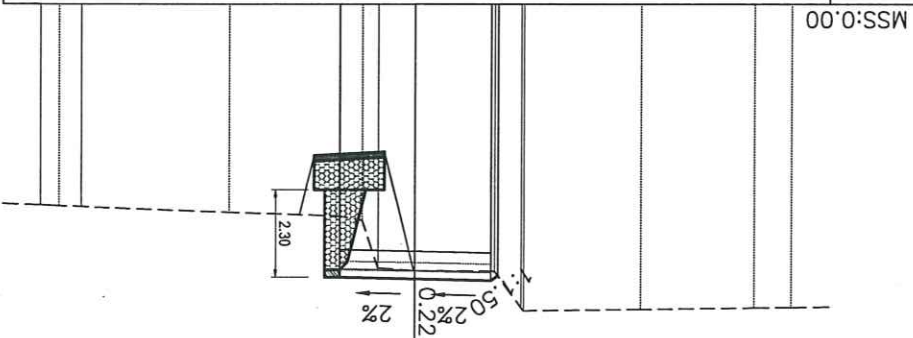
Theo Văn bản số: /

ngày: tháng năm 20

Ký tên:

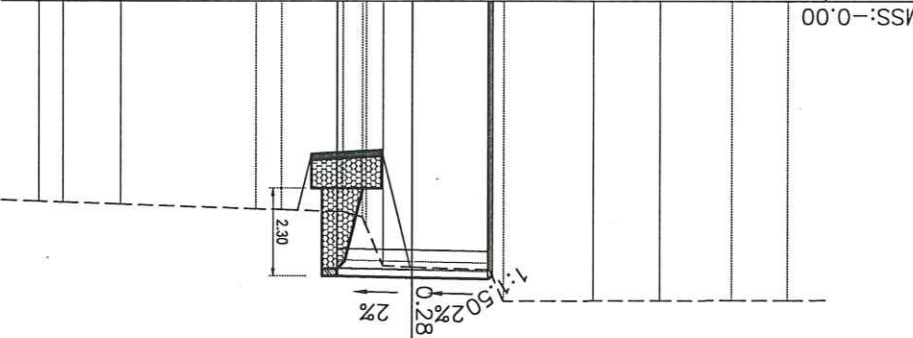
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT						
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỜI MÔ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC			TỶ LỆ: 1/200
								CHỦ TRÌ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC			
TRẮC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 9		(02/04)		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01						

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.19	2	7.98	0.99
7.23	2	7.99	3.00
7.15	2	8.03	3.14
7.27	2	8.07	0.01
7.19	2	7.01	2.10
		6.95	0.99
		5.38	0.01
		5.34	0.60
		5.32	3.94
		5.30	0.50



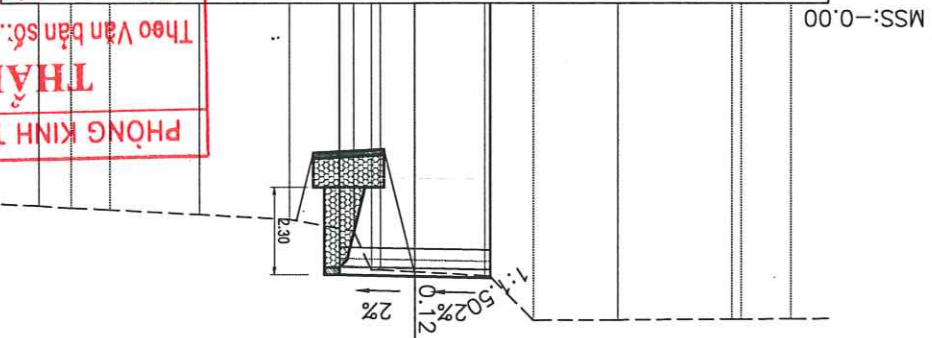
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trả móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối đá dăm

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.21	2	7.85	1.48
7.25	2	7.86	1.92
7.29	2	7.86	1.79
7.21	2	7.87	2.40
7.25	2	7.04	0.02
7.21	2	6.97	0.78
		6.93	0.48
		5.90	0.48
		5.47	1.66
		5.28	3.60
		5.26	1.55



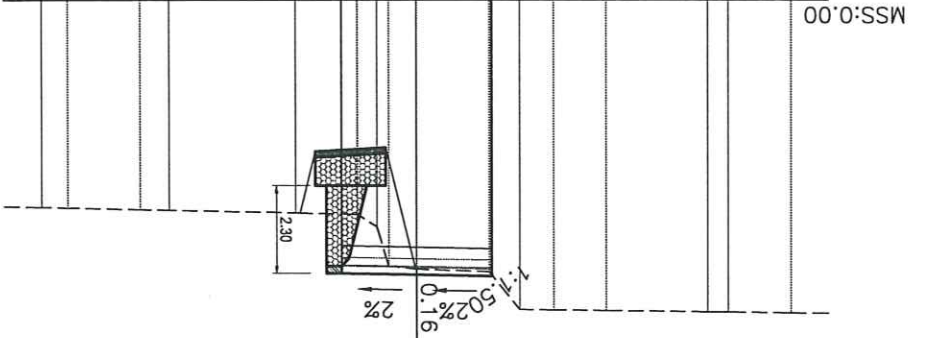
- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trả móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối đá dăm

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.15	2	8.31	1.32
7.19	2	8.32	0.25
7.23	2	8.32	3.02
7.15	2	8.34	2.25
7.19	2	8.35	1.17
7.23	2	7.19	0.14
7.15	2	7.18	1.85
7.19	2	7.07	0.92
7.15	2	7.03	0.46
7.15	2	5.69	1.71
7.15	2	5.56	2.40
7.15	2	5.44	2.38
7.15	2	5.39	1.02
7.15	2	5.34	0.87



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trả móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối đá dăm

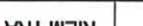
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
7.17	2	8.21	1.68
7.21	2	8.19	0.54
7.23	2	8.18	2.70
7.23	2	8.13	1.42
7.23	2	8.12	0.91
7.21	2	7.12	0.82
7.21	2	7.05	1.94
7.17	2	6.97	0.74
7.17	2	5.94	0.21
7.17	2	5.62	0.66
7.17	2	5.58	3.37
7.17	2	5.51	0.77
7.17	2	5.49	1.92
7.17	2	5.43	0.70



- 1. S Đào khuôn
- 2. S Đắp nền K95
- 3. S Đắp móng
- 4. S Đắp trả móng ngoài
- 5. B Mặt đường
- 6. S Bê tông xi măng
- 7. S Cốt tạo phẳng
- 8. S Cáp phối đá dăm

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
 Theo Văn bản số: /
 ngày.....tháng.....năm 20.....
 Ký tên:

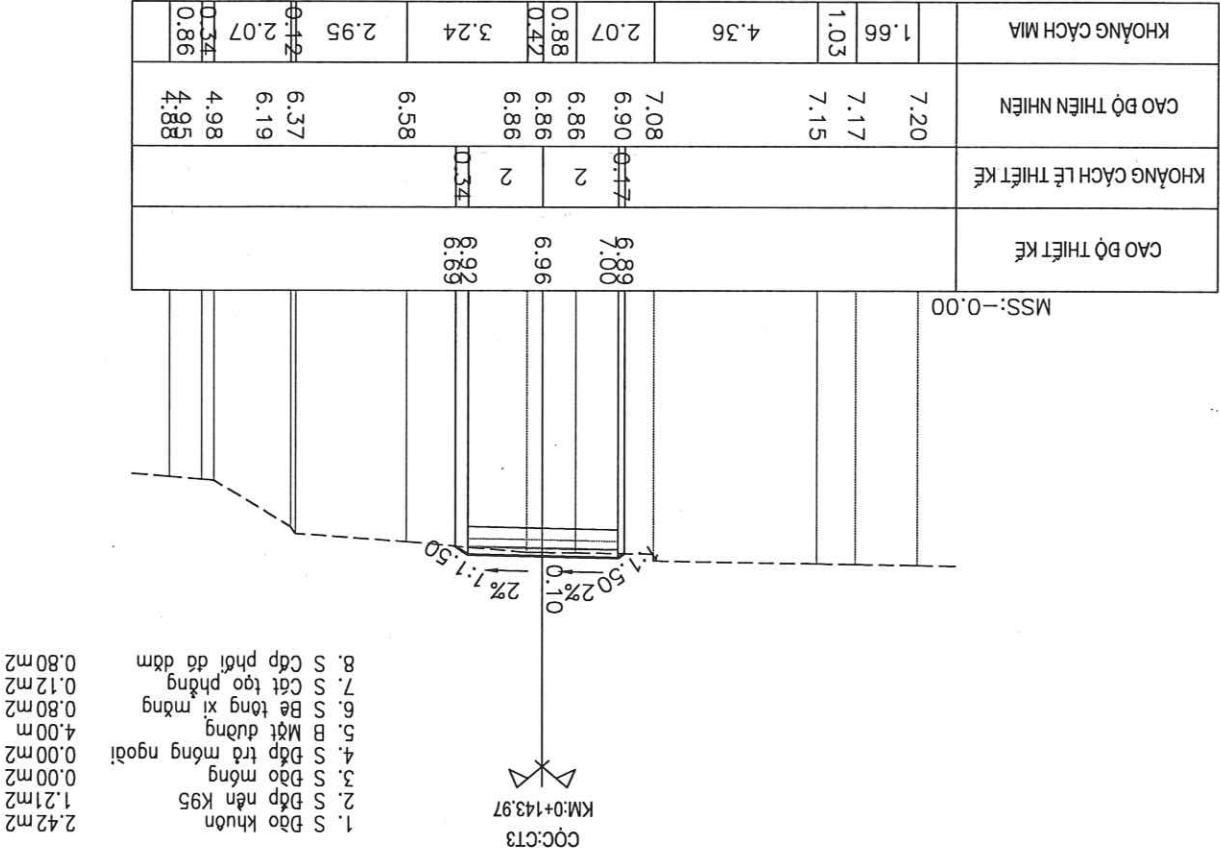


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẠO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
							
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 9		(04/04)		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
LẦN XUẤT BẢN: 01							

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI ĐI ĐỘI MÔ XÁ PHỤC SƠN

Tên cọc	KC iê	DIỆN TÍCH, CHIỀU DÀI								KHỐI LƯỢNG							
		m	m2	m2	m	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m2	m3	m3	m3		
DT3		2,82	1,21	-	4,00	0,80	0,12	0,80	m2	16,49	13,11	1,22	42,28	8,46	1,27	8,30	
D1		0,30	1,94	2,48	0,23	0,80	0,12	0,77	0,77	23,67	33,76	2,07	37,72	7,54	1,13	7,26	
2		0,49	3,08	4,68	0,21	0,80	0,12	0,77	0,77	9,05	41,58	66,96	4,12	54,00	10,80	10,40	
3		0,85	3,08	5,24	0,40	0,80	0,12	0,77	0,77	13,97	47,28	76,83	6,52	61,40	12,28	11,82	
D2		0,97	3,08	4,77	0,45	0,80	0,12	0,77	0,77	11,21	34,34	55,25	5,30	44,60	8,92	8,59	
4		1,04	3,08	5,14	0,50	0,80	0,12	0,77	0,77	19,90	53,99	88,88	9,20	70,12	14,02	13,50	
D3		1,23	3,08	5,00	0,55	0,80	0,12	0,77	0,77	13,00	31,17	56,27	6,33	40,48	8,10	7,79	
D4		1,34	3,08	6,12	0,70	0,80	0,12	0,77	0,77	17,10	38,04	76,88	8,27	49,40	9,88	9,51	
H1=5		1,43	3,08	6,33	0,64	0,80	0,12	0,77	0,77	11,73	24,58	53,23	5,39	31,92	6,38	6,14	
D5		1,51	3,08	7,01	0,71	0,80	0,12	0,77	0,77	19,38	41,89	85,20	7,41	54,40	10,88	10,47	
D6		1,34	3,08	5,52	0,38	0,80	0,12	0,77	0,77	15,30	33,91	57,97	4,02	44,04	8,81	8,48	
6		1,44	3,08	5,01	0,35	0,80	0,12	0,77	0,77	21,96	24,41	28,51	1,99	45,52	9,10	8,93	
CT3		2,42	1,21	-	4,00	0,80	0,12	0,80	0,80	21,96	24,41	28,51	1,99	45,52	9,10	11,19	

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI SỐ 1

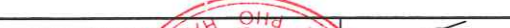
THẨM ĐỊNH

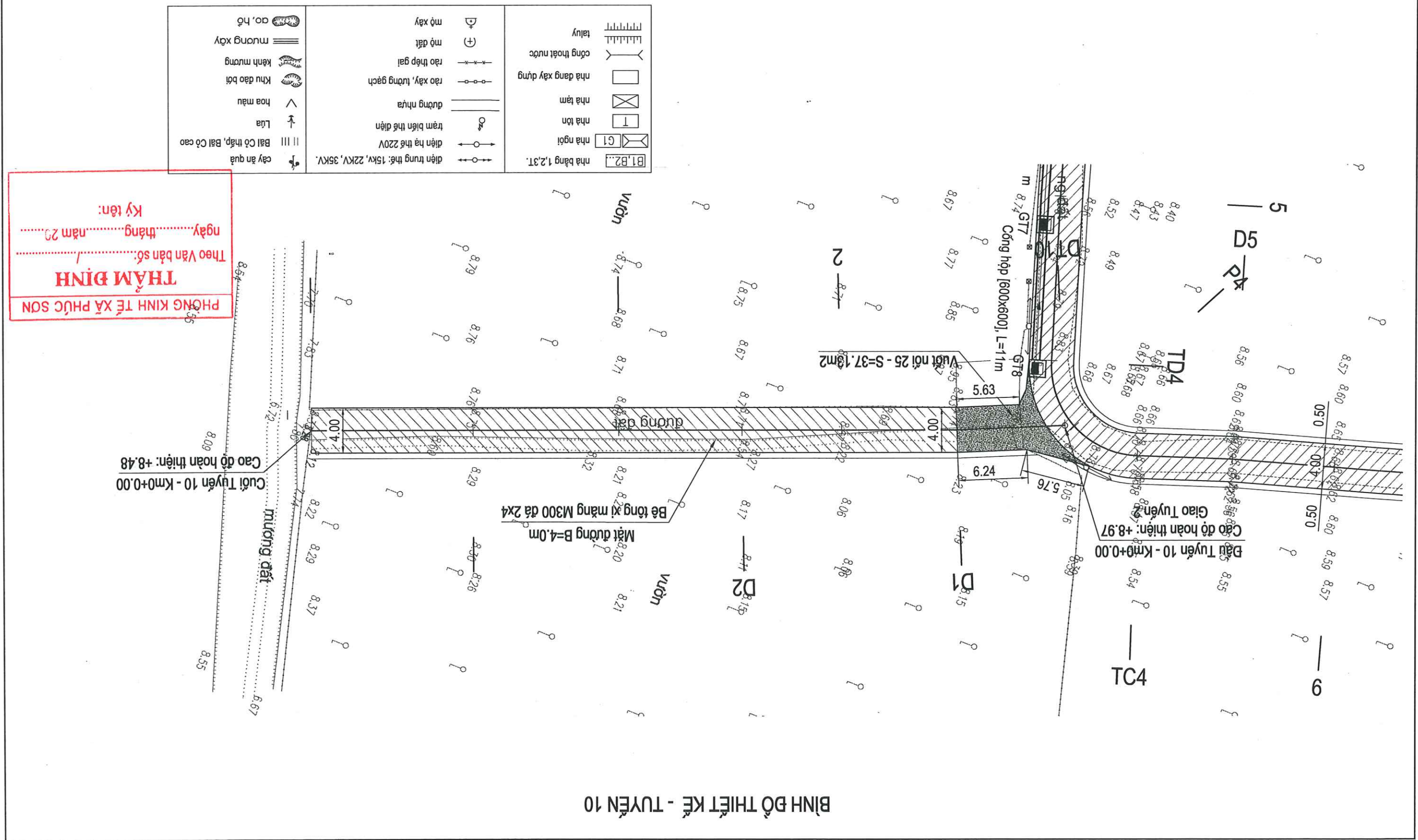
Theo Văn bản số: /
ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:



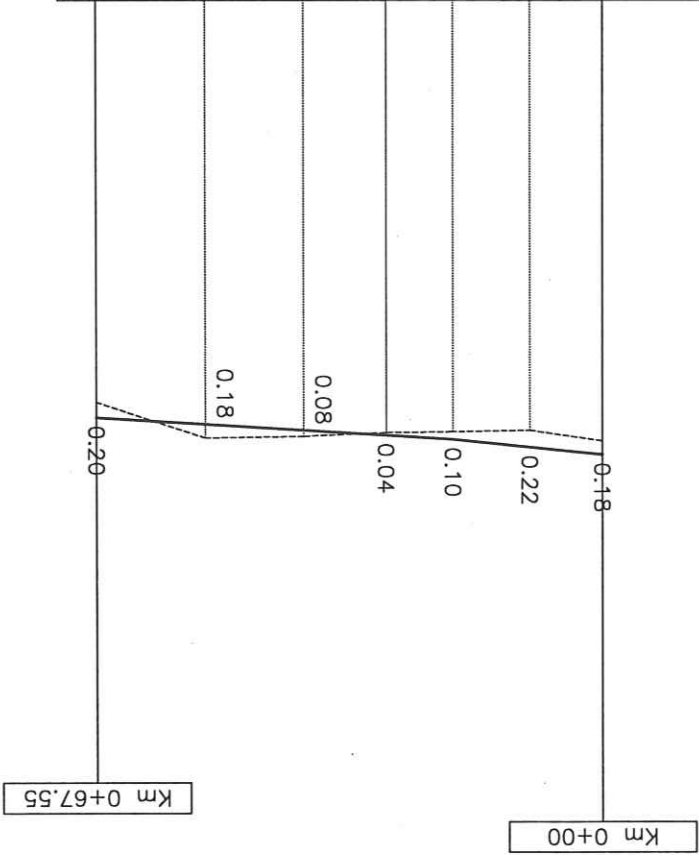
BÌNH ĐỘ-TRẠC DỐC-TRẠC NGANG TUYỂN 10

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH DẠT		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT			
				CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MỎ XÃ PHÚC SƠN ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRẠI TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
							
BÌNH DỒ THIẾT KẾ - TUYẾN 10		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01		TỶ LỆ: 1/500	



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỔI MÔ XÃ PHÚC SƠN		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRỊ TK	NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC
KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ				
TRẮC DỤC THIẾT KẾ - TUYẾN 10		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/1000;1/100	
		LẦN XUẤT BẢN: 01			

ĐỊA CHẤT									
DỐC DỤC THIẾT KẾ	CAO DỘ THIẾT KẾ	8.97	8.87	8.77	8.72	8.65	8.68	8.73	8.75
	CAO DỘ TỰ NHIÊN	8.79	8.65	8.67	8.96	11.04	13.08	14.47	67.55
CỰ LY LỀ		9.72	10.28	8.96	11.04	13.08	14.47	67.55	
CỰ LY CỘNG DỒN		0.00	9.72	20.00	26.96	40.00	53.08	67.55	
TÊN CỌC		DT4	D1	2	D2	3	4	CT4	
Đ. THĂNG, Đ. CONG		1d15'33" 1d18'6"							



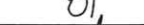
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày...tháng...năm 20

Ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN GIÁM ĐỐC ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐOI MỎ XÃ PHÚC SƠN		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	CHỦ TRƯỞNG	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
							
							
TRẠC NGANG THIẾT KẾ - TUYẾN 10		(01/02)		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/200	
				LẦN XUẤT BẢN: 01			

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

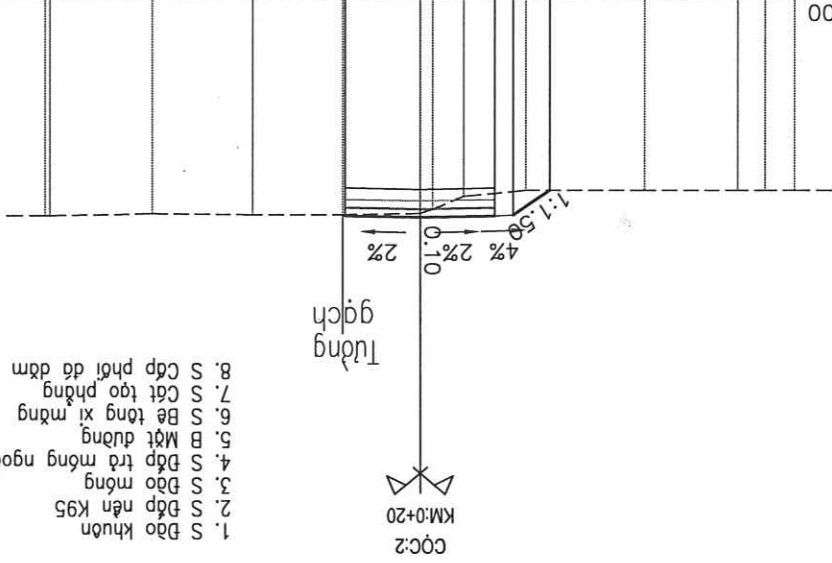
Theo Văn bản số:/.....

ngày tháng năm 20.....

Ký tên:

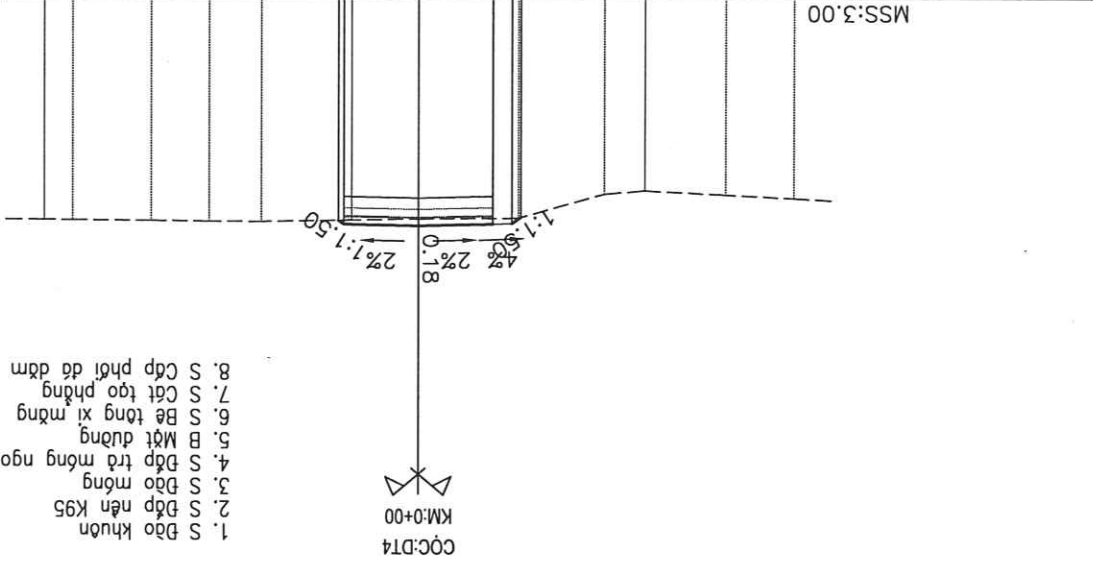
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trổ móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bề tầng xi măng
 - S Cát tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 2.46 m²
- 1.58 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 4.00 m
- 0.80 m²
- 0.80 m²
- 0.12 m²
- 0.80 m²

0.79	0.73	2.49	3.14	1.68	0.83	2.07	2.38	2.69	0.00	0.73
8.06	8.06	8.06	8.06	8.06	8.22	8.56	8.70	8.70	8.67	8.72
0.90	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
8.06	8.06	8.06	8.06	8.06	8.22	8.56	8.70	8.70	8.67	8.72



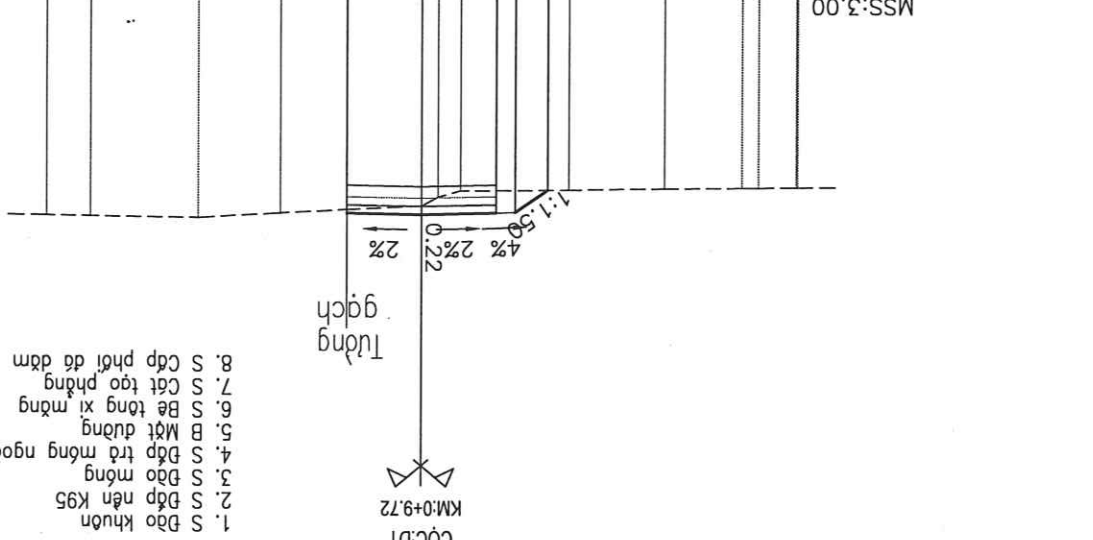
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trổ móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bề tầng xi măng
 - S Cát tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 2.30 m²
- 1.29 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 4.00 m
- 0.80 m²
- 0.80 m²
- 0.12 m²
- 0.80 m²

0.77	2.09	1.56	1.38	2.41	1.80	2.67	2.27	1.08	2.16	1.82
8.81	8.83	8.85	8.86	8.86	8.79	8.77	8.77	8.05	8.16	8.26
0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
8.81	8.83	8.85	8.86	8.86	8.79	8.77	8.77	8.05	8.16	8.26



- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trổ móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bề tầng xi măng
 - S Cát tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 1.57 m²
- 1.74 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 4.00 m
- 0.80 m²
- 0.80 m²
- 0.12 m²
- 0.80 m²

0.61	0.44	2.00	1.77	2.18	2.86	1.18
8.25	8.41	8.65	8.74	8.83	8.90	8.88
0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
8.25	8.41	8.65	8.74	8.83	8.90	8.88



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

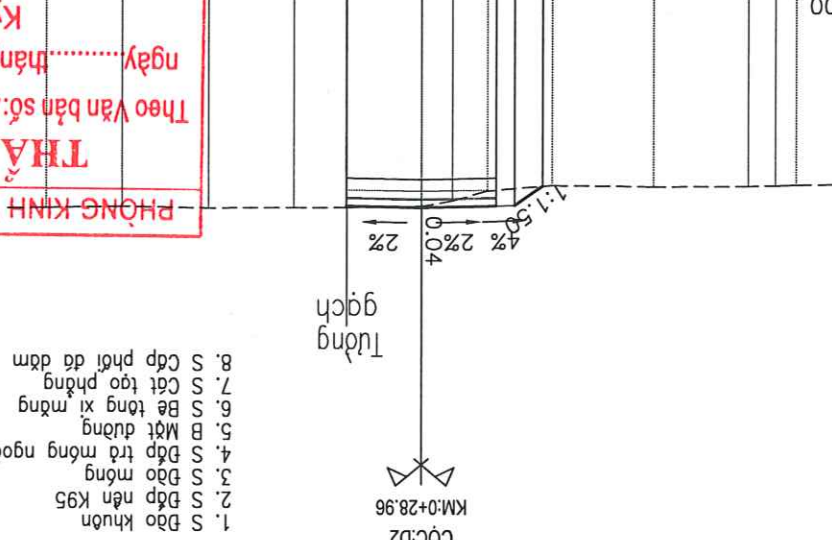
Theo Văn bản số:/.....

ngày tháng năm 20.....

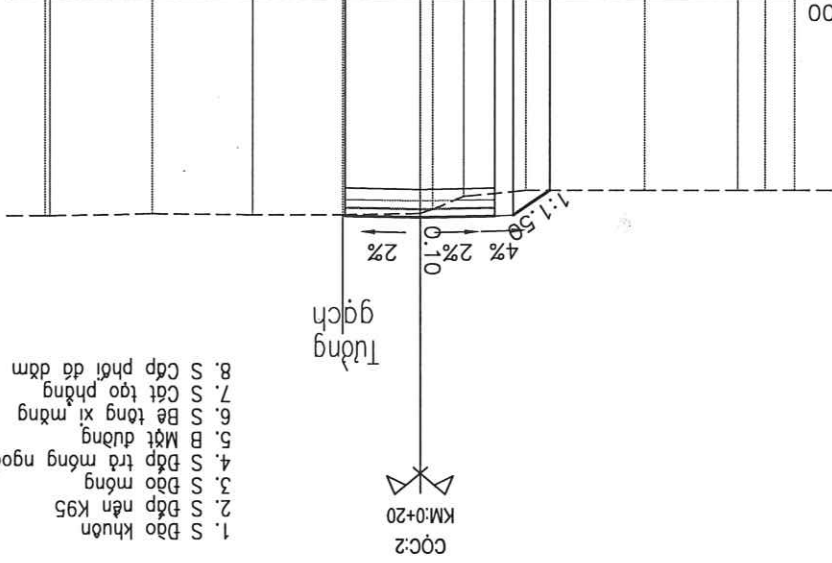
Ký tên:

- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trổ móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bề tầng xi măng
 - S Cát tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 1.57 m²
- 1.74 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 4.00 m
- 0.80 m²
- 0.80 m²
- 0.12 m²
- 0.80 m²

0.56	0.72	2.53	2.69	1.73	0.94	0.82	2.00	1.40	2.27	2.31	2.02
8.13	8.14	8.16	8.17	8.14	8.27	8.54	8.68	8.71	8.72	8.67	8.70
0.74	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
8.13	8.14	8.16	8.17	8.14	8.27	8.54	8.68	8.71	8.72	8.67	8.70



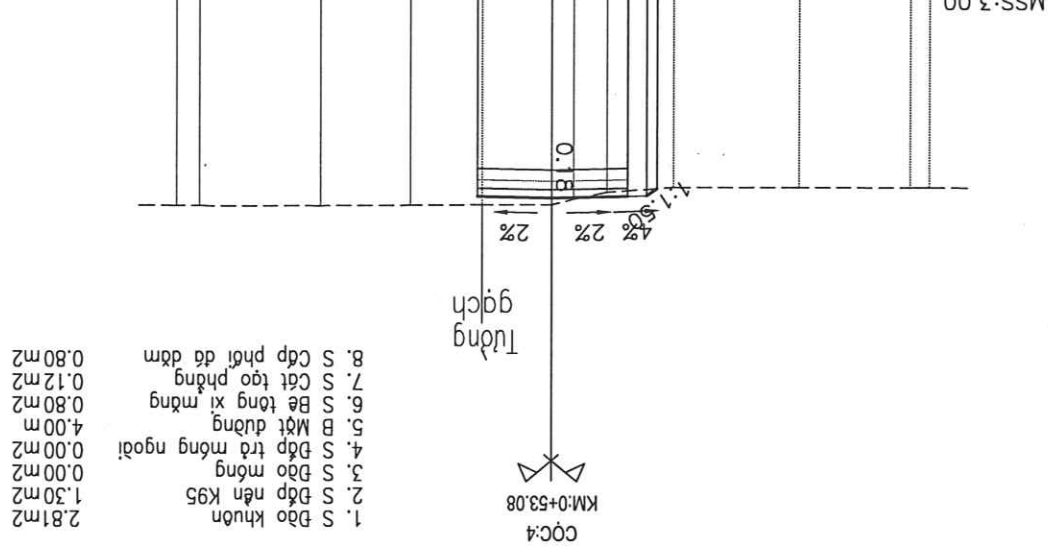
0.79	0.73	2.49	3.14	1.68	0.83	2.07	2.38	2.69	0.00	0.73
8.06	8.06	8.06	8.06	8.06	8.22	8.56	8.70	8.70	8.67	8.72
0.90	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
8.06	8.06	8.06	8.06	8.06	8.22	8.56	8.70	8.70	8.67	8.72



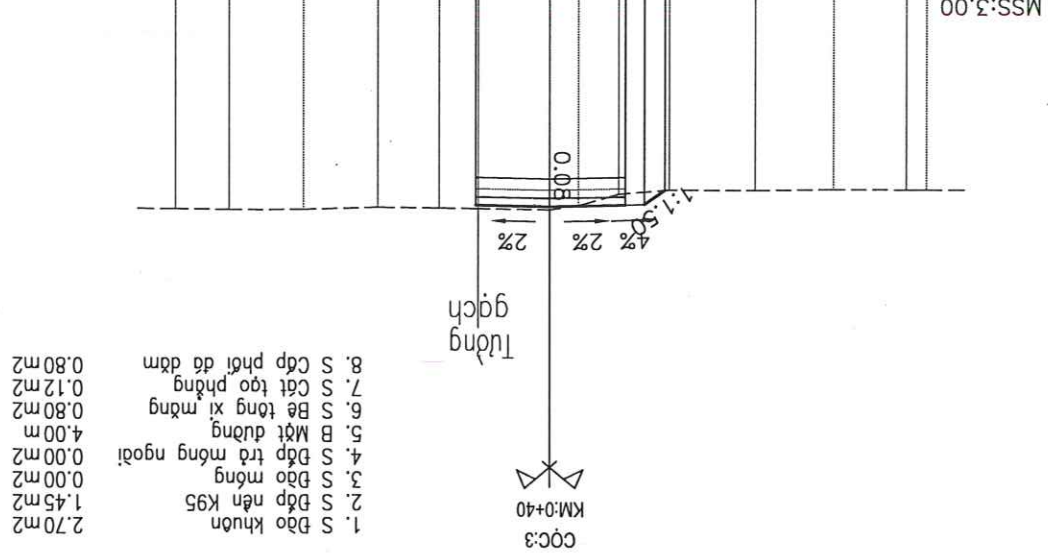
- S Đào khuôn
 - S Đắp nền K95
 - S Đắp móng
 - S Đắp trổ móng ngoài
 - S B Mặt đường
 - S Bề tầng xi măng
 - S Cát tạo phẳng
 - S Cáp phối đá dăm
- 1.97 m²
- 1.81 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 0.00 m²
- 4.00 m
- 0.80 m²
- 0.80 m²
- 0.12 m²
- 0.80 m²

[illegible]

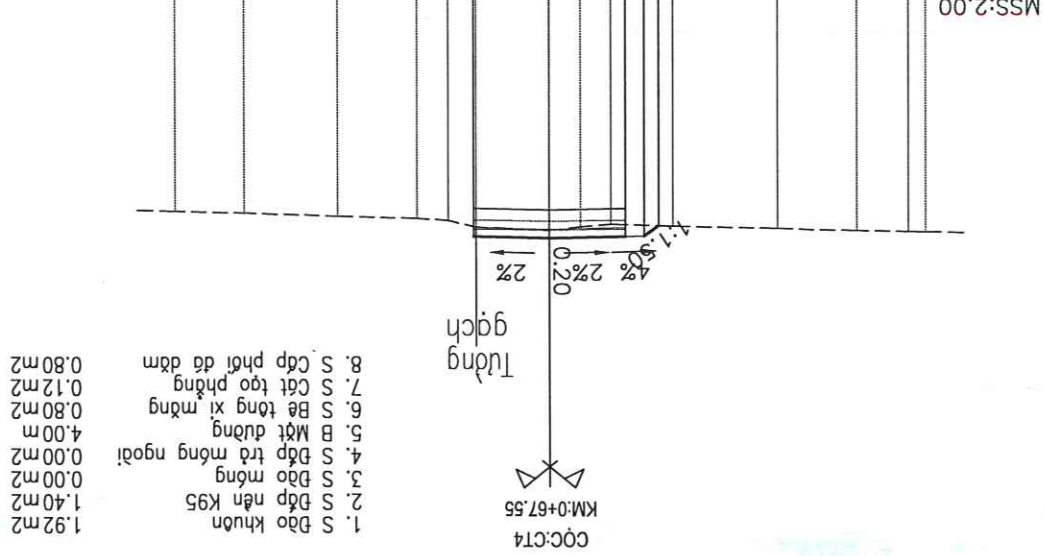
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.32 8.33	0.28 0.58	8.29	0.51 2.95
8.57	2	8.42 8.60 8.75	3.33
8.53	2	8.75	1.76 0.88 0.58
		8.76	1.88
		8.77	1.93
			2.36
			3.22
		8.76 8.75	0.61



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	KHOẢNG CÁCH MIA
8.22 8.59 8.61	2	8.20	0.54
		8.20	1.93
		8.19	2.09
		8.22	2.29
		8.21	1.33
		8.32	1.08
		8.62	0.75
		8.73	1.95
		8.70	1.06
		8.68	1.61
8.61	2	8.66	1.97
		8.71	1.99
		8.70	1.42
		8.69	



0.47	8.29		8.16
1.37	8.28	0.39	8.42
2.11	8.26	0.30	8.44
	8.22	2	8.48
2.78	8.17	2	8.44
1.65	8.12	0.30	8.44
0.80	8.19	2	8.48
0.82	8.28		
1.94	8.20	2	8.44
0.74	8.02		
0.84	7.97		
2.13	7.91		
2.50	7.83		
1.85	7.78		



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:

CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI ĐỘI MÔ XÁ PHỤC SƠN



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHỤC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

CÁC BÀN VỀ THIẾT KẾ CÔNG THOÁT NƯỚC

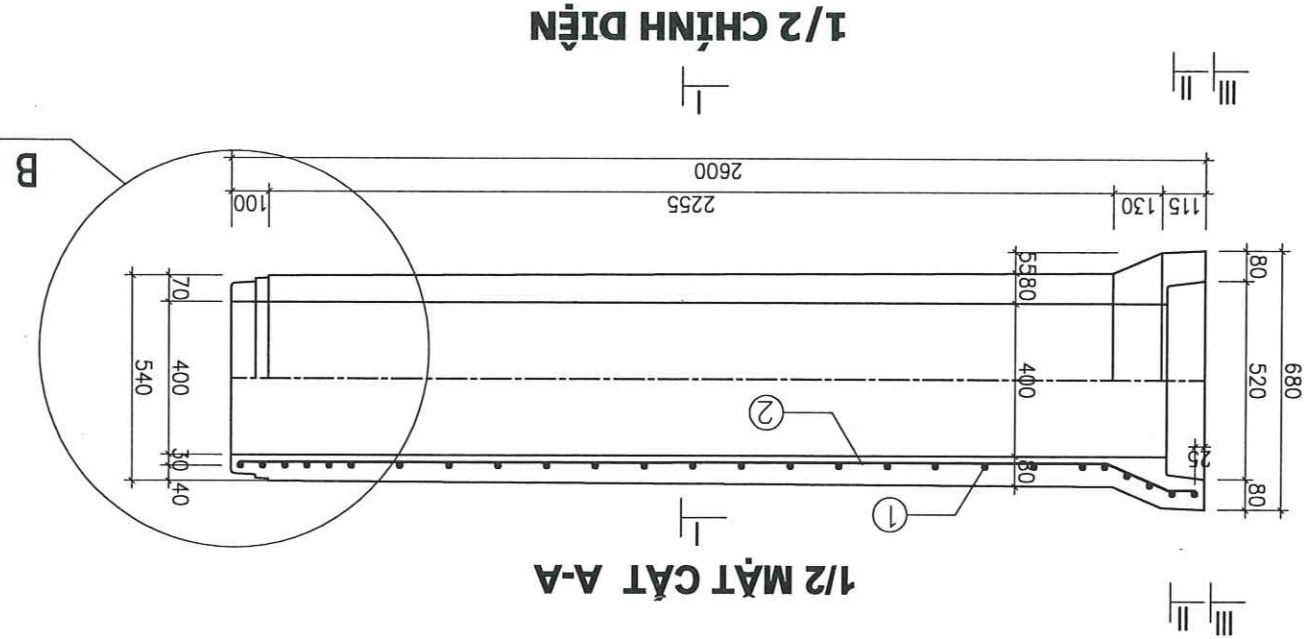
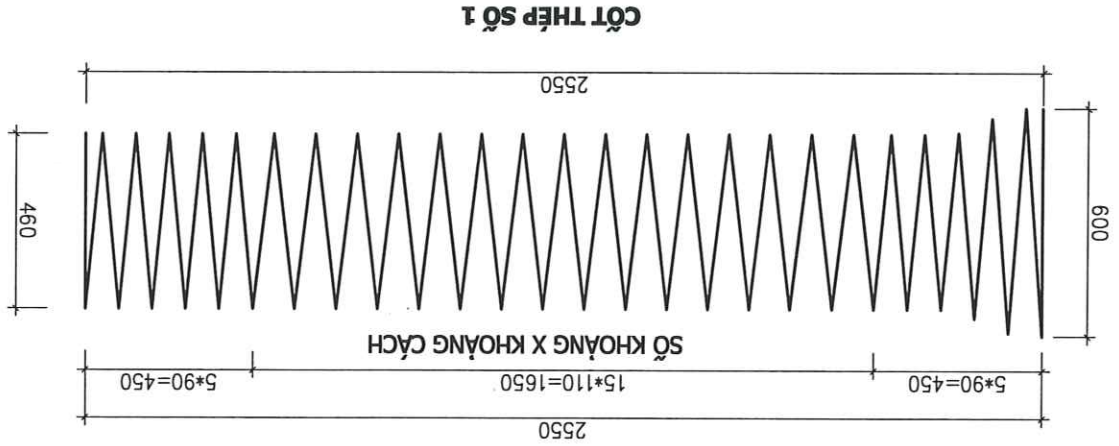
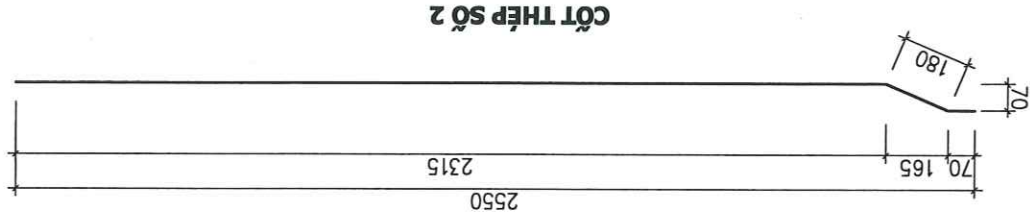
BẢNG THÔNG KÊ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CÔNG THOÁT NƯỚC
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BÌ ĐOI MỎ XÃ PHƯỚC SƠN

STT	CỘC	LÝ TRÌNH	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP THIẾT KẾ			HƯỚNG THOÁT NƯỚC	CHỨC NĂNG	CHI CHỮ
				GIẢI PHÁP	LOẠI CÔNG	KHẨU ĐỘ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		TUYẾN 1							
1	24A	Km0+422,41	D300	TK mới	Công tròn	D400	Phải-Trái	Thủy lợi	
2	29A	Km0+511,28	D300	TK mới	Công tròn	D400	Phải-Trái	Thủy lợi	

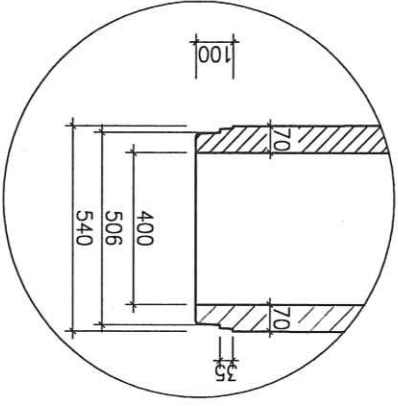


PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

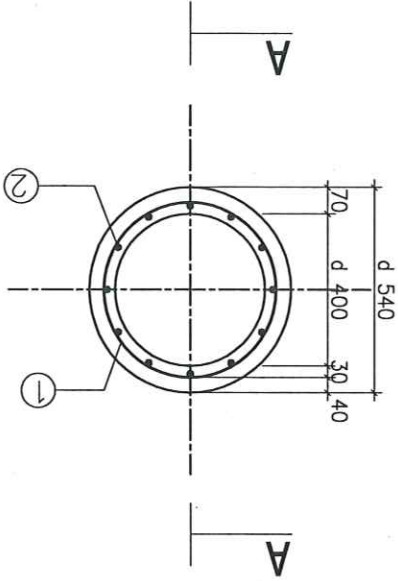
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẠ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CHỈ TIẾT 0NG CÔNG D400		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/20		LẦN XUẤT BẢN: 01	



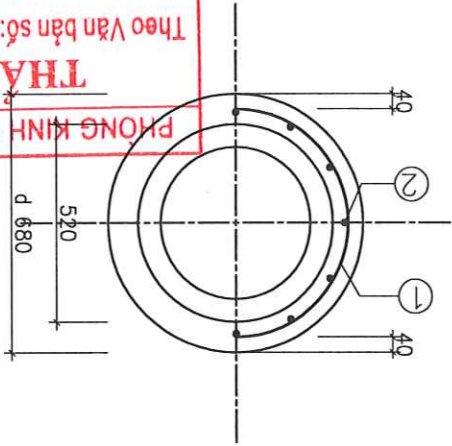
CHI TIẾT B



MẶT CẮT H



1/2 MẶT CẮT II-II



BẢNG THÔNG KẾ KHỐI LƯỢNG

TỔNG		KL SẮT		KL BÊ TÔNG M450		TRỒNG LƯÔNG CÔNG	
2	5	12	2565	30.78	0.154	4.75	8.59
1	4	1	38873.2	38.87	0.099	3.84	3.84
HIỆU KINH	SỐ	CHIỀU DÀI	THÀNH	TRỒNG	TRỒNG	TRỒNG	TỔNG KL
(kg)	(kg/m)	(m)	(mm)	(kg/m)	(kg/m)	(kg/m)	(kg)

GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm.
- Liên kết những cốt thép được tiến hành bằng mối hàn hoặc buộc.
- Cốt thép kéo nguội theo TCVN 6288:1997.
- Cống đặt dưới đường ô tô : Hoạt tải HL93-cấp tải C.
- Cống được chế tạo theo công nghệ rung - ép.

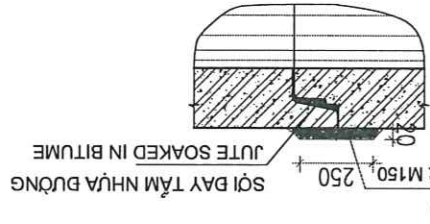
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TƯ VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ		NGUYỄN HỮU PHÚC	
NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ		ĐỒ MINH BẬT	
CHỈ TIẾT ỒNG CÔNG HỘP		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/20		LẦN XUẤT BẢN: 01	
BXH=[600X600] - HL93							

1. Kích thước trong bản vẽ ghi bằng mm
(all dimensions are in mm)
2. Liên kết thép thành cốt thép hoặc thép hàn bằng máy hàn hồ quang hoặc hàn thủ công.
3. Cốt thép hàn nguội có độ bền $R_{yk}=500$ MPa.
4. Chiều cao của cốt thép từ cốt thép 0,5-3,0m.
5. Chiều cao của cốt thép từ cốt thép 0,5-3,0m.
6. Chiều cao của cốt thép từ cốt thép 0,5-3,0m.
(Thickness of back fill soil over box culvert will be 0,5-3m).
7. Chiều cao của cốt thép từ cốt thép 0,5-3,0m.
(rc. box culvert will be manufactured with patent vibration-squeezing).

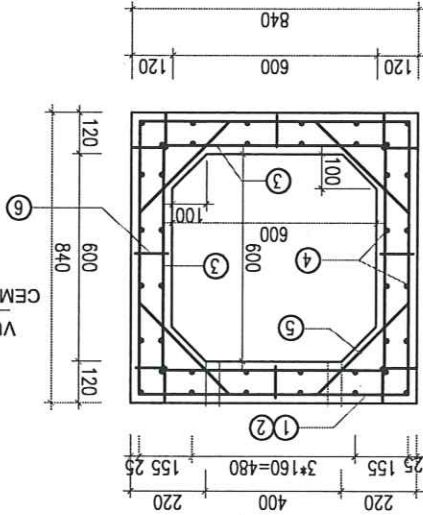
CHỈ CHỮ (REMARKS):

TỔNG		TRỌNG LƯỢNG CÔNG		KL SẮT		KL BÊ TÔNG M300		TRỌNG LƯỢNG CÔNG	
6	6	48	90	4.32	0.222	0.96	27.08	0.556	13.64
5	5	24	508	12.192	0.154	1.88	8.98	0.154	6.05
4	4	40	1454	58.16	0.154	6.05	3.20	0.222	6.01
3	3	28	1400	39.2	0.154	6.05	3.20	0.222	6.01
2	2	24	600	14.4	0.222	6.01	3.20	0.222	6.01
1	1	16	1690	27.04	0.222	6.01	3.20	0.222	6.01
KI	HIỆU	SỐ	THÀNH	CHIỀU DÀI	TRỌNG LƯỢNG	TỔNG KL	(kg)		
BƯỜNG	KINH	THÀNH	THÀNH	CHIỀU DÀI	TRỌNG LƯỢNG	TỔNG KL	(kg)		

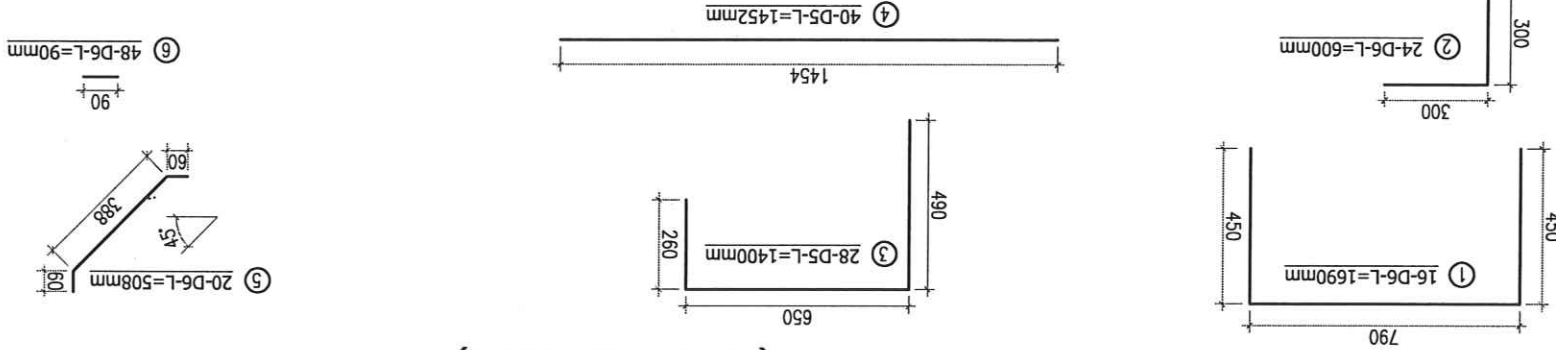
MỖI NỘI (JOINT)



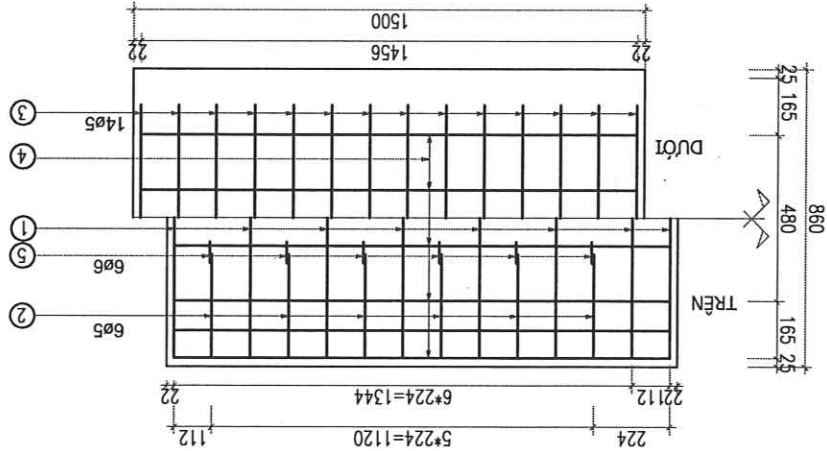
1/2 MẶT CẮT NGANG
(CROSS SECTION)



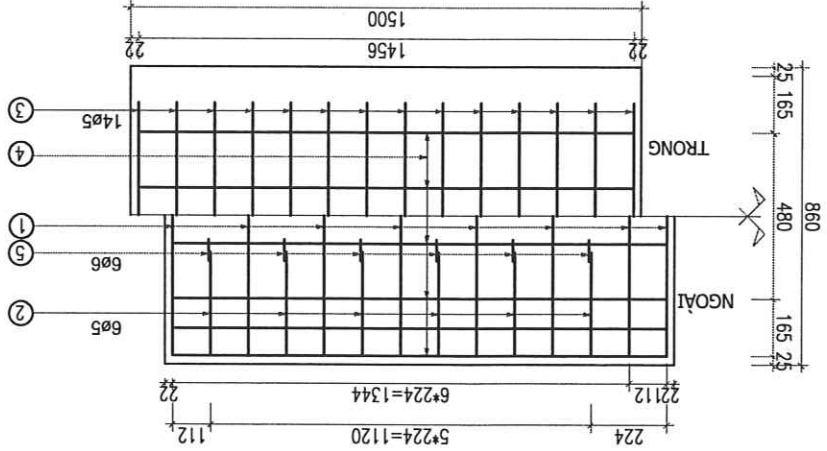
CHI TIẾT CỐT THÉP



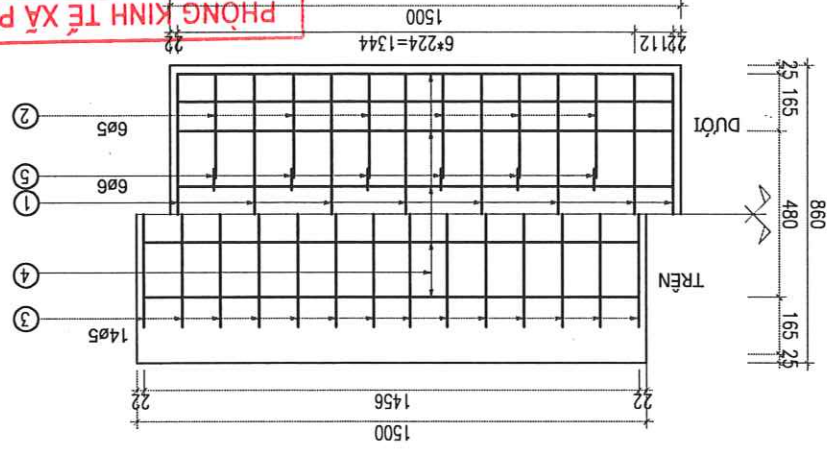
1/2 CHÍNH DIỆN (1/2 FRONT VIEW)



BẢN SƯỜN (SIDE SLAB)



BẢN DÂY (BOTTOM SLAB)



CÔNG HỘP 600X600X1500

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẠM ĐỊNH
Thợ vẽ bản số: /
Ngày: tháng năm 20
Ký tên: (QUANTITIES OF MATERIAL)

CÔNG TY TNHH DẠNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	
BÀN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHÌEM KẾ		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN VĂN VŨ	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		THÀNH ĐẠT	
ĐƯỜNG GIAO THÔNG HOI DƯỚI ĐI ĐỘI MÔ XÃ PHÚC SƠN		BẢN VẼ SỐ:		TỶ LỆ: 1/20	
BHXH=[800X800] - HL93		LẦN XUẤT BẢN: 01		CÔNG TY TNHH DTK THÀNH ĐẠT	

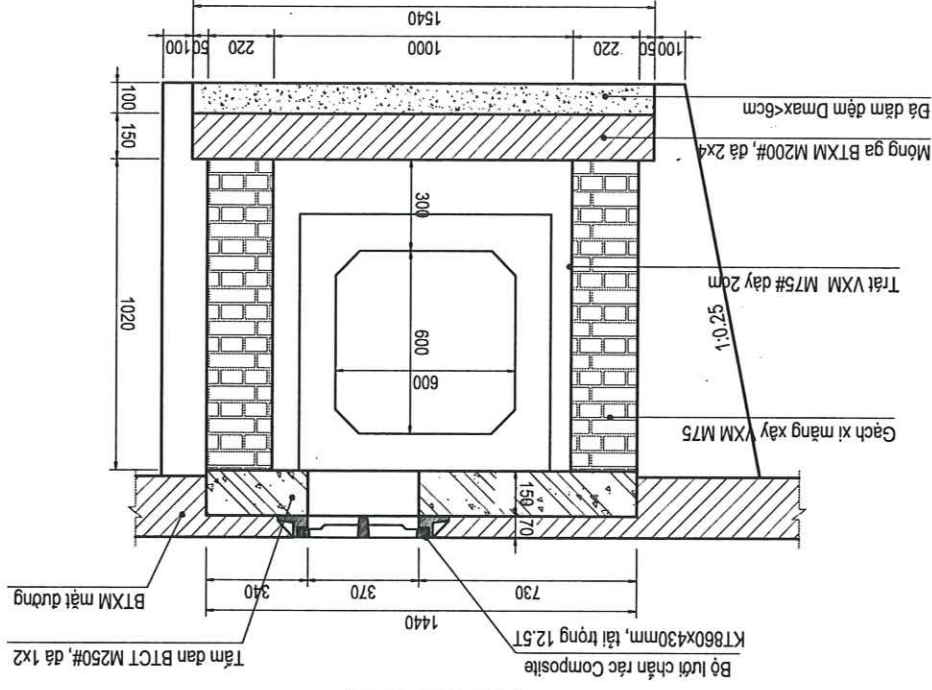
PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
Ký tên:thángnăm 20.....
Vấn bản số:
Ngày:
Ký tên:
(rc. box culvert will be manufactured with pelant vibration-squeeze):
6- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.
5- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.
4- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.
3- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.
2- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.
1- Công thức chéab bảg công nghệ - ép.

GHI CHÚ (REMARKS):

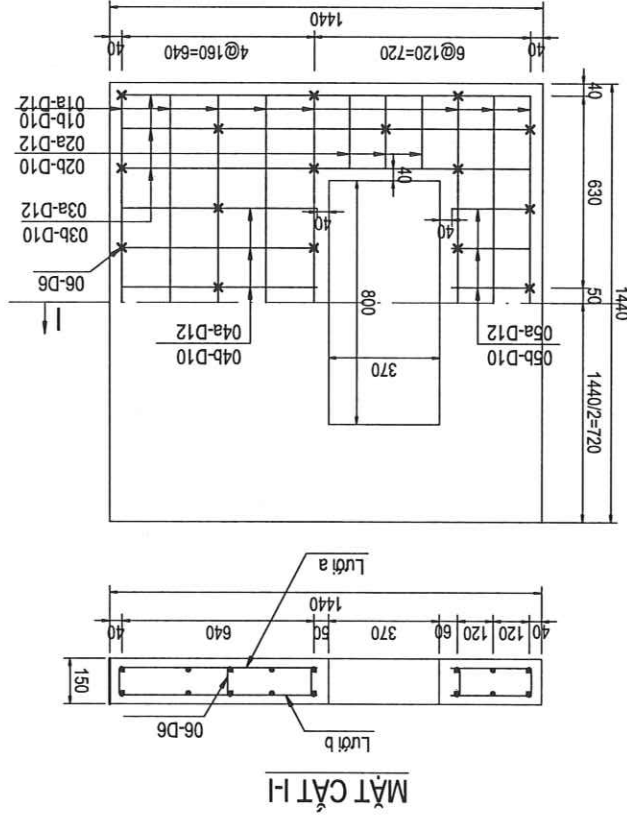
KỈ HIỆU	BUỒNG KINH	SỐ THANH	CHIỀU DÀI (mm)	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kg/m)	TỔNG KL (kg)	TỔNG	
							KL SẮT	KL BÊ TÔNG M300
6	6	64	90	5,76	0,222	1,28	41,62	
5	6	24	480	11,52	0,222	2,56	0,692	
4	6	48	1452	69,696	0,222	15,49	1708	
3	6	28	1840	51,52	0,222	11,45		
2	6	24	600	14,4	0,222	3,20		
1	6	16	2150	34,4	0,222	7,64		

CẦU TÀO GA CÔNG [600X600]- THU NƯỚC TRỰC TIẾP

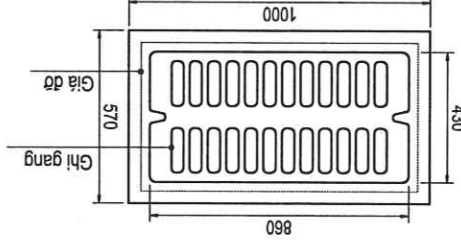
MẶT CẮT A-A



1/2 MẶT BẰNG
BỐ TRÍ CỐT THÉP
1/2 MẶT BẰNG



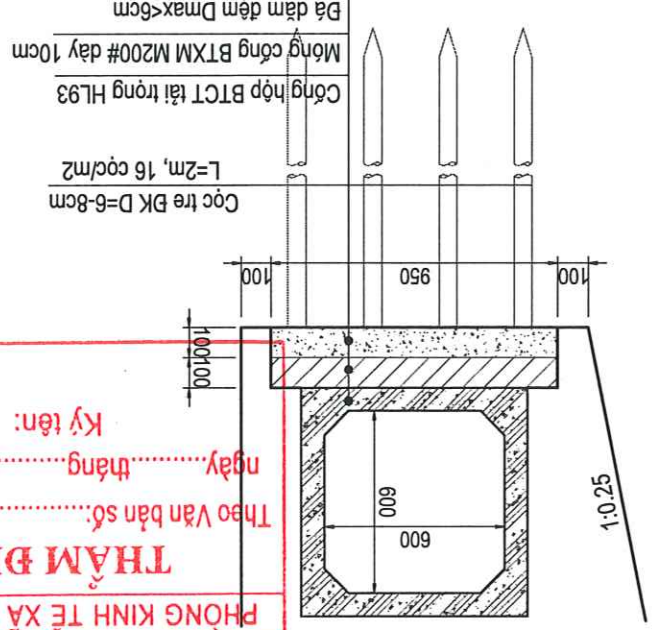
LƯỚI CHẮN RÁC COMPOSITE



THUYẾT MINH:

- 1 - Ga thu nước công hộp 600x600 bố trí với cự ly trung bình 20m/1ga
- 2 - Vật liệu yêu cầu
 - Thành ga gạch xây VXM M75#
 - Đáy ga bằng BTXM M200#, đệm đá dăm dày 10cm
 - Tấm đan bằng BTCT M250# đúc sẵn
 - Lưới chắn rác bằng Composite, tải trọng thiết kế 12.5T
- 3 - Cốt thép theo tiêu chuẩn TCVN 1651-2008
 - D>10 dùng loại CB-300-V
 - D<=10 dùng loại CB-240-T
- 4 - Kích thước trong bản vẽ ghi đơn vị là mm.

MẶT CẮT NGANG CÔNG 600X600

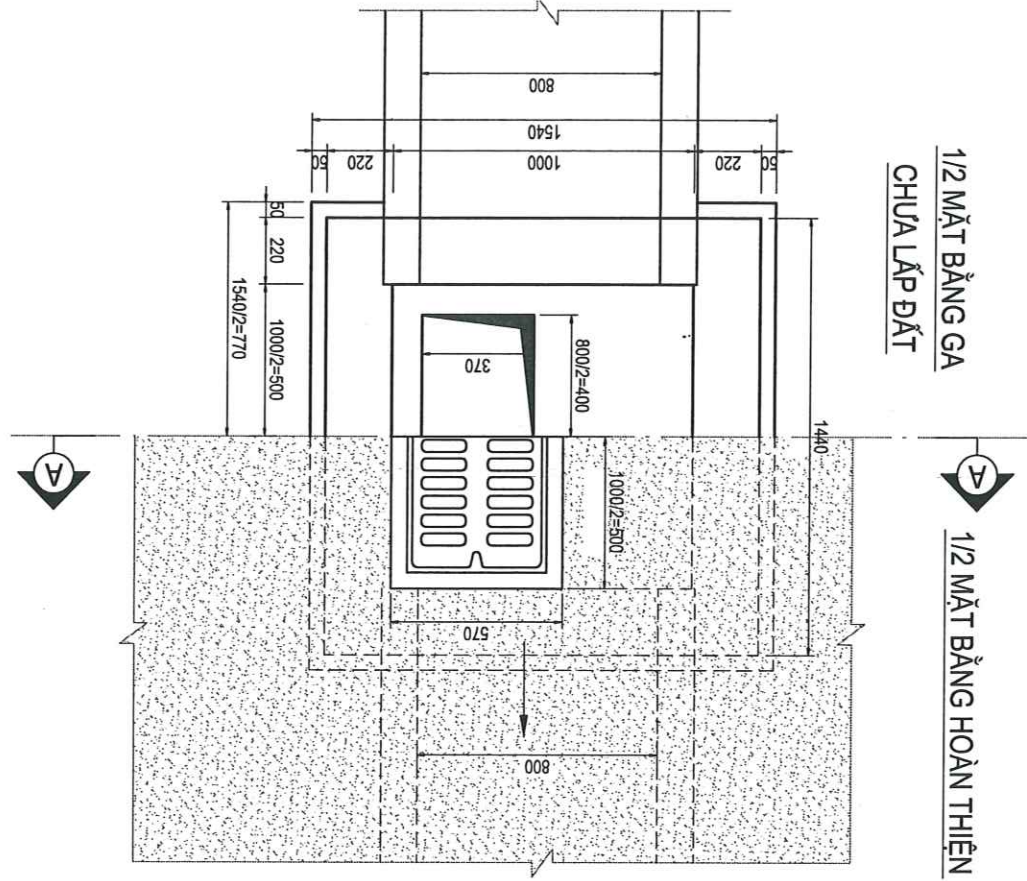
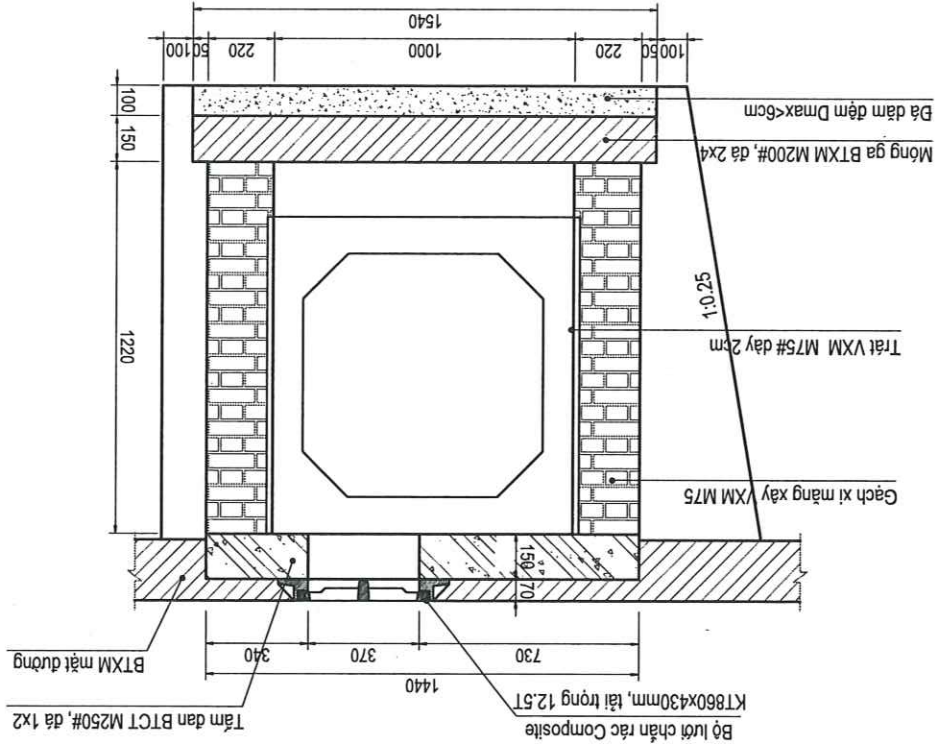


BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP 1 TẦM ĐÀN

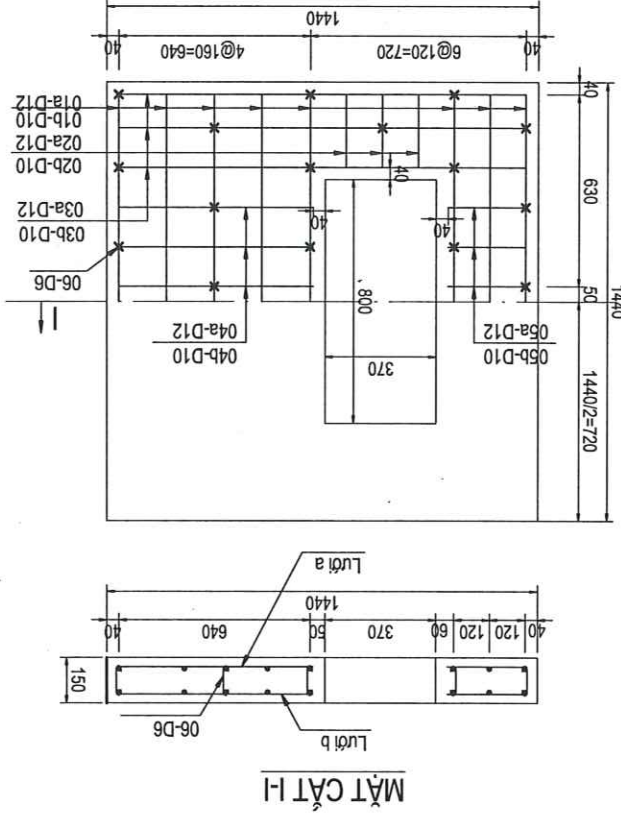
Số hiệu	Đường kính	Hình dạng, kích thước	Chiều dài (mm)	KL đơn vị (kg/m)	Số lượng (Thanh)	Khối lượng (kg)
01a	D12	1400	0.888	0.617	8	9.90
01b	D10	260	0.888	0.617	8	6.91
02a	D12	260	0.888	0.617	6	1.39
02b	D10	260	0.888	0.617	6	0.96
03a	D12	1360	0.888	0.617	6	7.25
03b	D10	1360	0.888	0.617	6	5.03
04a	D12	650	0.888	0.617	6	3.46
04b	D10	650	0.888	0.617	6	2.61
05a	D12	260	0.888	0.617	6	1.39
05b	D10	260	0.888	0.617	6	0.96
06	D6	60	0.222	0.222	32	1.49
Tổng công thép D<=10mm						17.96
Tổng công thép D>10mm						23.39

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH DK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ KỸ THUẬT	
CHỦ NHIỆM TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC	THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU PHÚC	KIỂM TRA	NGUYỄN VĂN VŨ
CHỦ TRÌ TK	NGÔ LÊ VIỆT ĐỨC				
CẦU TÀO GA CÔNG [600X600]		THU NƯỚC TRỰC TIẾP		BẢN VẼ SỐ:	
				TỶ LỆ: 1/25	
				LẦN XUẤT BẢN: 01	

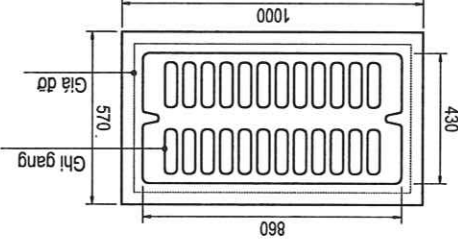
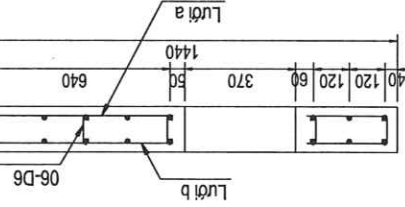
MẶT CẮT A-A



1/2 MẶT BẰNG
BỐ TRÍ CỐT THÉP
1/2 MẶT BẰNG



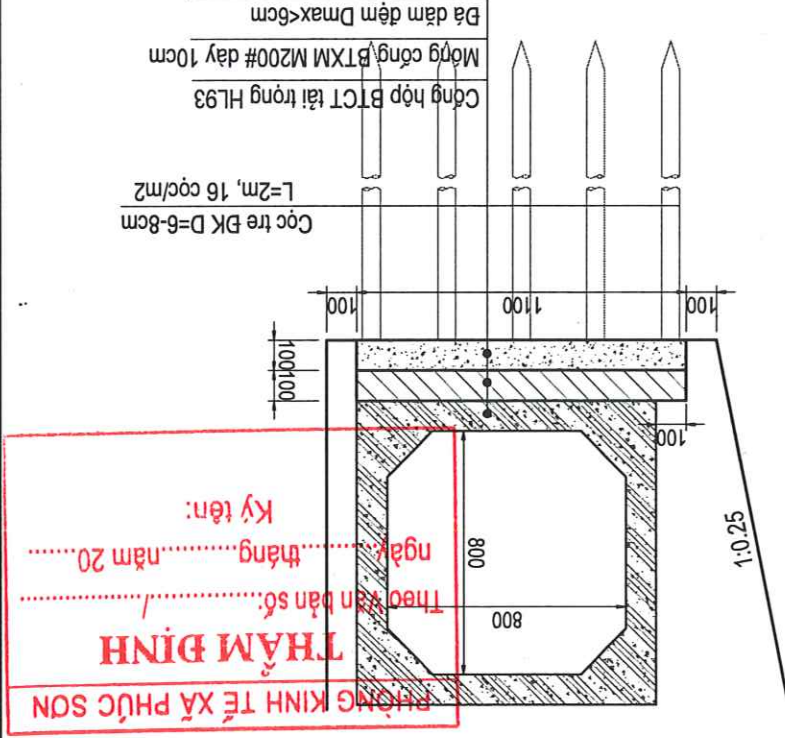
MẶT CẮT H-I



THUYẾT MINH:

- 1 - Ga thu nước mưa công hộp 800x800 bố trí với cự ly trung bình 20m/1ga
- 2 - Vật liệu yêu cầu
 - Thành ga gạch xây VXM M75#
 - Đá ga bằng BTXM M200#, dăm đá dăm dày 10cm
 - Tấm đan bằng BTCT M250# đúc sẵn
 - Lưới chắn rác bằng Composite, tải trọng thiết kế 12.5T
- 3 - Cốt thép theo tiêu chuẩn TCVN 1651-2008
 - D>10 dùng loại CB-300-V
 - D<10 dùng loại CB-240-T
- 4 - Kích thước trong bản vẽ ghi đơn vị là mm.

MẶT CẮT NGANG CÔNG 800X800



Số hiệu	Đường kính	Hình dạng, kích thước	Chiều dài (mm)	KL đơn vị (kg/m)	Số lượng (Thanh)	Khối lượng (kg)
01a	D12	1400	0.888	8	8	9.90
01b	D10	1400	0.617	8	8	6.91
02a	D12	260	0.888	6	6	1.39
02b	D10	260	0.617	6	6	0.96
03a	D12	1360	0.888	6	6	7.25
03b	D10	1360	0.617	6	6	5.03
04a	D12	650	0.888	6	6	3.46
04b	D10	650	0.617	6	6	2.61
05a	D12	260	0.888	6	6	1.39
05b	D10	260	0.617	6	6	0.96
06	D6	60	0.222	32	32	1.49
Tổng công thép D<=10mm						17.96
Tổng công thép D>10mm						23.39

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP 1 TẦM ĐÀN

(Mỗi ga có 01 tấm đan)

ỦY BAN NHẬN DẪN XÃ PHÚC SƠN		BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ PHÚC SƠN		TU VẤN THIẾT KẾ		CÔNG TY TNHH ĐTK THÀNH ĐẠT	
CÔNG TRÌNH:		ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚC SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ KỸ THUẬT		KIỂM TRA	
CHỦ NHIỆM TK		CHỦ TRÌ TK		THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN VŨ	
CHỦ NHIỆM ĐVC		CHỦ TRÌ ĐVC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGUYỄN HỮU PHÚC	
CHỦ NHIỆM ĐVC		CHỦ TRÌ ĐVC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC		NGỒ LÊ VIỆT ĐỨC	
CẦU TẠO GA CÔNG [800X800]		THU NƯỚC TRỰC TIẾP		BẢN VẼ SỐ:		LẦN XUẤT BẢN: 01	
TỶ LỆ: 1/25							

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THIẾT KẾ

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

CÔNG TRÌNH: BƯỞNG GIAO THÔNG HỒI DƯỚI BI DỜI MO XÃ PHƯỚC SƠN

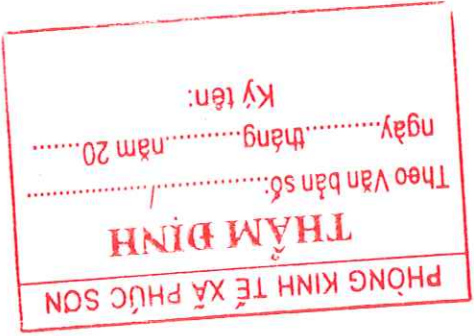
STT	HÀNG MỤC KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI TUYẾN 1	TUYẾN 1	TUYẾN 2	TUYẾN 3	TUYẾN 4	TUYẾN 5	TUYẾN 6	TUYẾN 7	TUYẾN 8	TUYẾN 9	TUYẾN 10	DIỆN GIẢI TUYẾN 2-TUYẾN 10	CHỈ CHỮ
1	Thông số kỹ thuật tuyến	m		1.936,20	544,73	173,61	145,96	296,05	95,84	132,19	190,46	143,97	67,55		
2	Bề rộng mặt đường	m													
II	Nền, mặt đường														
1	Diện tích mặt đường	m2		8.684,05	2.885,43	813,47	577,64	1.169,75	344,24	575,67	851,40	611,11	268,45	(1)=(2)+(3)	
2	- Diện tích mặt đường phần tuyến	m2		8.176,68	2.723,65	670,27	503,84	1.169,75	344,24	552,32	841,68	575,88	231,32	(2)=Bảng tính	
3	- Diện tích phần vượt nổi	m2		507,37	161,78	143,20	73,80	9,72	23,35	117,31	170,13	122,22	37,13	(3)=Bảng đồ thiêt kế	
4	Bề tổng xỉ măng M300#, đá 2x4	m3		1.851,71	692,50	162,71	115,53	233,82	68,66	115,13	112,68	115,18	53,69	(4)=(5)+(6)	
5	- Phần tuyến	m3		1.743,77	653,68	134,07	100,77	233,82	68,66	110,46	112,68	115,18	46,26	(5)=Bảng tính	
6	- Phần vượt nổi	m3		107,95	38,83	28,64	14,76	-	4,67	4,63	1,94	7,05	7,43	(6)=(3)*0,2	
7	Nilon chống mặt nước	m2		8.684,05	2.885,43	813,47	577,64	1.169,75	344,24	575,67	851,40	611,11	268,45	(7)=(1)	
8	Cát đệm dày 3cm	m3		254,81	86,56	24,41	17,33	35,07	10,32	17,27	19,80	18,33	8,05	(8)=(9)+(10)	
9	- Phần tuyến	m3		239,59	81,71	20,11	15,12	35,07	10,32	16,57	19,51	17,28	6,94	(9)=Bảng tính	
10	- Phần vượt nổi	m3		15,22	4,85	4,30	2,21	0,29	0,70	0,69	0,29	1,06	1,11	(10)=(3)*0,03	
11	Cấp phối đá dăm loại I	m3		1.555,28	455,82	145,05	115,53	233,82	68,66	115,13	132,04	118,23	53,69	(11)=(12)+(13)	
12	- Phần tuyến	m3		1.471,83	441,49	116,41	100,77	233,82	68,66	110,46	112,68	111,19	46,26	(12)=Bảng tính	
13	- Phần vượt nổi	m3		83,45	14,33	28,64	14,76	-	4,67	4,63	1,94	7,05	7,43	(13)=(3)*0,2	
14	Cấp phối đá dăm loại II	m3		472,87	472,87	472,87	472,87	-	-	-	-	-	-	(14)=(15)+(16)	
15	- Phần tuyến	m3		456,94	456,94	456,94	456,94	-	-	-	-	-	-	(15)=Bảng tính	
16	- Phần vượt nổi	m3		15,92	15,92	15,92	15,92	-	-	-	-	-	-	(16)=(22,99+11,8+16,27+17,32+10,4+0,84)*0,2	
17	Đào đất không thích hợp, đất cấp II	m3		1.299,71	1.299,71	1.299,71	1.299,71	-	-	-	-	-	-	(17)=(18)+(19)	
18	- Phần tuyến	m3		1.259,90	1.259,90	1.259,90	1.259,90	-	-	-	-	-	-	(18)=Bảng tính	
19	- Phần vượt nổi	m3		39,81	39,81	39,81	39,81	-	-	-	-	-	-	(19)=(22,99+11,8+16,27+17,32+10,4+0,84)*0,5	
20	Bấp nền bằng đất dãi, độ chặt K98	m3		665,41	665,41	665,41	665,41	-	-	-	-	-	-	(20)=(21)+(22)	
21	- Phần tuyến	m3		641,52	641,52	641,52	641,52	-	-	-	-	-	-	(21)=Bảng tính	
22	- Phần vượt nổi	m3		23,89	23,89	23,89	23,89	-	-	-	-	-	-	(22)=(22,99+11,8+16,27+17,32+10,4+0,84)*0,3	
23	Bấp nền bằng đất dãi, độ chặt K95	m3		3.408,83	1.273,47	233,11	220,79	395,48	112,37	210,23	194,97	247,53	422,07	(23)=(24)+(25)	
24	- Phần tuyến	m3		3.289,23	1.257,54	190,15	198,65	395,48	112,37	203,23	188,03	244,61	411,50	(24)=Bảng tính	
25	- Phần vượt nổi	m3		119,60	15,92	42,96	22,14	-	-	7,01	6,95	2,92	10,57	(25)=(2,99+0,3	
26	Đào móng tường chắn, công đất cấp II	m3		3.390,98	2.361,07	160,64	72,84	-	-	-	-	-	-	(26)=Bảng tính	
27	Bấp tra ngoài tường chắn đất tện dụn, độ chặt K90	m3		171,48	93,91	7,67	8,07	-	-	-	-	-	-	(27)=Bảng tính	
28	Ván khuôn mặt đường	m2		568,97	12,38	69,44	58,38	118,42	38,34	58,34	52,88	76,18	57,59	(28)=L*0,2	
29	Chiều dài khe co (4m/1 khe)	m		1.935,00	635,00	160,00	136,00	276,00	88,00	136,00	180,00	136,00	64,00	(29)=(Chiều dài tuyến/4+1-Khe giãn)*4	
30	Chiều dài khe giãn (60m/1 khe)	m		174,00	50,00	16,00	12,00	24,00	12,00	12,00	16,00	12,00	8,00	(30)=(Chiều dài tuyến/60+1)*4	
31	Chặt cây đường kính gốc D<=40cm	Cây		59,00	33,00	-	-	-	-	-	-	-	-	(31)=Bảng đồ thiêt kế	
32	Đào gốc cây bằng thủ công, cây đường kính gốc D<=40cm	Cây		59,00	33,00	-	-	-	-	-	-	-	-	(32)=(31)	
33	Bốc lên xe bằng thủ công	m3		19,85	16,59	-	-	-	-	-	-	-	-	(33)=(31)*4*PI()*0,2*2/4	
34	Đào khuôn, đất cấp III	m3		2.735,41	-	378,98	323,45	605,08	220,39	313,96	301,00	232,30	197,48	(34)=(35)+(36)	
35	- Phần tuyến	m3		2.493,49	-	278,74	271,79	605,08	220,39	297,61	284,78	225,49	136,78	(35)=Bảng tính	
36	- Phần vượt nổi	m3		241,91	-	100,24	51,66	-	-	16,35	16,21	6,80	24,66	(36)=(3)*0,3	
III	Kế đá học xây	m		1.211,50											
1	Đá học xây thân kẻ VXM M100#	m3		1.169,06											
2	Đá học xây móng kẻ VXM M100#	m3		982,87											
3	Bê tông mũ kẻ M250#, đá 2x4	m3		96,92											
4	Ván khuôn mũ kẻ	m2		484,60											
5	Đá dăm đệm móng Dmax<6cm, dày 15cm	m3		242,13											
6	Cọc tre ĐK D=6-8cm, L=1-2,5m, 20-25 cọc/m2	m		43.291,53											
7	Ông nhựa PVC D76mm	m		182,02											
8	Đất sét đệm tầng lọc ngược	m3		6,02											
9	Đá dăm tầng lọc ngược, đá 1x2	m3		4,01											
10	Vải địa không dệt bị đứt dầu ông KT 20x20cm	m2		8,92											
11	Chết khe phòng lún bao tải tấm nhựa đường	m2		431,40											
	Bờ vây ngăn nước thi công kẻ	m		165,00											
1	Cọc tre D10, L=3m, 50cm/1 cọc	m		1.992,00											
2	Tre giằng dọc D5, mỗi bên 4 thanh	m		990,00											
3	Phần nửa chân đất L=2,2m	m2		726,00											
4	Thép giằng D6, L=2,9m, 2m/2 giằng	Kg		108,80											
5	Đắp đất bờ vây bằng đất tện dụn K85	m3		330,00											
6	Thanh thép đất bờ vây	m3		330,00											

THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHƯỚC SƠN

Theo Văn bản số: /
ngày...tháng...năm 20...
Ký tên:

STT	HÀNG MỤC KHỐI LƯỢNG	BON VỊ	DIỄN GIẢI TUYỂN 1	TỔNG	TUYỂN 1	TUYỂN 2	TUYỂN 3	TUYỂN 4	TUYỂN 5	TUYỂN 6	TUYỂN 7	TUYỂN 8	TUYỂN 9	TUYỂN 10	GHI CHÚ
7	Bom nước phục vụ thi công	Ca		20,00				15,00					5,00		
IV	An toàn giao thông														
1	Cọc tiêu đảm bảo giao thông	Cọc	(1)=Bình dõ thiết kế	129,00	114,00								15,00		
2	Bê tông cọc tiêu M200#, đá 1x2	m3	(2)=Số cọc*KL chi tiết	3,16	2,79								0,37		
3	Ván khuôn cọc tiêu	m2	(3)=Số cọc*KL chi tiết	47,47	41,95								5,52		
4	Thép cọc tiêu D<=10mm	Kg	(4)=Số cọc*KL chi tiết	341,85	302,10								39,75		
5	Sơn trắng lót 2 lớp	m2	(5)=Số cọc*KL chi tiết	44,51	39,33								5,18		
6	Sơn đỏ 1 lớp	m2	(6)=Số cọc*KL chi tiết	10,84	9,58								1,26		



KL CHI TIẾT KẾ BÀ HỌC XÂY (TÍNH CHO 1 ĐƠN VỊ)



PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:

STT	Hàng mục khối lượng	Đơn vị	Chiều cao H=1,10m	Chiều cao H=1,30m	Chiều cao H=1,50m	Chiều cao H=1,70m (áp mương)	Chiều cao H=1,70m (vai đường)	Chiều cao H=2,30m	Khối lượng tính cho 1m kê
I	Khối lượng tính cho 1m kê								
1	Bà học xây thân kê VXM M100#	m3	0,580	0,740	0,915	1,100	1,100	1,701	1,701
2	Bà học xây móng kê VXM M100#	m3	0,700	0,730	0,760	0,740	0,860	1,510	1,510
3	Bê tông mũ kê M250#, đá 2x4	m3	0,08	0,08	0,08	0,08	0,08	0,08	0,08
4	Ván khuôn mũ kê	m2	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40
5	Bà dăm dẽm móng Dmax<6cm, dày 15cm	m3	0,192	0,200	0,207	0,185	0,215	0,282	0,282
6	Cọc tre ĐK D=6-8cm, L=1-2,5m, 20-25 cọc/m2	m	25,60	26,60	86,25	24,60	28,60	114,38	114,38
II	Khối lượng tính cho 1 ống thoát nước lưng kê (3m kê/1 ống)								
7	Ông nhựa PVC D76mm	m	0,74	0,79	0,84	-	0,89	1,04	1,04
8	Đất sét dẽm tầng lọc ngược	m3	0,027	0,027	0,027	-	0,027	0,027	0,027
9	Bà dăm tầng lọc ngược, đá 1x2	m3	0,018	0,018	0,018	-	0,018	0,018	0,018
10	Vải địa không dệt bịt đầu ống KT 20x20cm	m2	0,04	0,04	0,04	-	0,04	0,04	0,04
III	Khối lượng tính cho 1 khe phòng lún (5m kê/ 1 khe)								
11	Chết khe phòng lún bao tải tằm nhựa đường	m2	1,28	1,47	1,68	1,84	1,96	3,21	3,21

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KẾ TOÀN TUYẾN

STT	Hàng mục khối lượng	Đơn vị	Chiều cao H=1,10m	Chiều cao H=1,30m	Chiều cao H=1,50m	Chiều cao H=1,70m (áp mương)	Chiều cao H=1,70m (vai đường)	Chiều cao H=2,30m	Tổng khối lượng
Tuyến 1		m	325,00	193,00		539,00			1.057,00
Tuyến 4		m			17,50				17,50
Tuyến 9		m					7,00	130,00	137,00
I	Chiều dài kê		325,00	193,00	17,50	539,00	7,00	130,00	1.211,50
1	Bà học xây thân kê VXM M100#	m3	188,50	142,82	16,01	592,90	7,70	221,13	1.169,06
2	Bà học xây móng kê VXM M100#	m3	227,50	140,89	13,30	398,86	6,02	196,30	982,87
3	Bê tông mũ kê M250#, đá 2x4	m3	26,00	15,44	1,40	43,12	0,56	10,40	96,92
4	Ván khuôn mũ kê	m2	130,00	77,20	7,00	215,60	2,80	52,00	484,60
5	Bà dăm dẽm móng Dmax<6cm, dày 15cm	m3	62,40	38,50	3,62	99,45	1,50	36,66	242,13
6	Cọc tre ĐK D=6-8cm, L=1-2,5m, 20-25 cọc/m2	m	8.320,00	5.133,80	1.509,38	13.259,40	200,20	14.868,75	43.291,53
II	Số lượng ống thoát nước lưng kê (3m kê/1 ống)		108,00	64,00	6,00	180,00	2,00	43,00	
7	Ông nhựa PVC D76mm	m	79,92	50,56	5,04	-	1,78	44,72	182,02
8	Đất sét dẽm tầng lọc ngược	m3	2,92	1,73	0,16	-	0,05	1,16	6,02
9	Bà dăm tầng lọc ngược, đá 1x2	m3	1,94	1,15	0,11	-	0,04	0,77	4,01
10	Vải địa không dệt bịt đầu ống KT 20x20cm	m2	4,32	2,56	0,24	-	0,08	1,72	8,92
III	Số lượng khe phòng lún (5m kê/ 1 khe)		65,00	39,00	4,00	108,00	1,00	26,00	
11	Chết khe phòng lún bao tải tằm nhựa đường	m2	83,20	57,33	6,70	198,72	1,96	83,49	431,40

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG HỢP

CÔNG TRÌNH: BƯỜNG GIAO THÔNG HƠI DƯỚI BI ĐOI MO XÃ PHÚC SƠN

STT	HÀNG MỨC KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	DIỆN GIẢI	TỔNG	TUYẾN 2	TUYẾN 8	GHI CHÚ
I	Công hợp						
1	Chiều dài công hợp [0,8x0,8]m, tải trọng HL93	m	(1)=Bình đồ thiết kế	155,00	-	155,00	
2	Chiều dài công hợp [0,6x0,6]m, tải trọng HL93	m	(2)=Bình đồ thiết kế	130,00	130,00	-	
3	Bê tông móng công M200#	m3	(3)=(1)*1,1*0,1+(2)*0,95*0,1	29,40	12,35	17,05	
4	Ván khuôn móng công	m2	(4)=((1)+(2))*0,1*2	57,00	26,00	31,00	
5	Bê dăm đệm Dmax<6cm	m3	(5)=(1)*1,1*0,1+(2)*0,95*0,1	29,40	12,35	17,05	
6	Cọc tre ĐK 6-8cm, L=2m, 16 cọc/m2	m	(6)=((1)*1,1+(2)*0,95)*16*2	9.408,00	3.952,00	5.456,00	
II	Ga công						
1	Số lượng ga công hợp [0,8x0,8]m	Cái	(1)=Bình đồ thiết kế	9,00	-	9,00	
2	Số lượng ga công hợp [0,6x0,6]m	Cái	(2)=Bình đồ thiết kế	8,00	8,00	-	
3	Gạch xây thành ga VXM M75#	m3	(3)=(1)*((1,44*1,44-1)*1,22-1,04*1,04*0,22*2)+(2)*((1,44*1,44-1)*1,02-0,84*0,84*0,22*2)	13,78	6,28	7,50	
4	Trát thành trong VXM M75 dày 2cm	m2	(4)=(1)*(1*4*1,22-1,04*1,04*2)+(2)*(1*4*1,02-0,84*0,84*2)	45,80	21,35	24,45	
5	Bê tông móng ga M200#	m3	(5)=((1)+(2))*1,54*1,54*0,15	6,05	2,85	3,20	
6	Ván khuôn móng ga	m2	(6)=((1)+(2))*1,54*4*0,15	15,71	7,39	8,32	
7	Bê dăm đệm Dmax<6cm	m3	(7)=((1)+(2))*1,54*1,54*0,1	4,03	1,90	2,13	
8	Tấm đan ga KT 1440x1440mm	Cái	(8)=(1)+(2)	17,00	8,00	9,00	675Kg/tấm
9	Bê tông tấm đan M250#	m3	(9)=(8)*(1,44*1,44-0,37*0,8)*0,15	4,53	2,13	2,40	
10	Ván khuôn tấm đan	m2	(10)=(8)*(1,44*4+2*(0,37+0,8))*0,15	20,66	9,72	10,94	
11	Thép tấm đan D<=10mm	Kg	(11)=(8)*17,96	305,32	143,68	161,64	
12	Thép tấm đan D>10mm	Kg	(12)=(8)*23,39	397,63	187,12	210,51	
13	Bộ lưới chắn rác Composite 860x430, tải trọng 12,5T	Bộ	(13)=(8)	17,00	8,00	9,00	
14	Đào móng đất C3	m3		51,50	20,00	31,50	
15	Đắp trả móng bằng đất tận dụng	m3		15,45	6,00	9,45	

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Ký tên:



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG TRƠN

CÔNG TRÌNH: BƯỜNG GIAO THÔNG HƠI DƯỚI BI ĐOI MO XÃ PHÚC SƠN

STT	HÀNG MỤC KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ	TỔNG	TUYẾN I		GHI CHÚ
1	Bê tông móng công, giá cở M200#	m3	1,81	0,90	0,91	
2	Ván khuôn móng công	m2	6,63	3,30	3,33	
3	Đã dăm đệm Dmax<6cm	m3	1,18	0,59	0,59	
4	Gạch xây khe phai VXM M75#	m3	0,44	0,22	0,22	
5	Trát khe phai VXM M75# dày 2cm	m2	4,82	2,41	2,41	
6	Cọc tre BK 6-8cm, L=2,5m, 25 cọc/m2	m	396,85	198,43	198,43	
7	Ông công D400, tải trọng HL93	m	13,00	6,50	6,50	
8	Đào móng công đất cấp II	m3	10,35	5,46	4,90	
9	Đắp hoàn trả bằng đất dôi, độ chặt K95	m3	7,66	4,01	3,65	

PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚC SƠN

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Ký tên:.....

